

# VĂN HÓA

## TẬP SAN

文化

Năm thứ XX

Số 3 (năm 1971)  
& 4

GIÁ BÁN TOÀN QUỐC :

| số (tự nhân) . . . . . 80\$

| số (công số) . . . . . 160\$

(ở xa thêm tiền cước phí)

SỞ ĐẶC BIỆT

LỄ KỶ-NIỆM NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM

**Tòa soạn : Nha Văn-Hóa**

**PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH  
ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**

*Số 8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon*

*Điện thoại : 92038*

*Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Ô. TẤN-VĂN-HĨ*

*Tổng thư-ký : CÔ ĐẶNG-VŨ-THỊ-THẢO*

*Quản-lý : Ô. LÊ-VĂN-ĐÌNH*

với sự hợp tác của Quý Ông : Bửu Cầm,  
Nguyễn Duy Căn, Nguyễn Đình Diệm, Hoàng  
Tiến Dũng, Nguyễn Thọ Dực, Lê Xuân  
Khoa, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Bá Lăng, Lê  
Mạnh Liễu, Nguyễn Ngạc, Hoàng Văn Suất,  
Phạm Đình Tân, Nguyễn Đăng Thục, Bùi Đức  
Tịnh, Nghiêm Toàn, Nguyễn Chung Tú, Lê  
Thành Tri, Lê Ngọc Trụ, Vũ Trọng Ứng,  
Hà Ngọc Xuyên...

Ngoài ra, Nha Văn-Hóa mong mỗi sự  
hợp tác của quý vị văn-nhân học-giả.

Thư từ ngân phiếu xin đề Ông Giám-  
đốc Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn-Trung-Trực,  
Saigon

**BỘ VĂN-HÓA CHẤO-DỰC  
VÀ THANH-NHIÊN**  
*Kính Bày*

# VĂN HÓA

## TẬP SAN

**NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT - BẢN**

**Năm thứ XX Số 3 & 4 (năm 1971)**

**NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM**

Tòa soạn : Nha Văn-Hóa

PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH  
ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

Số 8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon

Điện thoại : 92038

Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Ô. TẦN-VĂN-HÍ

Tổng thư-ký : Cô ĐẶNG-VŨ-THỊ-THẢO

Quản-lý : Ô. LÊ-VĂN-ĐÌNH

với sự hợp tác của Ông Ông Bửu Cầm,  
Nguyễn Duy Căn, Nguyễn Đình Diệm, Hoàng  
Tiến Dũng, Nguyễn Thọ Đức, Lê Xuân  
Khoa, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Bá Lăng, Lê  
Mạnh Liêu, Nguyễn Ngạc, Hoàng Văn Suất,  
Phạm Đình Tân, Nguyễn Đăng Thục, Bùi Đức  
Tịnh, Nghiêm Toàn, Nguyễn Chung Tú, Lê  
Thành Trí, Lê Ngọc Tru, Vũ Trọng Ứng,  
Hà Ngọc Xuyên...

Ngoài ra, Nha Văn-Hóa mong mỗi sự  
hợp tác của quý vị văn-nhân học-giả.

Thư từ ngân phiếu xin đề Ông Giám-  
đốc Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn-Trung-Trực,  
Saigon

BỘ VĂN-HÓA ĐẠO-ĐỨC  
VÀ THANH-NIỆN  
Kính Báo

# VĂN HÓA

## TẬP SAN

NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT - BẢN

Năm thứ XX Số 3 & 4 (năm 1971)

NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM

# VĂN - HÓA

## TẬP SAN

NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT BẢN

Năm thứ XX, Số 3 & 4 (năm 1971)

### mục-lục

|  |                |    |
|--|----------------|----|
| ● Lễ kỷ-niệm Nguyễn-Đình-Chiều ...                 | NGŨ-LANG       | 1  |
| Con người toàn diện<br>của Nguyễn-Đình-Chiều ...   | NGUYỄN-DUY-CẦN | 6  |
| Nguyễn-Đình-Chiều Chiến-sĩ ...                     | VÕ-VĂN-DUNG    | 16 |
| Người phụ-nữ trong thi-phẩm<br>Lục-Vân-Tiên ...    | ÁI-LAN         | 42 |
| Nguyễn-Đình-Chiều, nhà thơ lớn<br>của miền Nam ... | BÀNG-BÀ-LÂN    | 59 |

- Du khảo vùng Ba-tri:  
thăm mộ Cụ Đồ-Chiều... MỘNG-TUYẾT  
THẤT TIÊU MUỘI 84
- Nguyễn-Đình-Chiều, một chiến-sĩ  
văn-nghệ cách-mạng binh dân... NGUYỄN-QUANG-TÔ 103
- Tâm-lý dân chúng miền Nam xuyên qua  
văn, thơ Nguyễn-Đình-Chiều... TRƯƠNG-BÁ-PHÁT 116
- Cảnh trí trong Lục-Vân-Tiên... TRẦN-CỬU-CHẤN 139
- Tin Văn-Hóa* 146
- Phụ-trương*
- Le Taoisme dans le Lục-Vân-Tiên... TRẦN-CỬU-CHẤN 165

# CULTURE

## REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS  
MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS

VOL. XX, Nos 3 & 4 (1971)

## contents

- The Ceremony commemorating  
Nguyễn-Đình-Chiều... NGŨ-LANG 1
- The whole portrait of  
Nguyễn-Đình-Chiều... NNUYỄN-DUY-CÂN 6
- Nguyễn-Đình-Chiều, the Heroe... VÕ-VĂN-DUNG 16
- The Woman in the work Lục-Vân-Tiên... AI-LAN 42
- Nguyễn-Đình-Chiều, a great poet  
of the South Vietnam... BÀNG-BÁ-LÂN 59

- A fact finding trip to the region of Ba-tri ... MỘNG-TUYẾT  
THẤT TIÊU MUỘI 84
  - Nguyễn-Đình-Chiều, a popular revolutionary poet ... NGUYỄN-QUANG-TÔ 103
  - Psychology of the folk through the poems of Nguyễn-Đình-Chiều ... TRƯƠNG-BÁ-PHÁT 116
  - The landscape in the poem "Lục-Vân-Tiên" ... TRẦN-CỬU-CHẤN 139
- Cultural News* 146
- Supplement*
- The Taoism in "Lục-Vân-Tiên" ... TRẦN-CỬU-CHẤN 165

# CULTURE

PUBLIÉE PAR LE

MINISTÈRE D'ÉTAT CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES

VOL. XXI Nos 3 & 4 (1971)

## table des matières

- Cérémonie commémorative de Nguyễn-Đình-Chiều ... NGŨ-LANG 1
- Nguyễn-Đình-Chiều, l'homme accompli ... NGUYỄN-DUY-CẦN 6
- Nguyễn-Đình-Chiều, le combattant ... VŨ-VĂN-DUNG 16
- La Femme dans l'œuvre "Lục-Vân-Tiên" ... AI-LAN 42
- Nguyễn-Đình-Chiều, le grand poète du Sud Việt-Nam ... BÀNG-BÁ-LÂN 59

● Connaissances sur la région de Ba-tri ... MỘNG-TUYẾT 84  
THẤT TIÊU MUỘI

○ Nguyễn-Đình-Chiêu, le lettré  
révolutionnaire populaire ... NGUYỄN-QUANG-TÔ 103

● Psychologie de la foule à travers les  
poèmes de Nguyễn-Đình-Chiêu ... TRƯƠNG-BÁ-PHÁT 116

○ Le décor dans le poème  
Lục-Vân-Tiên ... TRẦN-CỬU-CHẤN 139

*Nouvelles culturelles* 146

*Supplément*

Le Taoïsme dans le Lục-Vân-Tiên ... TRẦN-CỬU-CHẤN 165



DI-ẢNH CỤ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU

- Connaissances sur la région de Ba-tri ... MÔNG-TUYẾT 84  
THẤT TIÊU MUỘI
- Nguyễn-Đình-Chiều, le lettré  
révolutionnaire populaire ... NGUYỄN-QUANG-TÔ 103
- Psychologie de la foule à travers les  
poèmes de Nguyễn-Đình-Chiều ... TRƯƠNG-BÀ-PHÁT 116
- Le décor dans le poème  
Lục-Vân-Tiên ... TRẦN-CỬU-CHẤN 139
- Nouvelles culturelles* 146
- Supplément*
- Le Taoïsme dans le Lục-Vân-Tiên ... TRẦN-CỬU-CHẤN 165



DI-ẢNH CỤ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU



**MISSING**

**PAGE(S)**

xuân-Nguyễn và Tổng-đốc Nguyễn-văn-Quế, rồi chiếm thành Saigon, lập triều-đình riêng. Quốc-biến này đã thành gia-biến cho nhiều gia-đình : thân sinh cậu ấm Chiêu, cụ Nguyễn-đình-Huy không đầu « Ngụy » trốn về triều, bị tước chức phải trở lại thường dân. Cụ vào Saigon, rước con ra Huế, gởi gắm cho người bạn làm Thái-Phó ở triều, để theo hầu điều-đầy mà học tập văn-chương.

Năm Quý-mão, Thiệu-Trị tam niên (1843), khoa thi hương ở Gia-định, Nguyễn-đình-Chiều đỗ Tú-tài. Nợ thanh-khâm đến đây kể là đã trả được nhiều rồi. Đường mây chừng như từ đây dễ trở lối. Sư báo bổ hiền-dương phụ mẫu thấy gần thành ở trước mặt.

Nhưng mà sự đời, dễ sông-sẻ tron tru cho đâu. Nguyễn-đình-Chiều mười tuổi đã biết cái nỗi thảm khốc hãi-hùng của quốc-biến. Việc « biên tru » là việc ghê hờn, cậu ấm Đình Chiêu trọn đời chắc phải giữ lấy đó một cái ấn-tượng kinh-ngạc.

Giờ thời, chính năm Nguyễn-đình-Chiều đỗ Tú-tài lại là một hung-niên của nước Việt-Nam mới vừa điện-định vì bắt đầu từ đây, người Pháp, thầy và bạn của Thế-tổ nhà Nguyễn, trở nên thù địch của Nguyễn-triều. Thật thế, ngày hai mươi bảy tháng giêng năm Quý-mão ấy (25-2-1843) chiếc tiêu hạm L' Héroïne do Favin L' Evêque làm hạm trưởng, xô đại bác thị oai trước cửa Hàn (Tourane) để đòi tự do cho 5 vị linh-mục bị xử tử và bị cầm tù ở Huế.

Tiếng súng ngoài khơi đã dội oai-khí đến tận đền vua Thiệu-Trị, chắc cũng đã làm cho vua nghe rung động đến ngai vàng, cho nên vài mươi ngày sau (17 tháng 3) 5 vị linh-mục kia được thả ra cho về chốn bầy chiên mới.

Súng bắn thị oai thời đạn bay bông, không nhằm vật, không hại người, nhưng trúng nặng thương lòng sĩ nhục của nhà vua và của cả sĩ phu trong nước. Nguyễn-đình-Chiều tuy ở Saigon, tuy còn nhỏ, nhưng mà nhiều ít

cũng nhờ phần vua vẽ mặt thơ-hương thì chắc cũng phải đau lòng vì mấy viên đạn đầu tiên của nước Pháp xạ xuống đất Việt-Nam của triều Nguyễn. Chí kinh-luân của cậu Tú-tài chắc cũng từ đó mà càng hăng. Cậu xoi kinh nấu sừ mấy năm nữa để đợi khoa thi hội.

Thảm thay, súng rền năm Quý-mão hầy còn dư-hương nặng nề, thời tháng tư năm Ất-tỵ (5-1845) Phó Đô-Đốc Cecile lại lĩnh sai Đại-Ủy hải-quân Fortier du Plant đem chiếc tiêu hạm Alemene đến trước cửa Hàn xô đại-bác thị-oi một lần nữa. Lần này để đòi tự do cho Linh-mục Lefèbvre bị xử tử; ngày 13-6-1845, Linh-mục Lefèbvre được thả ra.

Thời, đó là việc lớn của triều-đình phải đối phó. Phận học trò sau nữa rồi sẽ hay. Năm 25 tuổi (1847) Nguyễn-đình-Chiều cất gánh về kinh để chờ khoa Kỳ-dậu (1848).

Cũng năm 1847 — là năm tiên-sinh « quảy gánh xuống Trường-An » đó — quốc biển lại xảy ra nữa: Đại-úy Hải-quân Lapierre dẫn chiếc trung hạm La Gloire, còn Rigault de Genouilly dẫn chiếc trung hạm La Victorieuse, đồng đến trước cửa Hàn ngày 14-4-1847 bắn tan hạm đội của vua nhà Nguyễn, nhưng không chiếm cứ thành trì nào cả, mà quay chiến hạm ra đi. Tuy thế, vua Thiệu-Trị cũng ưu-sầu uất-phẫn lắm. Ngày hai mươi bảy tháng chín năm ấy (4-11-1847) vua thăng hà. Tự-Đức lên nối ngôi, thì hậu bán thế-kỷ thứ 19 sẽ đầy đầy thương tích thảm xót cho lịch-sử nhà Nguyễn mà cậu Tú-tài Chiểu sẽ cũng phải đau đớn đòi phen cho nổi nước nổi nhà.

Đương đợi khoa, thời một tin sét đánh của ghe từ trong Nam đem tới quán trọ: rằm tháng mười một, năm Mậu-thân (10-12-1848), mẹ của tiên-sinh, mới 48 tuổi đã mất ở Saigon. Tiên-sinh đành bỏ thi phân-bộ: Lòng hiếu-tử, dậm quan-hà; trắc-dĩ với trông, mây bạc phao tuôn, khôn cầm huyết-lụy... Khóc, Tiên-sinh khóc cho đến:

« Ôi thời con mắt đã mang lấy sầu »

Tiên-sinh sẽ không ra khỏi chốn mịt-mù mà phải những bốn mươi năm trời giam-hãm trong bóng tối.

Mãi đến năm sau, tiên sinh mới về đến quê nhà đóng cửa cư tang. Có lẽ cuối năm 1850, mần khóc mẹ, thì tiên sinh mở trường dạy học trò tại Saigon. Gần xa sĩ tử nghe danh mền đức tựu về học với tiên sinh rất đông, cho chí người ở Mỹ-Tho, Gò-Công cũng tìm đến làm môn đệ. *Tiếng Đờ-Chiều nổi dậy từ đây.*

Kính thưa Quý vị,

Tiếng Đờ-Chiều nổi dậy khoảng 1850, quả thế, song muốn nổi tiếng li Đờ-Chiều, cậu Tú-tài Nguyễn-Đình-Chiều:

« Lỡ bề báo hiếu, lỡ bề lập thân »

Đã trải qua ít lắm là hai cảnh ngộ éo-le, quá éo-le.

Tài học đã đến chỗ

« khởi phụng dâng giao »

rồi, sắp sửa xuân vi đình thí rồi, nay mai bằng hồ đề danh là sự cầm chắc rồi vậy hầy đợi thi xong, bái tổ vinh quy sẽ về chịu tang mẹ luôn cho rõ ràng, vì khi hung tin đến Huế thì mẹ đã qua đời lâu rồi, có về liền đi nữa cũng chẳng cứu vãn gì được mà lại lỡ dở công danh, ngàn năm một hội. Thế thường, lắm người nghĩ như vậy và làm như vậy. Song Tú-tài Chiểu không làm như vậy: được tin là lập tức trở về, người đã dẹp qua một bên công danh lợi lộc riêng của mình, chỉ biết có ơn cúc dục cù lao của mẹ, xem cần đai hót mào vua sắp ban nhẹ hơn dây rơm mũ bạc thùng, tròn hiếu đạo.

Ta nên nhớ là cậu Tú-tài Chiểu mới 25 tuổi lúc sắp thi hội, thi đình, tuổi trẻ là tuổi đang say mê danh lợi. Và chẳng thời bấy giờ hết phải là buổi vệt góc của thời Gia-Long, mà tay trơn có thể làm nên huân nghiệp.

Thời bấy giờ có chí kinh bang tế thổ, chỉ có còn đường duy nhất là con đường khoa mục, để bước qua hoạn lộ mới đạt được chí kia.

Mà khoa mục, cậu Tú Chiêu thừa khả-năng để vượt qua, mà hoạn lộ, đường ấy đã mở cửa chực rước cậu, công sắp thành, danh sắp toại, chí sắp đạt... Nay nhứt đán phải dẹp tan sự cảm dỗ của phú quý công danh, phải gác chí kinh luân để giữ tròn chữ hiếu, cậu Tú-tài Chiêu chắc đã chiến và đã thắng nội tâm mình.

Nhưng thưa quý vị, đây mới chỉ là « giặc lợi danh » mà thôi ; chiến thắng tuy có cam go, nhưng tương đối dễ nhất là đối với người xưa, hiếu sự cư tang là việc tối quan hệ, dầu cho đương làm quan có trọng trách cũng phải cáo từ.

Hải-quân Pháp lần lần vẽ rõ ý muốn và chiến lược của mình.

Lần thứ tư, tháng 9-1856, công phá thành lũy cửa Hàn, nhưng chiếm cứ thì cũng chưa, mà cuộc thị oai của Hải-quân Pháp đến đây là thời kỳ tối hậu. Vua Tự-Đức liệu sao thì liệu cho vạc Nguyễn vững-vàng.

Hai năm sau, 1-9-1858, lần thứ năm động binh, hải-quân Pháp sẽ khai thi cuộc xâm chiếm. Lần này Rigault de Genouilly lấy hãn cửa Hàn.

Cửa Hàn cũng như là cái cổng ngõ của Kinh đô Huế. Binh lực Pháp đóng đầy cho Tự Đức được xem gần, thấy rõ lực-lượng của binh Tây bang Thật ra, Cửa Hàn không phải là nơi đáng chiếm cứ; cũng như xứ Trung-Kỳ núi non chón-chở, đất đai khô xấu hẹp hòi, không phải là nơi đáng chiếm cứ để làm thực-dân-dịa. Nên chỉ sáu tháng sau, chiến thuyền Pháp lại quay mũi về Nam. Ngày 11-2-1859, Rigault de Genouilly đánh lấy Cửa Cần-Giờ. Một tuần sau, nhằm rằm tháng riêng năm Kỷ-vị (17-2-1859) thành Saigon cũng bị hạ nốt.

Rằm tháng giêng Tân-dậu (24-2-1861), Đô-Đốc Charner hạ đồn Cây-Mai, qua ngày sau hạ luôn đồn Chí-Hòa, rồi cách hai ngày nữa, hạ nốt đồn Thuận-Kiều. Saigon đã hoàn toàn thất thủ.

... Saigon, thủ phủ mà mất đi thì xứ Đàng-Nai đã như nằm trong tay của giặc Pháp, chạy đâu cho khỏi nâng trôi. Nhưng mà dân Saigon cũng chạy đi tán loạn. Hãy đọc bài Nguyễn-tiên-sinh cực tả cái cảnh diên bãi thời bấy giờ, nhất là mấy câu :

*Bỏ nhà lũ chó đặng xằng chạy,*

*Mất ở bầy chim dáo dác bay.*

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước,*

*Đàng-Nai tranh ngôi nhuộm màu mây.*

Thời không những người, mà cho đến vật cũng phải sống trong cảnh hãi hùng sảng sốt. Hoàng hốt mà chạy đi, người ta nghĩ nào nổi lưu-ly thâm khốc. Nhưng mà ở thời đầu cho không can hệ chi đến non-thân, cửa nhà, của cải, cũng có người vì nghĩa mà không thể ngồi nhìn cảnh tượng « bất tiền ».

Chính cũng vì nghĩa mà Nguyễn-Đình-Chiều phải lìa đất Saigon, nơi cất rốn chôn nhau, chạy về quê vợ ở Cần-Giוע, tại xã Thanh-Ba. Nơi đây tiên sinh cũng lại lập trường dạy học trò.

Lại lập trường dạy học-trò !

Đề sinh nhai chẳng ?

Nói rằng tiên sinh lấy nghề dạy học làm kẻ sinh nhai thì e không đúng Quả thật thuở đó môn sinh có lệ rằm, ba mươi đem gạo nếp đến công thầy, nhưng tùy hi, không có giá biểu học phí chi cả, không đóng học phí cũng được. Hầu hết các ông Đồ thuở đó đều sống nhờ mấy bà Đồ ; các Bà nếu không

*Quanh năm buôn-bán ở ven sông,*

*Nuôi đủ năm con với một chồng,...*

thì cũng ruộng nương, tầm tang chi đó.

Vậy nên Cụ Đồ Chiếu dạy học không vì sanh-kế mà chính là vì lý-tưởng phù thực Nho-đạo. Cụ bần khoản

*Bấy lâu giặc già chưa rời,*

*Những lo si-tử bỏ nơi học-đường.*

Si-tử mà bỏ nơi học đường thì Nho-đạo cũng đến khuynh đảo. Tiên sinh đầu hèn cũng thế, cũng là chơn Tú-tài, cũng là người

*Tháng ngày bao quân sát Trinh lao-đạo*

thì đầu nở đề cho lu mờ đạo Khổng. Mà lòng tiên sinh thì chẳng những nguyện cứu dân, mà vẫn còn nguyện tá quốc, vẫn nguyện

*Vun trồng cho nước nhà ta.*

Mà lo cứu dân, tá quốc, có đạo nào cho bằng đạo Khổng. Vậy nên ở đâu, trong hoàn cảnh nào, tiên sinh cũng lo tài bồi đạo Khổng.

Vì chẳng giặc đang ở trên đà thôn tính quê hương của tiên sinh, tiên sinh phải lo chống đỡ : củng cố mỗi đạo có công cứu dân, tá quốc, và đồng thời diệt trừ đạo nào không cứu dân, không tá quốc mà tiếp tay cho giặc, phân dân hại nước.

Tập Dương Tử Hà Mậu có lẽ viết ra lúc cụ Đồ về Cần-Giוע, tập vận văn này vì Đạo Nho mà công kích mãnh liệt đạo Phật, đạo Thiên-Chúa, nhất là đạo Thiên-Chúa : tiên-sanh gọi đạo Thiên-Chúa là đạo Tây vì chính là tự giặc Tây đem truyền sang. Tiên sanh nghi ngờ cừu oán đạo ấy cho đến lời :

*Dân mà mê đạo Tây rồi,*

*Nước người muốn lấy mấy hồi phòng lo.*

*Đầu ai tránh khỏi mê-đồ,*

*Lời thêm nha-phiến trao cho hát liền.*

*Tối ngày ôm những ống đèn,*

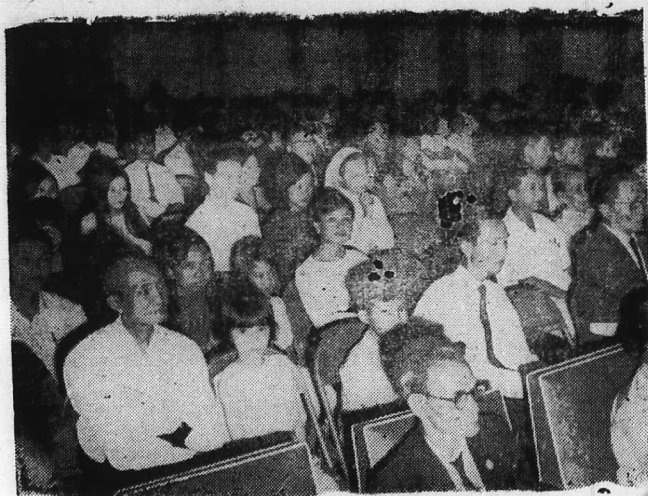
*Nào rồi toan việc đánh Phiến dẹp loạn.*

Cụ Đồ của chúng ta di cư về Cần-Giוע, tiếp tục mở trường dạy học, và đồng thời soạn quyển Dương Tử Hà Mậu, chống đạo Tây của giặc Pháp mang theo.

Nhưng Cụ ở Cần-Giוע nào có yên !

Chiến hỏa bây giờ thì liên-miên, cơ hồ bất tuyệt. Nay binh Pháp công phá đồn này, mai binh Pháp khắc phục đồn kia, đạn nhiều rào rào, máu rơi lấm tẩm, bản đồ lục-tinh lem-luốc giày vò.

Mỹ-Tho vào tay Phó Đốc Đốc Page ngày 12-4-1861, Biêr-Hòa vào tay Phó Đốc đốc Bonard ngày 9-9 năm đó. Đến 14-12 thì đồng thời Gò Công, Cần Giוע, Tân-An bị công phá tan tành.



KHÁN THÍNH GIẢ DỰ TẾ

Quần xăm-lăng cây võ-lực, tính chắc sẽ khuất phục được nhơn dân ta mau lẹ. Chúng đã làm ! Nhân dân Việt-Nam đã sống hùng với bốn ngàn năm lịch-sử trong tinh thần bất khuất, và nhân-dân Đông-Nai đã nổi tiếng về hào-khí kiêu-hùng. Ba xứ Gò-Công, Cần-Giוע, Tân-An bị tướng giặc Bonard đánh úp, thì hai ngày sau chớ không lâu, ngày rằm tháng mười một Tân-dậu (16-12-1861) nghĩa-quân ba xứ này nhứt tề nổi dậy. Thừa đêm rằm, nghĩa-quân đánh một trận rất hăng, làm cho quân Pháp phải thiệt hại không nhỏ : công-phá huyện-đường, thiêu hủy nhà thờ, đập trướng tri-huyện, giết lính Lê-dương, Chà-và, Ma-ni, chặt đầu một quan hai Pháp. Trận chiến xảy ra tại Cần-Giוע, Cụ Đờ của chúng ta đang ở Cần-Giוע, vậy Cụ Đờ đã làm gì trong « trận nghĩa đánh Tây » này ? Cụ « nhập cuộc » như các chiến-sĩ khác, thừa vâng, chúng tôi nói rõ là Cụ Đờ Chiểu « nhập cuộc » như các chiến sĩ khác, hăng hái nhập cuộc, tinh nguyện nhập cuộc, và nhập cuộc với tinh thần xung-phong quyết tử. Chúng tôi không nói ngoa, mà có tài liệu lịch-sử chứng-minh hân-hối, đó là bài văn-tế dân mộ nghĩa, tử-trận tại Cần-Giוע.

Bài văn-tế này miêu-tả rõ-ràng hình-ảnh kháng-chiến của nghĩa-sĩ trận Cần-Giוע, một hình ảnh vô cùng anh-dũng cho thấy một dân-tộc dám đứng lên với võ-khí thô-sơ — cả dao phay nữa — làm cho một đạo quân được rèn luyện lâu năm và võ-trang hùng hậu bằng súng ống đạn-dược tàu sắt tàu đồng, phải thất điên bát đảo.

Những nghĩa-sĩ đó là ai ?

— Chỉ là những

*dân ấp dân lân*

tay họ vốn quen với : *cước, cày, bừa, cấy.*

Chớ còn :

*tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ...*

là những việc mà họ chưa hề mó tay đến.

Nhưng họ rất có lòng ; khi họ thấy

*Quần chúng nó nhóm sông Bến-nghé, làm cho bốn phía khói đen*  
thì họ bắn khoan lo liệu ; lo rằng :

*Ông cha ta ở đất Đông-nai, ai cứu một phương con đó ?*

Lo-liệu rồi căm giận :

*Đêm đêm thấy bóng bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan.*

*Ngày ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.*

Giận đến chưởi vào mặt bọn cướp nước :

*Tắc đất ngọn rau ơn chúa, vụn trứng cho nước nhà ta.*

*Bát cơm manh áo của đời, mắc mứ chi ông cha nó.*

Giận lắm, tức lắm, tức giận đến chưởi bới, nhưng không phải chưởi rồi thôi, có thắm vào đâu ; phải đánh lũ mọi cướp nước :

*Chi đợi ai đời ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình,*

*Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyển này quyết ra tay bộ hổ.*

Họ tinh nguyện « ứng nghĩa làm quân chiêu mộ », xin nói rõ là « tinh nguyện » đúng với ý nghĩa của danh-từ.

Ứng nghĩa rồi, họ được huấn-luyện và võ-trang như thế nào ?

Có được huấn-luyện gì đâu :

*Mười tám ban võ nghệ chưa được tập rèn,*

*Mấy mươi trận binh thơ, khôn chờ bày bố.*

Có được võ-trang gì đâu !

*Ngoài cột che một manh áo vải, chỉ đợi bao tấu hầu ngồi,*

*Trong tay cầm một ngọn tầm-vông, chẳng luau đao tu nón gõ.*

Áo vải, và tầm vông vạt nhọn mà dám đương đầu với quân phục ka ki, súng song tâm, tàu sắt tàu đồng, thì chúng tôi thiết tưởng ngoài dân Việt-Nam, chưa có dân-tộc nào dám làm. Mà dân Đổng-Nai dám làm vì thân-thể họ tuy vô trang quá thô sơ, song tinh-thần bất-khuất truyền-thống của dân-tộc Việt không phải họ mù-quáng, họ có suy-luận kỹ-càng, rằng phải cứu nước, cứu dân, cứu ông cha họ.

Rằng :

*Một nỗi xa thơ đồ sộ, há dè ai chém rắn đười hươu ;*

*Hai vùng nhứt nguyệt chói lòe, đầu dung lư treo dè bán chó.*

Không phải là họ không biết :

*Sức giặc Lang-sa,*

*Nhiều phương quí quái.*

*Giăng dưới nước, tàu đồng tàu sắt, súng nỏ quá bấp rang ;*

*Kéo trên bờ Ma-ni Ma-tà, đạn bắn như mưa vãi.*

*Đầu những đại đồn thuở trước, cũng khó toan dè trứng ngàn cân...*

Nhưng họ dám « dè trứng ngàn cân », bởi họ cho rằng :

*Vì nước tắm thân đã nấy, còn mắt cũng cam,*

*Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.*

Vì nước, dân Đổng-Nai không kể chết : vì nghĩa, dân Đổng-nai không quản mất còn.

Đến ứng nghĩa với tinh thần vì nghĩa, cho nên lúc ra trận, họ chiến đấu dũng-cảm phi-thường :

*Chi nhọc quan quân giống trống kỳ trống giục,*

*Đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không.*

*Nào sợ tàu Tây bắn súng nhỏ to,*

*Xò cửa xông vào, liều mình như chẳng có.*

*Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho Ma-tà, Ma-ni hồn kinh ;*

*Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiết, tàu đồng súng nổ.*

Họ sẵn sàng chết miễn

*..... chém được đầu quan hai họ,*

miễn

*đồn Lang-sa một phút đứng tựa hòn.*

Rửa hồn cho được, rồi chết cũng cam, bởi vì :

*Sống làm chi theo quân vô đạo, quặng và hương xô bàn nghĩa,  
nghĩ tới thêm buồn ;*

*Sống làm chi ở lĩnh ma-tà, một rượu chát, gậm bánh mì, nghĩ càng  
thêm hờ.*

Họ nhứt định không nhận cái sống nhục, cương quyết tìm cái chết vinh :

*Thà thác mà dựng cầu định khải, về theo tđ-phụ cũng vinh,*

*Hơn sống mà chịu chữ đầu Tây, ở với ngoại bang thêm khỗ.*

Đúng vậy, dân Cần-Giועc, dân Đổng-nai nói riêng, và dân Việt-Nam nói chung, nhứt quyết không « chịu chữ đầu Tây », lịch-sử Việt-Nam đã có những trang vàng son đó, người Việt-Nam có quyền hãnh diện về tinh-thần bất-khuất ngoại bang đó.

Toàn thể bài văn-tế các nghĩa sĩ đã đánh Tây, đã « thác coi như ngủ » gồm ba chục câu, chúng tôi chỉ trích dẫn mười câu : nhưng mười câu đó đủ làm một bức tranh kháng chiến oai hùng « không tiền khoáng hậu ».

Trong bức tranh đó, các chiến-sĩ đều là những Kinh-kha của thời chiến quốc « một đi không trở lại », nhưng hơn Kinh-kha ở chỗ không phải vì thọ ơn riêng của Thái-tử Đan mà qua sông Dịch, họ vì nước vì dân, họ đã chết

đầu được quan hai Tây, đốt phá nhà dạy đạo Tây, đâm trúng huyện quan, cả Chà-và, Ma-ni... Họ đã quyết chiến, và quyết tử để chiến.

Nghe qua mười câu của bài văn-tế chúng tôi vừa dẫn chứng, hẳn quý vị đã cảm thấy phần nào hành động và khí-phách của các chiến-sĩ Cần-Giוע. Lát nữa đây, nghe toàn bộ bài văn-tế, chắc chắn quý vị sẽ hình dung dễ dàng cảnh vật, từ cảnh tiền chiến đến cảnh hậu chiến, từ nghĩa binh đến địch quân, từ trận quyết chiến đến anh hồn tử-sĩ, với đầy đủ chi-tiết, mỗi đều sống động như đang xảy ra trước mắt.

Kính thưa Quý vị,

« Văn tức là người », ai cũng công nhận như vậy. Cho nên nếu không biết tác-giả bài văn-tế nghĩa-sĩ Cần-Giוע là một người mù lòa, thì rất dễ tin là tác giả đã thật sự xông pha trận mạc trong hàng ngũ nghĩa-binh, đã « không đợi trống kị trống giục », đã « đạp rào lướt tới », đã « coi chết như không », vì không thật sự chiến-đấu, không thể nào miêu tả cảnh chiến tranh đúng thật tế như thế đầy đủ, linh động, nhiệt liệt như thế và nếu không có tinh thần cảm giặc, cảm cho đến nỗi « muốn đến ăn gan », « muốn ra cắn cò »; thì không thể nào ngồi bút có thần đề viết ra được những câu như là :

*Sống làm chi theo quân vô đạo...*

*Sống làm chi ở linh mã-tà...*

như là :

*Thà thác mà đặng câu địch-khải,*

*Hơn sống mà chịu chữ đầu Tây.*

*...Còn đánh giặc, mắt cũng đánh giặc.*

Nếu không phải là người trong cuộc thì không thể nào có những lời tâm-huyết truyền-cảm và kích-thích đến triệt-đề như vậy.

Mà tác-giả là người trong cuộc, thật vậy, bởi ngoài việc người đem hết tinh thần mình vào cuộc, người lại còn gián-tiếp đem thân-xác mình vào cuộc: vì tàn-tật người không dự trận được, nên đã khuyến-khích em ruột mình là Nguyễn-đình-Huân dự-trận; Nguyễn-đình-Huân đã tử-tiết, cụ Đồ đã đem cốt nhục mình đóng góp vào chiến trận. Thế nên trong toán quân kháng chiến đầu tiên của Việt-Nam hồi thế-kỷ XIX, khi khói lửa ngút trời, giang-san nghiêng-ngửa, Nguyễn-đình-Chiều chơn-chánh là một chiến-sĩ, hơn nữa là một chiến sĩ cảm-tử, chứ không phải là một chiến-sĩ thường.

Nhưng chiến-sĩ Đồng-nai đầu chịu ngồi yên sau trận Cần-Giוע, đặc-biệt là chiến-sĩ Nguyễn-đình-Chiều.

Giặc chiếm miền Đông, thì một lần nữa Nguyễn-đình-Chiều lại ra đi. Bài thi lưu-gián của tiên-sanh vô cùng cảm kích :

*Vì câu danh nghĩa phải đi ra,  
Dạy mũi thuyền nam dạ xót xa...*

Biệt-ly đã đành đau-đớn thế. Nhưng mà vì câu danh nghĩa cho nên :

*Một phương thà tránh đường gai gộc,  
Trăm tuổi cho tròn phận tóc da.*

Tiên sanh chạy đi Ba-tri là nơi mà tiên-sanh gọi là « chơn trời góc biển » trong cõi đất Việt-Nam. Nơi đó, tiếng súng xa tai mà thương lòng khôn rứt...

Nhưng đã là chiến-sĩ, thì thắng không kiêu, bại không nản; như các chiến-sĩ khác, tiên-sanh tiếp tục cuộc kháng-chiến.

Ngày 5-6-1862, sđ-bộ Phan-Thanh-Gián tới Saigon đề nghị hòa với Bonard. Kết quả : ba tỉnh phía Đông là Biên-Hòa, Gia-Định và Định-Tường chánh-thức thuộc Pháp. Một người thời ấy, cừ-nhơn Phan-văn-Tri, bạn của Nguyễn-đình-Chiều, có bài thi cảm-khải, đau đớn não nùng :



*Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,*

*Cất đất thương thay cuộc giảng hòa.*

Cứ xem hai câu thi này, đủ biết lòng sĩ-phu trong nước không lấy việc giảng hòa làm êm.

*Chữ «Đức dân vi bản» sợ chi mà đành cất đất nhường man-di?*

*Lòng dân nghe, trời nọ cũng nghe, dạ ta quyết ai mà chẳng quyết.*

Tứ phương văn-thân nổi dậy kháng cự một cách tuyệt vọng, mà kháng cự hoài hoài... Sau cuộc nổi dậy của nghĩa-quân ba-xứ Cần-Giuộc, Tân-An và Gò-Công, tiếp đến là các cuộc khởi nghĩa của các vị anh hùng dân-tộc : Trương-công Định, Tri-huyện Toại, Thủ-khoa Huân, Nguyễn-trung-Trực, Thiên-hộ-Dương, Phan-Liêm, Phan-Tôn, Quán-Hôn, Trương-văn-Uyển, Lê-văn-Thanh, Thái-văn-Nhíp, Lê-tấn-Kế, Trần-Bình, Phan-công-Tòng v.v...

Đã vì nghĩa mà lìa Cần-Giuộc ra đi, thì cũng vì nghĩa mà Cụ Đồ tiếp tay với các anh hùng kháng-chiến. Cụ thuộc Bộ Tham-mưu của Trương-công-Định; mỗi lần có việc chưa thông, thì Bình-Tây Đại-Tướng-quân đều cho người đến cầu mưu hỏi ý nơi ông Đồ. Cụ Đồ có lần khuyên Trương-quân nên lui binh tìm đất hiểm. Nhưng mà

*Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiếu, đón ngăn mây dậm mã tiền;*

*Theo bụng dân phải chịu Tướng-Quân phù, gánh vác một vai khôn ngoại.*

Nhơn dân là nạn-nhân trực tiếp của xâm-lãng, họ quyết-tâm giết giặc, họ nhưt định không tuân lệnh bãi binh của triều-đình, họ chí-nguyện kháng chiến cho đến cùng, họ đồng thề sống chết theo Trương Định, nên khi có chiếu Vua phong tướng cho Trương Định, họ không đồng ý để lãnh-tự của họ về theo Vua, họ cầm lại quyết-liệt :

*Ba phen lên ngựa mà về,*

*Cầm cương anh lại xin đề câu thơ.*

*Câu thơ năm bảy câu thơ,*

*Câu đọi câu chờ câu nhớ câu thương.*

Bởi lòng dân như vậy nên Định trả lời cho Cụ Phan-Thanh-Giản : «Dân ba tình cứ tôi làm đầu đề đánh khôi-phục đất nước lại. Tôi phải làm theo ý họ muốn. Nếu các quan muốn bảo-tồn cái tình thế như ngày nay thì tôi sẽ nghịch chỉ của Nam Triều và tôi sẽ đánh tới hoài, không kể chi cả, chừng đó các quan chớ lấy làm lạ».

cho nên :

*Đầu biết dùng binh nhờ đất hiểm,*

*Chẳng đành xa bỏ cõi Gò-Công.*

mà Trương-công-Định chết. Ngày 20-8-1864, Định bị tên phản bạn Huỳnh-công-Tấn dắt Tây khố vây, bắn gãy xương sống chết tại Kiềng-Phước (Gò-Công), sau khi đã oanh-liệt cự địch, giết nhiều tên chó săn của giặc.

Cái chết này làm cho Nguyễn-đình-Chiều hết sức đau thương vì Trương-công-Định vừa là tri kỷ, vừa là đồng-chí, vừa là chủ soái của tiền-sanh. Bởi thế cho nên đã có một bài văn-tế nào-nùng dài đến 32 câu đề khóc tri-kỷ, câu nào cũng lâm-ly thống thiết :

Và hình như 32 câu chưa đủ diễn-tả nỗi niềm, mới thương-cảm vẫn còn tràn trề trong tâm-não, cần phải bộc-lộ thêm cho hả, nên Cụ Đồ khóc tri kỷ thêm 12 bài liên-hườn bát-cú :

*Lục-lâm mấy chặng hoa sầu bạn,*

*Thủy-hử vì đâu nhận rẽ bày.*

Nghĩa-sĩ Cần-Giוע chết vì nước đã làm cho

*già trẻ hai hàng lụy nhỏ*

cả đến

*cỏ cây mấy dặm sầu giăng*

nói chỉ đến vị chỉ-huy nghĩa-sĩ. Thế nên chẳng những cỏ cây mà cho đến bông hoa vốn là thực vật xinh tươi, quen tươi cười, gặp cảnh Bình Tây nguyên-soái chết, hoa phải sầu phải héo, hoa của "mấy chặng lục-lâm", nghĩa là của khắp bưng biển, khắp Đồng-nai lục tinh.

Cỏ cây hoa lá còn thế, hà huống chi người, mà người đó là Đờ Chiêu, là tri-ký của vị Nguyên-soái mà

*Cái ần Bình-tây đất với chôn.*

Đúng là cái cảnh

*Nhạn rẽ bầy.*

"Nhạn rẽ bầy" thì tiếng kêu thê-lương âm-đạm, nhưng đây là loại "nhạn chiến-sĩ", nên than bạn, tiếc bạn, khóc bạn, rồi, "nhạn" cương quyết noi theo chi bạn.

*Lời nguyện trung-nghĩa há làm thinh.*

Kính thưa Quý vị,

Chúng tôi đang hình dung rõ-ràng một ông Đờ đứng trước mặt linh-vị khói hương nghi-ngút, lâm-râm khấn-vái, rồi rơi lệ, đoạn phủ phục lạy bốn lạy, xong đứng thẳng người lên, mặt đầy vẻ căm hờn, nắm chặt tay mặt đưa cao lên

*Chi giặc Tây thề chẳng đội trời chung,*

Đã thề không đội trời chung với giặc Pháp thì "nhạn" làm gì để giữ lời thề?

Như vị anh-hùng nước Việt thuở xưa ở Cối-kê, nhạn nằm gai nếm mật, ngồi đứng không an, trước hiểm họa xâm lăng:

*Nếm mật từ đây khó nổi ngôi.*

Vậy nên "nhạn" trui "mũi giáo Thi-Toàn", mài "lưỡi gươm Dư-Nhượng", quyết noi gương các hiệp sĩ thuở xưa, vì nghĩa quên mình, quyết đánh Pháp như đời Tống, Nhạc-Phi đánh Kim. Nguyên-soái Nhạc-Phi đánh Kim bị tên phản thần Lư-Dư hại; nguyên-soái Trương-công-Định đánh Pháp, bị tên phản quốc Huỳnh-công-Tấn dẫn Tây sát hại, nhưng nghĩa sĩ, nhất là tri-ký của Bình Tây nguyên-soái có sá gì thảng Huỳnh công Tấn, một thảng Lư-Dư Việt-Nam.

Nhứt định tiếp-tục đánh Pháp, nhứt định

*Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi.*

Nhạc Lôi là con Nhạc Phi. Phi bị hại, các tướng tôn Lôi lên cầm quyền Nguyên-soái, tiếp tục việc đánh Kim để bảo vệ nước Tống. Tiếp tục đánh Pháp để bảo vệ Việt-Nam, các Trương công-Định khác nổi lên hoà hoà; tuy con của Định không trực tiếp thay cha nắm binh quyền miệt Đám là tối trời, nhưng con của Định cũng kháng Pháp như cha; vị công-tử này thật xứng đáng là "hồ phụ sanh hồ tử". Đó là anh hùng Trương Huệ, tức cậu hai Quyền, đã cùng Sài Cả Puk cam Por đánh Pháp xứng-vững ở mặt trận Tây-ninh, đó là Nhạc Lôi Việt-Nam.

Kính thưa Quý vị,

Ban này chúng tôi có đề cập đến giọng ai oán não-nùng và lòng thiết tha với đất nước trong bài văn-tế quan lớn Định.

Giọng nào-nùng ấy, lòng tha-thiết ấy thể-hiện rạt-rào và tràn ngập cả thi-ca cụ Đồ, bất cứ tác-phẩm nào, mỗi khi cụ Đồ nhắc đến một nhân-vật lịch sử tặn trung báo quốc.

Ngày mười chín tháng năm, năm Đinh-mão (20-6-1867), Đô Đốc De Lagrandière dẫn chiến-thuyền đến trước Vinh-long thành, cho đại diện lên buộc Kinh-lược Phan-thanh-Giản phải nhường ba tỉnh phía Tây cho Pháp. Tổng-đốc Trương văn Huyền và các quan khác đều chủ trương kháng cự, mà Phan-Thanh-Giản thời chủ-trương hòa, vì biết thế không kháng cự lại nổi, làm đổ máu dân vô ích. Ngài bèn viết thơ cho Lagrandière, gói-gắm dân tình, rồi tuyệt cốc. Mười bảy ngày không chết, Ngài bèn uống á-phiện mà chết, ngày mồng năm tháng bảy năm ấy (4-8-1867).

Cái chết của quan lớn Phan gây cảm xúc cho cụ Đồ không khác cái chết của quan lớn Định. Vậy nên giọt nước mắt anh-hùng năm xưa lau chẳng ráo nằm nay lại tuôn tràn trong bài Đường luật khóc quan Phan :

*Non-nước tan tành hệ bởi đâu ?*

*Dầu-dầu mây bạc cõi Ngao-châu.*

*Ba triều công-cán vài hàng số,*

*Sáu tỉnh cang-thường một gánh thâu.*

*Trạm Bắc ngày chiều tin nhận vắng,*

*Thành Nam đêm quạnh tiếng quyen sầu.*

*Minh-sanh chín chữ lòng son tạc,*

*Trời đất từ nay mặc gió thu.*

Trước tình thế nguy ngập của đất nước, lòng cụ Phan thật là đau khổ. Cụ phải đem thành nhường cho giặc, phải lấy cái chết để tạ tội với t-lieu-định, và rải tấm lòng trung cho nhơn-dân thấy : « Đồng tình tương ứng », Nguyễn-đình-Chiều cảm thông được cái chết và phản-ảnh được cái tiết nghĩa của Phan Kinh-Lược.

« Non nước tan tành ». Suốt đời Cụ Đồ chỉ lưu-tâm một việc là việc nước mất. Cho nên hoài-niệm người vì nước mất mà mất theo, tự nhiên ý-nghĩ đầu tiên của Cụ Đồ hướng về nỗi nước.

« Dầu-dầu mây bạc ». Nước đã « tan tành » thì nhà lam sao mà tồn tại, cho nên chòm mây trắng đã gọi nỗi nhớ nhà cho Dịch Nhơn Kiệt thuở xưa, nay nó cũng gọi nỗi nước mất nhà tan cho Cụ Đồ, Cụ trông nó « dầu dầu, có vẻ ủ-ê buồn thảm.

« Tiếng quyen sầu ». Đặc biệt là chữ « quyen » nổi bật trong cảnh này. Đêm vắng thiếu chi tiếng kêu : tiếng gà gáy sang canh, tiếng chó sủa trắng, tiếng dế kêu ra-rả... nhưng lòng tràn-ngập nghĩa nước-non, thì tai chỉ còn nghe tiếng nào đượm tình non-nước : Đồ-quyen (Thục-đế) kêu lên những lời thống-thiết để tưởng nhớ quê hương đã mất, cụ Phan ngày qua đời kêu thống-thiết ấy, cụ Đồ ngày tế lễ cũng kêu lên lời thống-thiết ấy vì quê hương hai cụ sập mất.

« Ngày chiều, đêm quạnh » đối với người nặng lòng vì nước, thì không cảnh nào tịch liêu bằng cảnh trời chiều, mắt mỏi trông tin cứu nước, mà tin âm vắng bật ; cảnh đêm trường vắng vẻ mà giọng Đồ-quyen lại ra rả bên tai. Hai cảnh ấy không gieo gi vào lòng người đó khác hơn là mỗi sầu vong quốc.

Có thể gọi đây là một bài văn-tế rút gọn, vừa ai-oán nào-nùng, vừa biều-lộ lòng thiết-tha với đất nước, lòng của người lâm chung, và cả của người phúng điếu, vì hai tâm hồn là một.

*Người vì nước rủ nhau chết ngắt*

Nghĩa-sĩ Căn-Giuộc, rồi Định, rồi Giản... Giản tuần-tiết ngày mồng năm tháng bảy Đinh-mão (4-8-1867), thì đêm mồng 9 rạng mồng 10 tháng 11 năm 1867, nghĩa-quân do hai con của Giản là Tôn và Liêm cầm đầu, tấn công địch ở chợ Hương-diêm, cách Ba-tri 20 cây số, gây thương tích cho tên chủ tỉnh là Sampo, lấy được nhiều súng ống, nhưt là một cây đại bác.

Ngày 12-11-1867, quân Pháp hay tin Hương-diêm thất thủ liền kéo ba pháo thuyền đến tiếp viện. Nghĩa quân dùng bè và nọc làm chướng ngại vật ngăn tàu địch và đồng thời vây đánh thật ác liệt. Đêm 15, nghĩa quân dùng trống đánh lên và hò reo dữ dội, hết đợt này đến đợt khác, xung phong diệt địch ở Ba-tri, ở các pháo thuyền dọc theo sông Hàm-Luông. Nhưng cuối cùng vì thế cô sức yếu, vũ khí thô sơ, nên quân của Tôn và Liêm phải rút bỏ trận tuyến. Tôn và Liêm đều tử trận. Năm sau, mùng 5 tháng 2 năm 1868 cũng ở Hương-diêm, Văn-Thân nổi dậy, song le. bị đàn áp liền. Rồi thì tháng 7 ở Cái Mít, tháng 8 ở Phú-Ngãi và ở Tân-Điền quanh vùng Ba-tri, kháng chiến nổi lên lung tung; tháng 5-1869, ở Đồng-Xuân cách Ba-tri 16 cây số. Gần hơn nữa, cách Ba-tri 2 cây số ở Giồng gạch, một người mà Nguyễn-đình-Chiều thương tiếc là Phan-công-Tòng lại tử trận, thương tiếc lắm nên cụ Đồ ai điếu bằng 10 bài liên-hưần, lời lẽ cũng như cụ ai-điếu Trương-công-Định.

Tiên sanh gọi Binh-Tây nguyên-soái là « oạn », gọi Đốc-Binh Tông là « người ngọc ».

*Thương ôi người ngọc ở Bình-Đông*

Người ngọc đã :

*Vì nước riêng đền nợ núi sông*

cho nên :

*Sơ xưa nào thẹn tiếng anh hùng*

và đặc biệt đây là bực

*Anh hùng thà thác chông đầu Tây.*

Các tâm hồn « thà thác chông đầu Tây » đều tương ứng với nhau; cụ Đồ thương bạn lắm, tiếc bạn lắm, thương tiếc đến nỗi bạn chết, ngắm cảnh tiêu điều :

*Vườn lưỡng trồng xuân hoa ú-đột,*

*Ruợ g riêng buồn chủ lão khô khan.*

lòng cụ không người ngoại hình bạn :

*Lòng đầy tưởng đó mắt như còn.*

Chẳng những riêng cụ Đồ, mà nhân dân Ba tri, Hương diêm, Phú Ngãi, Tân Điền, Cái Mít, Giồng-gạch... đều cảm thấy các anh hùng kháng Pháp mất cũng như còn. Nhưng mà từ khi Phan-Thanh-Giản chết rồi :

*Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu*

địa vị nước Pháp càng thêm củng cố. Mặc dầu cuộc kháng chiến vẫn còn, mà :

*Muốn địch với quan binh,*

*Vì chẳng khác bắt cừu qua biển cả.*

theo lời Tôn-Thọ-Tường.

Năm 1874, tháng 3, ngày 15, Triều-đình Huế phải ký hòa ước với Đô-đốc Dupré mà chính thức công nhận chủ quyền tuyệt đối của nước Pháp ở Nam-kỳ.

Đất Nam-kỳ mất hẳn về tay nhà nước Pháp rồi, Văn-thân trong nước còn vẫy vùng sao cho được, bấy giờ Nguyễn-đình-Chiều cũng phải nhả-nhục không chạy đi đâu nữa. Và lại, tuổi cũng hầu già rồi, một cõi Ba-tri ở thiên-nhai hải giác âu cũng là xa lánh được việc « tân triều ». Xa lánh, đó là một cách nói. Kỳ thật, ngay năm 1867, sau khi Phan-Thanh-Giản chết rồi, 3 tỉnh miền Tây về nước Pháp, thì tỉnh Bến-Tre cũng liền đặt ra Bỏ-quian giao cho một Trung-úy Hải-quân là Palasme de Champeaux ngồi cai trị, rồi kế tiếp đến là các Chủ-tỉnh người Pháp.

Cứ như lời ông Nguyễn-đình-Chiêm thuật lại thì Michel Ponchon, Chủ-tỉnh Bến-Tre bấy giờ, có đến viếng cụ Đồ vào khoảng 1884 để « tưởng lệ văn sĩ ». Nhưng mà tiên-sanh thác bệnh ngồi trong buồng không chịu ra chào khách. Túng thế ông Ponchon phải xin phép vào thăm tận nơi giường bệnh, nhờ

ông Lê quang Hiến, sau đó là Đốc-phủ-sứ Lê-quang-Hiến thông ngôn, đề yêu cầu tiên-sanh nhượng chánh cho bọn thơ Lục-Vân-Tiên.

Trừ lần đến xin nhượng chánh bọn Lục-Vân-Tiên ra, Michel Ponchon sau còn ba lần đến viếng, cố ý khuyến-dụ tiên-sanh, hỏi thăm đất cát của tiên-sanh ở Saigon ranh rấp như thế nào để tìm giao trả lại cho. Tiên-sanh cảm ơn và cười mà khước lời rằng :

*Đất vua còn phải bỏ, thì đất của tôi có sợ gì ?*

Ông Ponchon lại nói đến việc nhà nước Pháp định cấp cho tiên-sanh tiền dưỡng lão, tiên-sanh cũng một mực chối từ.

Túng thế, Chủ-tỉnh Bến-Tre hỏi tiên-sanh muốn gì, « nhà nước » sẽ giúp cho. Tiên-sanh nói :

« Nếu nhà nước đã nghĩ đến như vậy, thì xin hãy cho tôi được điều-tế một tuần những vong hồn người Việt mộ nghĩa, tôi chỉ mong ước được một điều ấy thôi ».

Suy nghĩ một lúc, tên Chủ-tỉnh Bến-Tre trả lời bằng lòng, nhưng đề-nghị tổ-chức thuộc về y.

Cuộc lễ đáng lẽ vào ngày mai, thì trước đó một ngày, tiên-sanh ra nhà lồng chợ, sai con thấp một bó nhang trên bàn thờ, để mấy chén nước lạnh rồi phủ phục đọc bài « Điều Lục-tỉnh Nam kỳ sĩ dân ».

Dân chúng kéo đến xem rất đông. Tiên-sanh đọc đến đâu, mọi người đều sa-lệ đến đó. Đọc xong, tiên-sanh nắm vật ra khóc và xiu đi. Người nhà phải lại vực xuống ghe chở về.

Sáng mai, tên Chủ-tỉnh Bến-tre cho người đem cò xí và lễ vật xuống đề tổ chức theo chương trình đã sắp đặt trước theo kế hoạch của dinh tham-biện tỉnh, song tới nơi, tiên-sanh đã tế rồi.

Chúng tôi vừa nói là cụ Đồ đọc bài văn-tế đến đâu là mọi người sa lệ đến đó. Thật thế, vì đó là bài văn-tế tất cả anh hùng, liệt-sĩ đã hy-sinh trong các cuộc nổi dậy chống Pháp. Chẳng những tác-giả nhắc lại những gì là anh dũng hy-sanh, là căm thù giặc Pháp, là chiến đấu gian khổ của đồng bào lục-tỉnh Nam-kỳ, mà lại *lên án gắt gao bọn thực-dân đã tàn sát dân lành, giày xéo quê hương của tiên-sanh.*

Trước hơn Nguyễn-Thế-Truyền, trước hơn Nguyễn-Ái-Quốc, trước hơn Phan-Tây-Hồ, cụ Nguyễn-Đình-Chiều xuất tố một *Thực-dân-án* (Procès de la colonisation).

*Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng tận trào gây nợ oán cừu ;*

*Chẳng qua dân mắc nạn Trời, hoài cụu chúa mang lời phản trắc.*

*Các bực sĩ, nông, công, cò, liềm mang tai với súng song tâm ;*

*Mấy nơi Tồng, lý, xã, thôn, đều mất hại cùng cò tam sắc.*

Ngày nay chúng ta ai cũng biết cò tam sắc đem tai, mang hại đến cho đồng bào, Tây qua Việt-Nam là « qua cướp đất », chớ thuở đó bao nhiêu người đã bị lời truyền thi phản kháng chiến của Tôn-thọ-Trường, lời đường mật của lũ Việt-gian ru ngủ, rồi « mê đạo Tây » cho đến « quẳng vùa hương » « xô bàn nghĩa » để được « một rợu chát », « gặm bánh mì », khiến nên bao nhiêu đồng bào phải bị quân xâm lược.

*Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo.*

*Tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật, kẻ murò mấy năm trời khốn khổ, bị khảo, bị tù, bị dày, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên ;*

*Đem ba tấc hơi mòn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thấy đều rot nước mắt.*

*Khá thương thay ! Dân sa nước lửa chầy ngày,*

*Giặc ép mở đầu hết sức.*

Ôi ! Cảnh nước lửa ấy, dân lành sa vào đã suốt mười mấy năm trời, từ thuở Tây qua cướp đất, đến ngày Cụ Đồ cất tiếng lên án, thế nên biết bao nhiều là oan ! biết bao nhiêu là ức !

Trong bài Gia Định phú, một tác-giả khuyết danh đã hòa lệ với nghĩa-quân và Cụ Đồ-Chiều :

*Ngậm ngùi thay ba bốn lần Gò-Vấp, cây cỏ khô thân thể cũng khô.*

*Bát ngát nhè mười mấy tám thôn Vườn Trầu, hoa trái rụng người đời cũng rụng !*

*Mấy dặm Gò-Đen, Rạch-Kiến, ngọn lửa thiêu sự nghiệp sạch không !*

*Đời nơi Rạch-lá, Gò-công, trận gió quét cửa nhà u ùng lũng.*

*Tiếng kêu oan, oan này vì nước, hồn nghĩa dân biết dựa vào đâu ?*

*Thân liều thác, thác vậy cùng vua, xương nghĩa-sĩ chắt đả đày, đồng !*

*Quân xâm-lãng cố tận dụng sách lược giết sạch, đời sạch và phủ sạch, còn sót lại những gì.*

Đây bức tranh hậu chiến với những mẹ già khóc trẻ, vợ yếu tìm chồng :

*Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều.*

*Não-nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ trước ngõ.*

Với oan hồn, dật-dờ khắp lục-tỉnh, âm khí bao trùm cõi Đồng-Nai :

*Trời Gia-Định ngày chiều rạng rắng, oan hồn theo con bóng xế dật-dờ.*

*Đất Biên-hòa đêm vắng sao lờ, oan qui nhóm ngọn đèn thần heo hút.*

với cả đất trời nhuộm màu tang tóc :

*Kiếp Nam-thổ phơi màu huê thảo, động tình oan nữa ủa, nữa tưới ;*

*Cõi Tây-thiên treo bức Văn-hà, kết hơi oán chặng thưa chặng nhạt.*

*Ngày gió thổi lao xao, tình dã-mã, thoạt nhóm thoạt tan, thoạt lui thoạt tới, như tuồng bóng dạng tình-bình.*

*Đêm trắng lò giáo giặc, tiếng đê-quyên, đường hòn, đường mển, đường k.ióc, đường than, đời đoạn tử tình oan khuất.*

với hình bóng nghĩa-bình chấp-chờn lãng vãng :

*Người lạc phách theo miền giang-hải, cung ngao lầu thần, dành một câu thân thể phù trầm ;*

*Kẻ du hồn ở cõi sơn-lâm, lữ kiến đồn ong, còn bốn chữ âm dung phưởng p.út.*

Chết là hết, chết là thua ?

- Không, cụ Đồ-Chiều không chịu thua, hồn nghĩa-bình không chịu thua, nên trong cảnh thế-lương hậu chiến, vong hồn âm-tướng âm-bình hiện về trong ngọn đèn trời, trong cơn trời xoáy, tiếp tục chiến đấu phục thù, sống cũng như thác.

*Còn đánh giặc, mắt cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyên trả được thù kia...*

Thù kia, thù mất nước phải trả cho được, kiếp này chưa trả xong, thì kiếp khác, dù muôn kiếp cũng nguyên phải trả.

Tháng giêng năm Mậu-tí (3-1888), vua Hàm-Nghi bị bọn phản thần khám phá tông-tích sắp bị nã tróc... Nghe tin vua Hàm-Nghi chẳng lành, cụ Đồ không ngớt thở dài than khóc, cơm cháo lạnh mùi, mà thôn-môn chết dần.

Ngày hai mươi bốn tháng 5 năm Mậu-tí (3-7-1888) cách nay tám mươi ba năm, tiên-sanh buống hơi thở cuối cùng ở Ba-tri, hơi thở tuy buống mà

Mối thù còn mang xuống tuyền-dải chưa tan.



Kính thưa Quý vị,

Có thể nói rằng cụ Nguyễn-Đình-Chiều đã đánh giặc suốt đời: thuở thanh xuân đã đánh và đã thắng, thoát tiên là *giặc danh-lợi*: bỏ công danh lúc công sắp thành, danh sắp toại, để phân bộ từ Huế vào Saigon, cư tang báo hiếu: kể đến là *giặc ái-tình*: quá thương mẹ, than khóc đến lâm trọng bệnh, cả đến mù lòa; ghé nhà vị hôn thê, cha mẹ vợ nuốt lời hứa, vợ chưa cưới nhất quyết không *đem mình ngọc, dựa kề thất phu*.

Đối đầu với thói đời tráo chác, mỗi tình đầu bạc đen như thê, cậu Tú-tài Chiều đau khổ hẳn có đau khổ, nhưng vượt lên cái đau khổ, cậu nức cười và hòa cuộc sống riêng của mình vào cuộc sống chung của đồng bào, lo chữa cái đau khổ của thiên hạ, cứu xác thịt, bồi đắp tinh thần.

Tú-tài Chiều thanh xuân, vừa chiến và thắng được hai mũi giặc danh lợi và tình ái, thì Đờ-Chiều đứng tuổi, phải chiến với *giặc xâm-lãng*. Chiến như thế nào?

Không cảm thương lên ngựa được, lực đỉnh tráng của người mù lòa biết hoạt động thế nào buổi nước nhà nghiêng ngựa? Lòng phần uất của Nguyễn-Đình-Chiều Tú-tài không phát tiết ra nơi văn chương thì còn phát tiết ra đâu? Thế nên văn của tiên-sinh thật trầm hùng bi tráng ở các bài điệu bần hoặc điệu dân đã tuần-tiết, tử chiến. Đọc văn tiên-sanh, chúng ta thấy được tất cả những gì là anh dũng hy sinh, là căm thù giặc Pháp, là chiến đấu gian khổ của đồng bào miền Nam, cũng như nỗi lòng tiên sanh đối với vận mạng nước nhà và với những người đã hy sinh vô điều kiện cho tổ quốc, trong khi bị xâm lăng dày xéo.

Tinh chất cách-mạng của văn tiên-sanh là đã dự phần vào cuộc chiến-dấu của non dân, và giá-trị thực tiễn của nó là đã phô bày được tất cả những hình ảnh chiến đấu của non dân ở trong một giai-đoạn lịch-sử, cùng luôn luôn đề cao những điều đáng quý của dân-tộc, vừa thúc-dẩy xây dựng,

nhưng mặt khác cũng không quên đã phá những phần tử xu-thời, hoạt-dã, và vong-bản. Tiên-sanh suốt đời đã:

*Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm*

*Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà.*

Tinh thần cụ Đờ-Chiều là tinh thần "chở đạo" để hành đạo. Công nghiệp của Cụ là "đâm mấy thằng gian", đâm bằng ngòi bút chẳng bao giờ tà:

"Lòng đạo" ấy đã làm tròn một tấm gương.

Gương chiến-sĩ của người tàn-tật.

Gương cao quý của người bần bạch.

Gương một sĩ-phu yêu nước tích-cực, lấy non-dân làm gốc và có triết-lý hành động.

Tấm gương ấy nay đã được treo cao cho quốc-dân đồng-bào chung ngắm. Đối với lòng sùng bái của chúng tôi và chắc cũng là của tất cả quý vị, Cụ ở tận tuổi vàng, không thể "*khuyết đời trông mắt*", mà trái lại Cụ mở bưng mắt ra để xem cuộc chiến-thắng thực-dân ngày nay, và sẽ khoan khoái ngâm lại câu kết bài "*xúc cảnh*" của Cụ:

*Một trận mưa nhuần rửa núi sông.*

Kính thưa Quý vị,

Chúng tôi chân thành cảm ơn quý vị đã chịu khó theo dõi buổi nói chuyện của chúng tôi trong một khoảng thời gian khá dài, và xin tha thứ cho chúng tôi đã liều lĩnh làm một việc vượt khỏi khả-năng của mình, cho nên không tránh khỏi nhiều chỗ vụng-về, thiếu sót.

Kính xin Quý vị vui lòng lượng thứ cho.

Trong phần văn nghệ, nghệ sĩ Duy-Lân, với sự hợp tác của một số ca, nhạc sĩ và nhạc sinh trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Saigon, đã trình bày những ca phẩm (xàng xê, vọng cổ, tứ đại oán) trích tác theo 3 bài văn tế do cụ Đồ soạn :

- 1) Diêu tế Dân Mộ Nghĩa.
- 2) Khóc Quan lớn Trương-Công-Định.
- 3) Diêu Lục tỉnh Nam-Kỳ Sĩ dân.



PHU-NHÂN THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ CHỦ TỌA EUỒI LỄ

Buổi lễ thứ ba, đêm chúa nhật 18-7-1971 được đặt dưới sự chủ-tọa của bà Trần-thiện-Khiêm, Phu-nhân Thủ-tướng Chánh-phủ. Theo nghi thức cổ truyền, Phu-nhân Thủ tướng cùng Phu-nhân Phó Thủ-tướng và Phu-nhân Quốc-vụ Khanh Đặc-trách Văn-hóa kính cẩn niệm hương trước bàn thờ cụ Nguyễn đình-Chiều.

Trước một số đồng quan khách, nhất là nữ giới, Nữ sĩ Ái-Lan thuyết trình lễ-tài : « NGƯỜI PHỤ-NỮ TRONG THI-PHẠM « LỤC-VÂN-TIÊN »

Nhân lễ kỷ niệm 150 năm, tính theo âm lịch, ngày sanh nhật của Hối-Trai tên sanh Nguyễn-Đình-Chiều, với vai tưởng khiêm tốn của một cây viết phải yếu, tôi muốn góp tiếng cùng các văn hữu tu mi, thử tìm bóng dáng « người phụ-nữ trong thi phạm Lục Vân Tiên », một sáng tác được nhiều người xem là đứm con tinh thần mang nhiều dáng dấp của « Cụ Đồ ».

Thử tìm hiểu và xét coi tác giả đã quan niệm thế nào cái mà chúng ta thường gọi là tiết hạnh của người đàn bà, đối với bản thân, đối với xã-hội quốc-gia, nhân tiện xét thêm coi quan niệm ấy còn hợp thời không và có đáng cho chúng ta làm đề-tài suy tư trong hoàn cảnh đất nước giữa nghiêng, giá trị tinh-thần đạo-đức đảo lộn và suy sụp hiện nay.

☆

Xưa nay, ai cũng biết những tác phẩm của Cụ Đồ Chiểu, nhất là truyện Lục Vân Tiên, đều bộc lộ một khuynh hướng, một mục đích rõ rệt là dùng văn chương để giáo-dục quần-chúng. Do đó, Cụ Đồ Chiểu đã dụng ý viết văn giản dị, hợp với trình độ của bình dân, để được phổ biến sâu rộng.

Với mục đích ấy, Cụ Đồ Chiểu đã mở đầu truyện Lục Vân Tiên bằng những câu :

*Trước đèn xem truyện Tây Minh,  
Găm cười hai chữ nhân tình éo le !  
Hỡi ai lằng lặng mà nghe,  
Giữ rắn việc trước, lánh dê thân sau.  
Trai thời trung hiếu làm đầu,  
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

Vì mục đích, vì sứ mạng của một nhà văn, mà cũng một nhà giáo có tâm chí, có khí tiết, tha thiết nhiệt nồng yêu quốc-gia dân-tộc như Cụ Đồ Chiểu,



cho nên Cụ không thể tự cho mình là kẻ phê phán vì đôi mắt không trông thấy nữa — mà đề cho luân-lý, đạo-đức suy đồi bởi những lượn sóng bạo tàn, ma quái từ phương tây đến, lời cuốn phủ phàng đất nước và dân-tộc thân yêu của Cụ, đã có bốn ngàn năm văn-hiến rực rỡ.

Mặc dầu đôi mắt không còn trông thấy, nhưng trước cuộc xâm-lãng của thực dân Pháp lúc bấy giờ, Cụ đã đau xót lo âu cho nhân dân đất nước. Cụ chân biết thực-dân Tây-phương, một khi đã xâm lăng lãnh thổ thì đồng thời, văn-hóa cũng bị xâm lăng. Mà văn-hóa Tây-phương, cố nhiên là trái nghịch với văn-hóa Đông-phương nói chung, Việt-Nam nói riêng.

Nền tảng luân-lý, đạo-đức truyền thống từ ngàn xưa không khéo sẽ bị văn-hóa Âu Tây áp đảo, làm sụp đổ, mất mát mà thay vào đó thứ văn-hóa ngoại lai đồi trụy, mất gốc.

Người chí sĩ có tâm huyết như Cụ mà không làm được việc gì để cứu dân cứu nước, lại đành « nhắm mắt » làm ngơ, an nhiên tọa thị được sao ? Cho nên Cụ đau khổ nói lên nỗi lòng mình trong « Ngự Tiễn Văn Đáp » :

*Đã cam chút phận dở dang,  
Tri quân hai chữ mơ màng năm canh.  
Đã cam lỗi với thương sanh,  
Trạch dân hai chữ lưỡng doanh ở lòng.  
Đã cam thẹn với non sông,  
Cứu thời, hai chữ lưỡng trông thuở nào  
Nói ra thì nước mất trào,  
Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi !*

Vi bản khoán tha thiết với sứ mạng của người cầm bút, Cụ Đồ Chiểu không thể mắt lấp tai ngơ trước hiện trạng xã-hội đương trên đà đồi trụy bởi ảnh hưởng văn-hóa lãng mạn, khoái-lạc chủ nghĩa, cá-nhân chủ nghĩa củ

Tây-phương đã xâm nhập. Một số người lúc bấy giờ đã chạy theo vật chất và hư danh, quên nguồn gốc, xem rẻ cang thường đạo nghĩa, tiết hạnh trung trinh. Vì lẽ đó, Cụ sáng-tác ra Lục Vân Tiên, mong được chấn chỉnh đạo đức.

Ông Thượng-Tân-Thị đã có bài thơ :

*Thiên hạ xôn xao cuộc đảo thuyền,  
Đau lòng ngồi viết Lục Vân Tiên.  
Hiếu trung khuyên hãy cho bền chặt,  
Tiết hạnh trau sao được vẹn tuyền.  
Soi xét trên không, vầng bạch nhật,  
Nhớ thương sao có hạng thanh niên.  
Ngàn năm bồi đắp cang thường đặng,  
Một áng văn chương miệng để truyền.*

Muốn dùng văn-chương nghệ-thuật để chấn chỉnh đạo đức, Cụ Đồ Chiểu phải xây dựng nhân-vật điển hình cho tác phẩm Lục Vân Tiên.

Trong đó, những nhân vật trung hiếu, tiết nghĩa nổi bật bên cạnh những nhân vật phi luân lý, phi đạo đức, bất nhân, phản phúc. Cụ cho hai đối tượng xấu và tốt phân minh, rành rẽ, dễ đọc-giả dễ nhận thức, hầu khỏi lầm lẫn, thiên lệch, mà đặt tình cảm mình cho đúng mực.

Nói đến người phụ-nữ trong Lục Vân Tiên, phần đông ắt đã nghĩ đến Nguyệt-Nga, một trong những nhân vật chánh của truyện được tác-giả đề cao và được phong-trào Hát Cải-lương phổ biến tên tuổi trong quảng đại quần chúng, vào những năm từ 1918 đến 1921-1922. Kế đó là Thê-Loan, người đối lập với Nguyệt-Nga trong đường hôn nhân tình ái, đồng thời là một đối lập gần như cần phải có để xây dựng, đề làm nổi bật con người Nguyệt-Nga chẳng khác những vầng mây bao quanh vòng trăng tròn trên một bức họa, mây càng đen bao nhiêu, màu sáng của vầng trăng càng huy hoàng bấy nhiêu.

Đồng là con nhà giàu sang, xuân sắc không hơn kém bao nhiêu Kiều Nguyệt-Nga và Võ-Thê-Loan còn đồng liên hệ, như chúng ta biết, với một chàng trai duy nhất là Lục Vân Tiên.

Thê-Loan là vợ đính ước của Vân Tiên. Cha mẹ đôi bên đã khéo chọn, trai tài gái sắc, duyên ba sanh như thế là tuyệt đẹp ! Tiếc thay ! việc đời dâu biển bất ngờ, Vân Tiên, trong khi chờ ngày khảo thí, được tin mẹ qua đời. Chàng khóc than thảm thiết đến mù cả đôi mắt, phải bỏ thi trở về quê. Công danh lỡ hội lại thêm tật nguyên, chàng lại bị Trịnh-Hâm xô xuống sông, rồi nhờ ông chài cứu mạng, đưa vào nhà họ Võ xin nấu nương. Cha Thê-Loan, trước hoàn cảnh mới, không giữ lời hứa xưa ; chẳng những thế, còn lập mưu giả đưa Vân Tiên về cố quận, rồi đem bỏ vào hang núi cho mất tích. Chàng ngăn cha mà nàng đư rõ kế ác, Thê-Loan còn tỏ ra khinh miệt, mắng vào mặt vị hôn phu thất thế, mà trước kia nàng đã thề sửa tráp nâng khăn. Hăm hại Vân-Tiên xong, ông già họ Võ định xe duyên mới cho con với Vương-tử-Trực, bạn của Vân-Tiên, và Thê-Loan hân hoan đón nhận người rể mới chọn của cha nàng. Nhưng cả cha lẫn con đều bị Tử-Trực mắng cho một mẻ thậm tệ..

Với Võ công, chàng đồng dạ gạt hần lời đề nghị :

*Vợ Tiên là Trực chi dâu,*

*Chị dâu, em bạn, có dâu lỗi nghi.*

*Chẳng hay người học sách chi,*

*Nói ra những tiếng dị kỳ khó nghe.*

• • •

*Nói sao chẳng biết hễ thăm,*

*Người ta nào phải là cầm thú sao ?*

Với Thê-Loan muốn đem son phấn má đào, giọng kèn tiếng quyền khuyến dụ, chàng thẳng thắn :

*..... ai Lữ-Phụng Tiên,*

*Mà toan đem thói Điều-Thuyền trên người.*

Võ công xấu hổ quá, nhuộm bệnh rồi chết.

Sau đó, Vân-Tiên được cứu ra khỏi hang, bệnh mắt nhờ phép lạ chữa lành, chàng thi đậu Trạng-nguyên. Hay tin này, mẹ Thê-Loan tính chuyện đem xuân sắc con mình về hoặc Vân-Tiên, mong hưởng được phú quý vinh hoa. Thê-Loan, trước ngại sau đồng tình, hiệp cùng mẹ đi đón quan Trạng trên đường « bái tổ vinh quy». Vân-Tiên, độ lượng mà cương quyết nói :

*.....như bát nước dầy,*

*Đồ ngay xuống đất, hỡi rày sao xong.*

*Oan gia nợ ấy trả xong,*

*Thiếu chi nên nổi mà mong đến đời ?*

Hai mẹ con Thê-Loan xấu hổ lui về, giữa đường bị cộp vô đem bỏ vào hang Thương-Tông để chịu cái số kiếp mà trước kia gia đình họ quyết dành cho chàng rể hứa hôn mù lòa.

★

Lục Vân Tiên lần đầu với ý định ở học đợi ngày nhà vua mở hội khoa thi, lúc chàng còn là một thanh niên đình ngộ, vẫn võ song toàn. Dọc đường sự tình cờ đã đưa chàng đến một cuộc hạnh ngộ. Kiều Nguyệt-Nga bị tướng cướp Phong-Lai chặn kiệu quyết bắt về làm vợ. Vân-Tiên ra tay phò nguy cứu khốn, đập chết Phong-Lai. Thoát nạn, Nguyệt-Nga toan bước ra khỏi kiệu làm lễ tạ ơn. Vốn người chí khí, gặp việc nghĩa là làm không hề nghĩ đến công lao ân nghĩa, lại nặng về câu «nam nữ thọ thọ bất thân», Vân-Tiên lên tiếng ngăn lại :

*Khoan khoan ngồi đó chờ ra,*

*Nàng là phận gái, ta là phận trai.*

Trước cử chỉ khác thường và cao thượng ấy, Nguyệt-Nga làm sao khỏi cảm động, huống chi vị anh hùng bạt tụy kia còn :

*Mày tầm mắt phụng môi son,*

*Mười phần cốt cách vuông tròn mười phần.*

Có thể nói giây phút ấy, lòng Nguyệt-Nga đã bồi hồi xúc động, phần cảm vì nghĩa, phần mến vì tình, một mối tình chớm nở, trong sạch, nhưng nồng nàn, men vị. Nàng mời Vân-Tiên cùng nàng qua Hà-Khê nơi cha nàng đang làm Tri-phủ, để đáp ơn nhưng nàng lầm : Vân-Tiên đâu phải hạng người lợi dụng nghĩa cử của mình mà vụ lợi. Nguyệt-Nga bèn rút chiếc trâm, kính cẩn trao cho chàng và xin chàng nhận vật « làm tin ». Làm tin cho lòng biết ơn sâu đậm của nàng mà cũng để làm kỷ niệm mối tình mà nàng cảm thấy này nở trong lòng. Một lần nữa, nàng đã chạm đến cái đường đường chánh chánh không đổi dời của Vân-Tiên. Nguyệt-Nga càng thêm cảm phục :

*Đưa trâm chàng đã làm lo,*

*Thiếp xin đưa một bài thơ giữ từ.*

Vân-Tiên « day mặt rằng ừ, làm thơ cho kíp bây chừ chớ lâu ». Tuy nhiên, khi đọc thơ nàng xong, chàng phải ngạc nhiên thán phục « ai đề sức gái tài cao bậc này ». Đến đây, cái ngẫm khắc trước kia đã nhường chỗ cho lòng kính mến. Chàng họa thơ lại và :

*Xem thơ biết ý gần xa,*

*Mai hòa vận điều, điều hòa vận mai.*

Vậy đôi bên đã có sự thông cảm và đôi quả tim non đã rung động cùng một nhịp, song không bên nào sẵn thêm một bước, rồi họ từ giả nhau ai theo đường nấy.

Dẫu vậy, chàng đã cảm thấy « chữ ân buộc lại chữ tình lây dây », tron-  
khí nàng

*Nghĩ mình mà ngán cho mình,*

*Nỗi ơn chưa trả, nỗi tình lại vương.*

*Nguyện cùng Nguyệt lão hỏi ông,*

*Trăm năm cho vẹn chữ tòng từ đây.*

Mối tình mỗi lúc một vương thêm, nỗi nhớ mong thời gian càng qua càng làm đậm nét vóc dáng, diện mạo, của người anh hùng trọng nghĩa khinh tài đến mức chỉ gặp nhau một lần mà nàng họa được bức tượng giống hệt được chàng. Nàng tự đính ước và thề chết sống với người lý tưởng của lòng nàng : « đầu thay mái tóc đám đời lòng tơ ».

Khác hơn Kiều, ngộ biến Nguyệt-Nga không từng quyền mà quyết sắt son với mối tình ôm ấp bên trong. Bị đưa đi cống Hồ, nàng nhảy xuống sông tự tử, không chịu thất thân trong tay người khác, « trăm năm cho vẹn chữ tòng ». Được cứu sống và lọt vào nhà họ Bùi, nàng không vì ơn đùm bọc mà nhận kết duyên cùng công tử nhà này. Nàng mang tượng Vân-Tiên trốn đi :

*Thân con còn đứng giữa trời,*

*Xin thờ bức tượng trọn đời thời thời.*

Chung tình đến thế là cùng mà lúc ấy nàng đính ninh rằng Vân-Tiên đã chết.

May mắn thay ! Cuộc tái ngộ, sau bao đắng cay thử thách nguy nan lại kết thúc bằng một trùng phùng hi hữu, và trai tài gái sắc, trong cảnh bình yên lạnh, chung hưởng niềm hạnh phúc do chính họ tự tạo với những tiết nghĩa chơn chính.



Hẳn xưa nay có nhiều người tự hỏi : Tại sao Nguyệt-Nga chỉ gặp Vân-Tiên trong chốc lát, chưa ai nói lên tiếng yêu đương hay hứa hẹn chi cả,

thế mà Nguyệt-Nga lại chung-tình đến cam chết để giữ tròn tiết-nghĩa với Văn-Tiên như vậy ? Phải chăng cụ Đò-Chiều đã bắt nàng thủ-tiết quá đáng đối với mối tình chưa phải là thắm đượm sâu xa, hay đã thề non hẹn biển nhiều lần ?

Câu-hỏi như thế rất chí-lý, nếu chúng ta chưa suy luận, cân nhắc tế-nhị đối với tâm-lý ái-tình của người Đông-phương nói chung, Việt-Nam nói riêng.

Ái-tình của người Đông-phương cũng như người Việt-Nam chân chính không bị nhiễm độc bởi quan niệm tình yêu của người Tây-phương, thì tình yêu bao giờ cũng do lý-trí dự phần, chớ không như người Tây-phương, hoàn toàn chỉ có quả tim chủ động mà không có sự hợp tác chân-thành của lý-trí.

Vì đó trong lãnh vực ái-tình, Tây-phương có câu châm-ngôn, đại ý bảo : « Cỏ những lý lẽ của con tim mà lý-trí không thể biết được ». Do đó mới có « tiếng sét ái tình » và họ cho như vậy mới thật là yêu, bởi vì yêu theo quan niệm họ, một khi đã yêu thì chỉ có con tim làm chủ, dầu sự yêu đó có tai-hại cho mình, thân bại danh liệt đến thế nào, có hại cho luân-lý đạo-đức và phong-hóa xã-hội như sao, cũng mặc !

Vì lẽ yêu không có căn-bản đó, yêu bởi « tiếng sét ái-tình », cho nên tình yêu ấy chỉ là chớp nhoáng như lần điện xẹt nẩy lửa rồi tắt ngấm như một cái chớp. Tình yêu đó, cố nhiên là không sâu đậm vững bền, khắc ghi vào tâm-hồn, trí não của con người, nên càng yêu cuồng, càng hưởng vội, khi đã chợt tỉnh thì mộng cũng tan ! Tình yêu không xây dựng trên lý-trí lẫn tình cảm như vậy, cho nên người Tây-phương yêu vội vàng, hưởng lạc thú xác thịt cũng vội vã, rồi chán chê mau chóng, nên sự ly dị để bỏ nhau hay ngoại-tình, phản-bội nhau rất là dễ dàng. Tình yêu lãng-mạn, mù-quáng, không có tính toán, cân nhắc, vì họ cho rằng tình yêu mà tính toán, suy nghĩ cần-thận, không phải là yêu !

Trái lại tình yêu của người phương Đông, xây dựng bởi lý-tưởng cao quý và rất thực-tế, như là người phụ-nữ Đông-phương cũng như Việt-Nam rất là thực-tế, không lãng-mạn, phiêu-lưu, vì người mình lấy gia-đình làm nền tảng cho quốc-gia, xã-hội, mà việc hôn nhân phải xây dựng trên-căn bản ấy.

Vì thế, những bà mẹ Việt-Nam ngày xưa là lương thê hiền mẫu đã tạo dựng biết bao anh hùng liệt-nữ cho dân-tộc. Và gia-đình là một giang san thâu hẹp của các bà, các bà có nhiệm vụ gìn giữ, đắp bồi, vì các bà ý-thức rằng nhà an thì nước thịnh, mà trái lại, nước mất thì nhà phải tan. Do đó, các bà mẹ Việt-Nam ta luôn luôn hy-sinh để bảo vệ gia-đình, đồng thời cũng bảo vệ đất nước, bằng trực tiếp hay gián tiếp. Các bà đã xây-dựng, đào-tạo cho chồng con trở nên anh-hùng liệt-sĩ, cứu nước và dựng nước. Đó là tình yêu, là hạnh phúc của các bà, đó là mục-tiêu, là thần tượng để các bà phục vụ, hy-sinh. Nếu người chồng chưa phải xứng đáng để các bà yêu và phục-vụ, thì các bà đem tất cả những gì mình có thể làm được để cảm-hóa, xây-dựng, giúp đỡ, có phải hy sinh hạnh phúc riêng mình hay tánh mạng mình, các bà cũng không từ nan, cốt để cho chồng trở nên một thần tượng xứng-dáng cho các bà phục vụ, tôn thờ. Và tình yêu đó mới thật là tình-yêu sâu đậm, sắt son, không có gì làm lay chuyển, phai mờ được. Do đó, các bà đã xem sanh mạng mình nhẹ tựa lông hồng để bảo vệ đức-hạnh, tiết-nghĩa, vì đã có một lý-tưởng, một mục-đích, một tình yêu cao cả cho lẽ sống.

Cụ Đò-Chiều đã nêu cao những đức-tánh cao quý đó qua nhân-vật tiêu biểu là Kiều-Nguyệt-Nga để duy-trì và củng cố cho nền văn-hóa dân-tộc.

Sở-dĩ Nguyệt-Nga có nghị-lực kiên-trinh, dám chết để bảo-vệ tiết-hạnh như vậy, là nàng đã có một thần-tượng xứng đáng với tình yêu cao quý của nàng. Và tình yêu đó đã xây dựng trên lý-tưởng đúng đắn. Tình yêu đó do sự kính-phục mà phát sanh, chớ không phải do ham muốn vật-chất, danh-vọng nhưt thời.

Tình yêu xây-dựng trên lý-tưởng vững chắc đó, nên lòng son sắt của

nàng không lay chuyển mặc dầu gặp phải bao nhiêu nghịch cảnh dồn dập nàng vẫn có thừa nghị-lực vượt qua, dầu gian-khổ, dầu phải chết chóc, cũng không hề hoen ố thân danh. Nàng phải chịu bao cảnh linh-đỉnh sóng gió trong hoàn cảnh xã-hội giăng mắc đầy cạm bẫy, thế mà nàng quyết tranh đấu bản thân, tranh đấu với hoàn-cảnh để giữ trọn thủy chung không lỗi nguyện với lòng.

Nguyệt-Nga là một phụ-nữ gương mẫu của Việt-Nam ngày nay, vì nàng là một nhân-vật điển hình, tiêu biểu cho phụ-nữ Việt-Nam từ ngàn thu trước.



Dầu thiên ma bách chiết, trai không có quyền lỗi với trung với hiếu, gái không được để thất tiết mất trinh. Đề qua một bên mẫu người trung hiếu Lục Vân Tiên, chúng ta hãy vô-tr và khách quan nhìn lại gương tiết hạnh là Nguyệt-Nga và trường hợp Thê-Loan mà tác-giả cho đối lập, để thử coi chủ trương hay lập trường của Nguyễn-đình-Chiều, tiêu-biểu cho đạo đức xưa, có hợp-lý và nhất là có hợp tình trong xã-hội ngày nay không ?

Chúng ta hãy đọc lại hồ-sơ của Thê-Loan, người đã bị luân-lý lên án. Không một bằng chứng nào tố-cáo nàng là gái trác nết lẳng loạn quen thói trên bệc trong dậu. Trái lại, như bao nhiêu con nhà nề-nếp thuở ấy, cha mẹ đặt đâu nàng phải ngồi đó. Được đính-ước với Vân-Tiên, nàng cúi đầu vâng chịu, mà có lẽ với nhiều hân-hoan vì chàng đẹp trai và là một thơ sanh đầy hứa hẹn. Như vậy nàng quả là gái có trinh có hiếu. Nhưng nàng không khỏi nghĩ đến câu « sang đời vợ », cho nên tuy đặt hết niềm tin nơi người được mẹ cha lựa chọn, nàng không khỏi lo ngại :

*Chàng dầu cùng quế xuyên đương,*

*Thiếp xin hai chữ tào khương cho bằng.*

*Xin đừng tham đó bỏ dưng,*

*Chơi là quân lữ, chơi trờng quên đờn.*

Một cô gái mười bốn tuổi đầu đã biết lo cho tương-lai mình như thế, kẻ cũng khôn ngoan lắm.

Vân-Tiên đi thi, Thê-Loan ở nhà chẳng hề làm một việc gì gọi là lỗi đạo hôn thê, và có lẽ như bao-nhiều thiếu-nữ khác cùng cảnh ngộ, nàng ngày ngày trông ngóng tin lành để được hưởng cái vinh-dự « võng anh đi trước võng nàng theo sau ». Trớ trêu thay ! Trong lúc nàng, luôn cả song thân nàng đang ấp ủ cái mộng đẹp ấy thì đùng một cái, chú rề dui đến nhà. Tan vỡ hết rồi ! Mơ ước thành khói mây còn hiện tại thì quá bi-đát :

*Rề dui có rề dui mà thế ni ?*

Theo sự tín-nghĩa ngày xưa, thì một lời đã hứa, trăm năm chẳng đổi đời, dầu thế nào chẳng nữa. Nhưng có nhiều người bảo ngày nay không còn phải nghiêm-khắc thái quá như vậy. Ước đính là một hợp-đồng miệng, đôi bên phải lấy danh-dự mà thi-hành, đã đành. Nhưng phạm là giao-kết thì phải có điều-kiện ; điều-kiện còn đầy đủ mà bội-ước là người thiếu tín thành, đáng lãnh búa rìu của dư-luận hay hình phạt của luật-pháp. Ở đây, đối tượng của cuộc trao đổi giữa đôi bên có chỗ lệch-lạc, sai khác rồi. Nếu cô dâu chưa cưới còn xuân sắc trắng trong nguyên vẹn, chàng rề hứa hôn không còn là chàng của thời đôi bên giao ước. Bảo ông già họ Võ nhận người mù làm kẻ đồng sàng thay cho chàng trai tuấn-tú, bắt Thê-Loan phải chung chăn gối với một phế-nhơn khác hân chàng thơ sanh thuở nọ, thì quá lý-trường và thiếu lẽ công-bình. Con người là con người, nào phải thần thánh. Sự thật tâm-lý thế-gian là con *Người* rất là *Người*, chứ nào phải siêu nhân. Lấy quyền gì mà không cho Võ-Công kiểm một nơi khác xứng lứa vừa đôi cho con ông, và cấm Thê-Loan gầy dựng một tương lai khác tốt đẹp hơn ? Nàng đối với Vân-Tiên chưa phải là vợ chồng đã ăn ở với nhau. Nàng đã phải thuận kết duyên chỉ vì cha mẹ nàng muốn như vậy. Vậy về mặt tình cũng như lý, không có gì ép buộc nàng với Vân-Tiên, và như thế thì không thể trách nàng. Hơn nữa Vân-Tiên rất lạnh nhạt với nàng. Nếu đã ăn ở

với nhau rồi mà nàng chối bỏ như vậy thì đáng trách thật. Và lại, nàng là một cô gái thơ ngây, nào dám cãi lời cha mẹ.

Tuy nhiên, không phải nàng không có chỗ đáng trách. Chê bỏ Văn-Tiên mù là quyền của nàng, nhưng không nên cha ám-hại vị hôn-phu của mình, nàng đã tỏ ra là người bất nhân, tự mình còn xỉ vả nặng lời, và kiêu-hãnh ác-độc :

*Loan rằng : gót đỏ như son,  
Xưa nay ai nữ đem chôn xuống bùn !  
Ai cho sen xuống một bồn,  
Ai từng chanh khế sánh cùng lựu lê.  
Thà không trót chịu một bề,  
Nữ đem mình ngọc dựa kề thất phu.*

Sao lại tàn nhẫn như thế với một kẻ lỡ vận lại tật-nguyên, nhưt là khi người ấy suýt làm chồng mình và trước kia mình đã sợ người phụ rầy ? Không tình nghĩa phu-thê thì cũng còn chút thương giữa người đồng loại mới phải.

Chẳng những ích-kỷ, độc ác, Thê-Loan còn ít nhưt hai cái xấu khác là tham-lam và vô liêm sỉ. Tham-lam ở chỗ mong bám vào Từ-Trực, miếng mồi mới đang thơm phức mùi phú-quý dính chung. Vô liêm sỉ khi theo mẹ ra đón chào tân Trạng Văn-Tiên, mong kết lại nỗi tình xưa mà chính nàng đã đồng lõa với cha trong cuộc ám-hại Văn-Tiên.

Nhưng dẫu sao, nàng cũng đáng được giảm khinh, vì nàng vẫn là một nạn nhân của chế-độ phong-kiến, và là một sản-phẩm của cái gia-đình bất-nghĩa bất nhân đó mà thôi.

Bây giờ, chúng ta thử xét về Kiều Nguyệt-Nga.

Có người bảo rằng Nguyệt-Nga quả là lãng-mạn, là tự-do kết cấu như một số bạn gái ngày nay, và như vậy có hợp với đạo-đức ngày xưa, với chủ trương của chính Cụ Đò, theo đó sự dựng vợ gã chồng là quyền tuyệt đối

của cha mẹ không ? Tuy nhiên, theo tâm-lý thông thường của ái tình, ai nỡ căm nàng yêu một cách chân chính ? mà Văn-Tiên là một mẫu người lý-trưởng đáng cho nàng yêu.

Người ta nào phải cây đá vô tình, và theo thiên-ý của trời, các nhà luân-lý thời xưa đâu có đòi hỏi sự tuyệt tình hay diệt tình. Các ngài chỉ chấp nhận những mối tình thanh-cao, như mối tình của Nguyệt-Nga. Thanh cao ở nàng đã gặp cái thanh-cao ở chàng, bảo sao nàng không mẫn phục. Từ mẫn phục đến yêu đương chỉ có một bước mà nàng đã lướt qua dễ dàng. Xét kỹ, thêm vào cái yêu vì nét mẫn vì tài, còn vấn đề ân nghĩa. Văn-Tiên không can thiệp kịp thời, không vì nàng mà dẫn thân vào rừng tên mũi giáo, thì thân nàng, dẫu có còn vẫn là thân bỏ, thì lòng nhi-nữ nào lại không nghĩ đến việc ân tình cùng người đã cứu mình khỏi rơi vào vũng bùn như ?

Vậy, đứng về mặt luân-lý đạo đức thời xưa, Nguyệt-Nga có lỗi vì «trộm lịnh mẹ cha» mà tự đính hôn trong tâm với Văn-Tiên. Nhưng xét theo khía cạnh «ân» và «tình» vừa nói thì sự «thăm mơ trộm ước» của nàng có gì là lạ vì nó thuộc thường tình, cũng không có gì là đáng tội vì nó không vượt ngoài khuôn khổ lễ giáo. Chỗ đáng khen nhưt là một khi mình đã thề nguyện với lòng, thì thủy chung như nhưt, ngoài tuy chưa sáu lễ, động phòng hoa chúc cũng chưa, nhưng nàng dính ninh ý trung nhân là chồng rồi. Thật là một tình thần và một thái độ ngày nay khó kiếm !

Nếu có người hỏi : Nguyệt-Nga gặp cảnh ngang trái như Thê-Loan, không biết nàng xử sự thế nào ? Điều này nàng đã chứng tỏ : Nàng biết Văn-Tiên đã chết, thế mà vẫn giữ một lòng nguyện thờ bức tượng trọn đời. Nàng còn dám chết không chịu đi cống Hồ, thì sá gì Văn-Tiên mù lòa tật bệnh. Nàng thờ Văn-Tiên vì tình-thần, chớ đâu màng thế chất.

Lại nữa, biết đâu tác-giả Lục-Vân-Tiên không xây dựng vai Nguyệt-Nga với mục-đích gợi-gẫm vào đó một hoài bão, một chủ-trương của mình ? Một khi đã dính ước, dẫu tự mình, dẫu do cha mẹ quyết định thì phải giữ câu

thủy chung như nhứt. Cũng như Cụ Đờ, Cụ đã sanh làm con dân nước Việt, đã chọn nếp Nho phong, đã đính ước với quốc-gia dân-tộc, thì Cụ quyết sống thác với sự lựa chọn của mình, với mỗi tình của mình, mà không chạy theo mạnh bỏ yếu, không nghĩ đến hạnh-phúc an-toàn cá nhân mà phụ rầy, phản bội, người tình quốc-gia dân-tộc trong cơn hoạn nạn.

Thưa Thủ-trưởng Phu-nhơn,

Thưa Quý vị,

Vào đầu truyện Lục-Vân-Tiên, tác-giả đã nêu lên chủ-trương của mình trong vấn-đề giáo-dục và tư-cách làm người. Do đây, tác-giả đã đưa ra những con người gương mẫu, khuôn thước mà chính tác-giả đã thực-hiện trong đời sống của tác-giả.

Theo quan-niệm của Nho-giáo mà Nguyễn-đình-Chiều được nhằn thấm, con người, dầu nam dầu nữ, không phải sanh ra để toàn thọ hưởng mà để làm nhiệm-vụ của mình đối với tiêu gia-đình là người thân, và đối với đại gia-đình là đồng bào làng nước. Làm tròn được nhiệm-vụ ấy, phải hy-sinh rất nhiều, hy-sinh cái tiêu cho cái đại, hy-sinh thành phần cho toàn thể. Người xưa ắt đã nghĩ rằng cá nhân không thể tách khỏi đoàn thể, cá-nhơn không thể sống yên sống vui trong khi đoàn thể lâm vào cảnh bất ổn khổ nạn. Cái chọn hạnh-phúc, bất cứ lúc nào, vẫn nằm trong cái hạnh-phúc chung.

Trong hoàn-cảnh và tâm trạng con người hiện nay, ít ai chịu chấp nhận quan-niệm và thái-độ người xưa. Do đây mà bây giờ, ít có những gương hy sinh cho đại-cuộc và những người tiết-tháo lại bị chế riễu là « quân-tử Tàu ». Nhưng thử hỏi: quân-tử Tàu có làm hại gì ai hay họ chỉ làm thiệt-thòi cho họ? Từ cổ cập kim, những anh-hùng liệt-nữ đều là hạng ít nghĩ đến mình, luôn luôn tự dành sự thiệt-thòi thua kém với mục-đích duy nhất là để cho người khác hạnh-phúc an vui, để cho cái cộng-đồng trong đó họ đang sống không vì họ mà hoen ố, suy sụp.

Nguyệt-Nga chưa là một Thánh-nữ, nhưng gái nào xở sự được như nàng, xem tiết hạnh là trọng, dầu ngộ biến vẫn không từng quyền, dám hy-sinh

cho lời hứa của mình, thì không còn gì quý hơn. Thê-Loan chưa phải là ác-quỷ, nhưng con người như nàng quả có nhiều điểm xấu, mà không cần suy-nghĩ nhiều, ai ai cũng đồng ý là không nên bắt chước. Người ta có thể học với cái tốt mà cũng có thể học với cái xấu: tốt thì theo, xấu thì xa tránh. Hai mẫu người con gái của Cụ Đờ đều có ích cho sự giáo-dục con em chúng ta hiện nay mà cùng một tấm gương cho phụ-nữ chúng ta soi chung vậy.

★

Về phần Văn-ngệ, đêm nay đặc biệt có sự góp mặt của nghệ-sĩ tiền-phong Bảy-Nhiều đã làm khán giả vừa vui cười thích thú vừa bồi hồi cảm xúc với lời « nói thơ Văn-Tiên » è a, ngập ngừng, chất phác nhưng đậm đà hương vị bình dân cách đây nửa thế-kỷ.

Nghệ-sĩ Ba-Vân, với nét mặt ngó ngàng đầy duyên dáng, « nói thơ Văn-Tiên » nhưng vẫn vẻ hơn, bay bướm hơn, giữa tiếng độc huyền cầm não nuột của nhạc sĩ Ngô-nhứt-Thanh.

Tiếp theo, nghệ-sĩ Năm-Châu trình diễn vở ca kịch « Lục-Vân-Tiên » (2 màn) do ông soạn.

★

Buổi lễ thứ tư, đêm thứ hai 19-7-1971 được đặt dưới sự chủ tọa của ông Thẩm-Phán Trần-văn-Linh, Chủ-tịch Tối-cao Pháp-Viện.

Sau lễ niệm hương, Thi-sĩ Bằng-Bá-Lân, Giáo-sư văn-chương (ban Chuyên khoa) tại nhiều trường Trung-học Thủ-đô thuyết-trình đề tài « Nguyễn-đình-Chiều, nhà thơ lớn của miền Nam ».

Kính thưa Quý Vị,

Thưa Quý Bạn,

Nhân dịp tổ-chức Lễ Kỷ-niệm Nguyễn-Đình-Chiều tiên-sinh, Phủ Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn-Hóa — qua nữ-sĩ Mộng-Tuyết — đã có nhã ý muốn tôi nói một bài về nhà thơ lớn của miền Nam này.

Đề tài buổi nói chuyện cũng do Ban Tổ chức đưa ra : *Khía cạnh Nguyễn-Đình-Chiều Thi-Sĩ*.

Thế nghĩa là Ban Tổ chức muốn tôi phải tìm hiểu cái thi-chất (matière poétique) trong con người cũng như trong thơ văn Nguyễn-Đình-Chiều để trình bày và chứng minh.

Công việc này được trao cho tôi cũng lại có chỗ dụng ý : Chọn một nhà thơ miền Bắc để nói về thi-tài của một thi-sĩ miền Nam.

Bấy nhiêu dụng ý và chân tình càng làm cho trọng trách trên vai tôi thêm nặng.

Nặng và khó nữa là khác ! Vì ông Đồ là một nhà nho chân chính, thấm nhuần đạo lý Khổng Mạnh, lại sống vào một thời buổi đặc biệt nên càng nặng lòng yêu nước thương nòi.

Văn thơ của ông là thứ « văn dĩ tải đạo ». Mỗi lời mỗi ý ông viết ra đều nhắm vào đạo-đức nhân-nghĩa hoặc hướng về tổ-quốc giang-sơn :

*Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm,*

*Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà.*

(Dương-Từ, Hà-Mậu)

Cho nên cái chất « thơ thuần-túy » (poésie pure) mờ đi và chìm xuống, chứ không nổi bật, dễ nhận thấy như trong những áng văn miêu-tả hay những thi phẩm trữ tình.

Đã thế, trong ngũ quan, có hai giác-quan là cửa ngõ chính để con người tiếp nhận những cái đẹp của ngoại vật, của thiên-nhiên, là thị-giác và thính-giác. Thi ở ông Đồ, cả hai cửa ngõ ấy đều bị lấp kín ! Ông bị lừa hai mắt, rồi sau lại bị điếc cả hai tai. Không nghe, không thấy, ông bị cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài, chỉ còn sống với nội tâm mà thôi.

Cho nên, trong tác-phẩm của ông, từ *Lục Vân-Tiên*, qua *Dương-Từ Hà-Mậu* đến *Ngư-Tiêu Văn-Đáp Y-Thuyết*, những nhân vật ít nhìn, ít nghe những cảnh sắc và âm thanh chung quanh mình mà chỉ tra bàn luận về những điều hay lẽ phải cùng những tinh tinh cao đẹp của những tâm hồn thẩm-nhuần đạo lý nho-phong.

Trong tác-phẩm của Nguyễn-đình-Chiều, ta ít gặp những cảnh sắc thiên-nhiên đẹp như tranh vẽ hay những âm thanh rạo rục và kêu gọi của cuộc đời như ở *Truyện Kiều*, *Hoa-Tiên* hoặc *Bích-Câu Kỳ-Ngô*.

Những nhân-vật chính của ông Đồ là những bậc chính-nhân quân-tử, lúc nào cũng tâm niệm niệm ăn ở sao cho đúng y giáo-điều của Khổng-Mạnh. Cũng vì thế, họ khắc-khở ngay với chính họ, không một lúc nào dám sống buông thả, ngay cả trong trường-hợp đáng được buông thả.

Kim-Trọng vừa nhắc thấy Thúy-Kiều đã « tình trong như đã », rồi về nhà mắt ngủ quên ăn ! Lương-sinh — trong *truyện Hoa Tiên* — vừa thoảng thấy bóng nàng Dao-Tiên ở ngoài vườn, đã lòng riêng ngồn ngang trâm mối Ánh chàng Tú-Uyên trong *Bích-Câu kỳ-ngộ* thì lẻo-đẻo đi theo người đẹp cho đến khi mắt hút, đề rồi trở về với bao nhiêu thương nhớ, phải đi lễ bái, ăn chay năm mộng cầu gặp lại người tình !

Lục Vân-Tiên, trái lại, trên đường đi thi, tình cờ gặp bọn cướp đường đang hoành hành. Chàng bèn nổi máu anh hùng « giữa đường thấy sự bất bình chẳng tha », ra tay đánh tan bọn cướp, giải thoát được người đẹp là Kiều Nguyệt-Nga (thật là cơ hội ngàn vàng, ngàn năm một thuở !). Vậy mà khi người đẹp cảm kích, mở cửa xe, định xuống tạ ơn cứu mạng, thì chàng lại ngoảnh mặt xua tay, miệng kêu rối rít :

*Khoan khoan ngồi đó chờ ra,*

*Nàng là phận gái, ta là phận trai.*

Thật là đạo-đức. Nhưng cũng thật là gổ đá !



Phải chi tâm-hồn bớt khô khan, họ Lục bớt vô tình một chút, thì cảnh ấy tình ấy, người ấy tài ấy, ở đoạn này làm gì ta chẳng lượm được mười, mười lăm câu thơ đẹp và truyền cảm làm rung động độc-giả một cách nhẹ nhàng như làn nước êm chảy trong veo dưới cầu, như bóng chiều thướt tha trong tóc liễu, lúc Kim Kiều lần đầu gặp nhau :

*Bóng tà như giục cơn buồn,  
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo,  
Dưới dòng nước chảy trong veo,  
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

(Kiều)

Và như thế sẽ đỡ cho diễm-giả biết bao trong việc lượm lặt những vần thơ dẫn chứng !

Song lẽ thái-độ vô tình và quá câu nệ đến mức thiếu cả tế-nhĩ của Văn-Tiên tuy có làm cho Nguyệt-Nga hơi buồn nhưng không khiến nàng phật ý. Vì thời ấy thì phải có người ấy. Nguyệt-Nga là hiện thân của đạo-lý. Nếp sống của nàng là nếp sống nho phong. Tình-cảm của nàng là tình cảm thấm nhuần nho-giáo. Cho nên đóa hoa ái-tình của nàng mới này nở được trọn vẹn và rực-rỡ trên mảnh đất luân-lý căn-cõi, trong không khí đạo-đức khô khan. Yêu vì nết, trọng vì tài, nàng tưởng nhớ Văn-Tiên không lúc nào nguôi, lại vẽ cả « tượng » chàng đề sớm hôm bầu bạn ; và dù chưa có một lời đính ước, nàng đã nguyện suốt đời chung thủy với người yêu :

*Tới nay phận bạc là ta,*

*Nguyện cùng bức tượng đến già chung thân.*

Cũng như Nguyệt-Nga, tâm hồn độc-giả thời Nguyễn-Đình-Chiều là tâm-hồn chịu ảnh hưởng sâu đậm giáo-lý Khổng Mạnh. Họ tôn thờ những vẻ đẹp tinh thần hợp với luân-lý, đạo-đức cổ truyền. Họ nghe lòng tự nhiên rung động trước những vần thơ đạo-lý. Họ thuộc nằm lòng những câu thơ có tình cách rạn đời :

*Hỡi ai, lặng lẽng mà nghe,  
Dữ rần việc trước, lành dè thân sau.  
Trai thời trung hiếu làm đầu,  
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

(Lục Văn-Tiên)

và :

*Ai ai cũng vốn đồng bào,  
Sanh trong trời đất lẽ nào ghét nhau ?*

(Dương-Từ, Hà-Mậu)

Cũng vì vậy mà Nguyễn-Đình-Chiều không lãng-mạn cũng không trù-tinh, không tượng-trung cũng không tả-thực ; ông chỉ dùng những lời thơ thông thường giản-dị, mộc-mạc bình-dân để phô bày những tư-tưởng đạo-lý, những xúc-động chân thành trước tình nhà nổi nước. Ông viết mà không chú trọng làm văn-chương. Văn ông có vẻ dễ dàng « xuất ự tự nhiên » mà đi thẳng vào lòng người đọc. Suốt cả hậu bán thế-kỷ 19 và một phần tiền bán thế kỷ 20, tức là hai ba thế-hệ liên tiếp, tác-phẩm của ông—nhất là truyện Lục Văn Tiên—đã được phổ biến rộng rãi và truyền cảm sâu xa trong dân gian ở miền Nam này. Như vậy là ông đã thành công. Và ông xứng đáng là nhà thơ của đạo-lý và đại chúng.

Bây giờ xin mời quý vị và quý bạn hãy cùng chúng tôi đi sâu vào tác-phẩm của Nguyễn-Đình-Chiều để tìm cái thi-chất (matière poétique) trong thơ văn ông. Tuy ông không cần tới cái thi-chất ấy ; người đương thời cũng đã coi ông là một thi-hào ; nhưng chúng ta cũng cứ cần phải tìm ra để nhìn ông bằng một nhỡn-quang đứng đắn, để định rõ giá-trị của ông trong văn-học sử nước nhà.

Trong thi ca, cái thi-chất có thể ví như lớp sơn nghệ-thuật : Phết lên cảnh thi cảnh trở nên rõ-ràng, linh-động và gợi cảm. Phủ lên tình thì tình

thêm tha thiết, đậm đà, dễ gây xúc động. Đưa vào văn lý-luận thì lý-luận hết khô khan mà trở nên sôi nổi, nồng-nàn hấp dẫn.

Thơ thiếu thi chất là thơ có xác mà không hồn. Người làm thơ thiếu thi chất là thợ thợ, không bao giờ trở thành thi sĩ. Dựa vào tiêu chuẩn trên đây, ta hãy xem cái chất thơ của Nguyễn-Đình-Chiều như thế nào hay, nói cách khác, cái khía cạnh thi-sĩ qua tác-phẩm của ông.

Như đã nói ở trên, Nguyễn-Đình-Chiều ít sống với ngoại cảnh mà chỉ sống nhiều với nội tâm, nên văn tả cảnh trong thơ ông không nhiều, không nhiều tất nhiên là cũng có.

Xin dẫn chứng mấy cảnh đẹp trong thơ Lục Văn-Tiên :

*Trải qua dấu thỏ đường dẽ,*

*Chim kêu ượn hú tư bề núi non.*

Chỉ mười bốn chữ, tác-giả đã vẽ rõ được cảnh đường rừng khúc khuỷu âm u.

Và đây là một «cảnh xinh như vẽ» dưới mắt Văn-Tiên trên đường lai kinh ứng thí :

*Ra đi tách dặm bằng chùng,*

*Gió nam rầy đã đưa xuân qua hè.*

*Mãng trông dặm liễu đường hê,*

*Tin ong ngợ gác, tiếng ve vang dầy.*

*Vui xem nước nọ non này,*

*Nước xao sóng dợn, non bày đá cao.*

*Màn trời gấm trải biết bao,*

*Trên cảnh chim nói, dưới ao cá cưỡi.*

Bằng hai câu thơ lục bát, thi-sĩ đã tả rất linh-động cảnh sớm mai rộn-rịp tại nơi thi-tử :

*Mặt trời vừa khỏi mái hiên,*

*Người brôn kẻ bán, chợ phiên rộn ràng.*

Cũng như cảnh đêm khuya vắng vẻ ở trong hang đá lạnh buồn :

*Đêm khuya ngọn gió thổi lò,*

*Sương sa lác-đác, mưa tro lạnh-lùng.*

Qua tác-phẩm «Dương-Từ, Hà Mậu», ta cũng lược được ít đoạn văn tả cảnh đáng chú ý.

Trên đường «trở lại quê hương», Hà Mậu ngắm nhìn cảnh vật hữu tình như tươi cười chào đón :

*Hữu tình thay ngọn gió đông,*

*Cành mai nở nhụy, lá tùng reo vang.*

*Cỏ thơm hơn-hở bên đàng,*

*Như tưởng mừng khách Đông-hoàng đến đây.*

*Lưu lo chim nói trên cây,*

*Như tưởng chào hỏi khách này về đâu ?*

*Hai bên cây mọc giao đầu,*

*Như tưởng đón rước đàn hầu người sang.*

*Dưới khe nước chảy tợ đàn,*

*Như tưởng mừng bạn hương-quan tếch vơi.*

*Trăm hoa đua nở tươi cười,*

*Như tưởng mừng rỡ gặp người cố tri.*

Theo chỗ chúng tôi được biết thì khi ông sáng tác văn-chương là lúc ông đã lòa cả hai mắt, nên những cảnh trong tác-phẩm của ông đều là những

cảnh tả bản, ký-ức. Vì thế, nhiều lúc chỉ đơn sơ vài nét phác họa, không màu sắc, nhưng lại có vẻ đẹp như những tranh thủy-mặc của Tàu :

Ven ghềnh một nhúm hắt hiu,  
Tiếng ngư trong núi, bóng tiều ngoài khơi.

hay :

Ngó lên trên khúc sông quanh,  
Thấy bên vực thâm có manh cỏ bằng.

(Dương Tử, Hà-Mậu)

Mắt thị-giác là mắt mắt rất nhiều, nhất là đối với một tác-giả. Cho nên ta không khỏi ngậm-ngùi xót xa, khi nghe ông than thở :

Xưa nay trong cuộc gian nan,  
Vật đều có chủ, ai toan chia giành ?  
Kìa kìa gió mát trắng thanh,  
Tai nghe mắt thấy, mới đành của ta !

Về văn tả tình, cái tạt lòa và điếc không làm ông thiệt thòi như tả cảnh, nên ông đã viết được nhiều đoạn rất truyền cảm, như đoạn Nguyệt-Nga tưởng nhớ Văn-Tiên :

Tây lầu trống điếm sang ba,  
Nguyệt-Nga còn hãy xót xa phận mình.  
Dời chân ra chốn hoa-đình,  
Nhìn trăng mà lại chạnh tình cố-nhân.  
Than rằng : « Lưu thủy cao san,  
Ngày nào nghe đặng tiếng đàn tri-âm ?

Chữ tình càng tưởng càng thâm,  
Muôn p' a khó lột, muốn dầm khôn phai.  
Voi voi đất rộng trời dài,  
Hỡi ai nữ đề cho ai đeo phiến !

hay đoạn nàng trâm mình thủ tiết :

Nguyệt Nga dạ xót như bào,  
Đêm chong đèn hạnh, dầu hao than dài.  
Thất tình trâm lược biếng cài,  
Bên màn buồng xõa tóc dài ngồi lo...  
Trời khuya lộng-lê như tờ,  
Chạnh niềm nghi nỗi tóc tơ chẳng tròn.  
Than rằng : « Nọ nước kia non,  
Cánh nhìn như cũ, người còn đi đâu ? »  
Quôn hầu say ngủ đã lâu,  
Lén ra mở bức rèm châu một mình.  
Thề rằng : « Có bóng trắng thanh,  
Trăm năm xin gởi chút tình lại đây.  
Văn-Tiên chàng hỡi có hay ?  
Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng ».   
Than rồi, gởi tượng vai mang,  
Nhắm chừng nước chảy vội vàng nhảy ngay.

Cũng trong đoạn này, có câu tả cảnh mà tả tình, đẹp một vẻ đẹp giản-dị mà duyên dáng, phảng-phất như ca-đạo :

Đêm nay chẳng biết đêm nào,  
Vàng trắng mây vẫn, bóng sao sương mờ.

Trên kia, chúng tôi đã ví cái thi-chất trong thơ văn như lớp sơn nghệ thuật phết lên cảnh, phủ lên tình làm cho cảnh tình linh-động có hồn, đưa vào văn lý-luận thì lý-luận hết khô khan mà trở nên sôi nổi, nồng nàn, hấp dẫn.

Dưới đây, xin chứng minh bằng một đoạn luận bàn về sự thương ghét ở đời qua lời ông chủ quán hay chữ :

Tiên rằng : « Trong đục chưa trong,  
Chẳng hay thương ghét, ghét thương lẽ nào ? »  
Quán rằng : « Ghét việc tầm phào,  
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới tâm.  
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,  
Đề dân đến nỗi sa hầm sây hang.  
Ghét đời U, Lệ đa đoan,  
Khiến dân lương chịu làm than muôn phần.  
Ghét đời Ngũ Bá phận vẩn,  
Loạn thần đa tiếm, nhân dân nhọc nhằn.  
Ghét đời Thúc-qui phân băng,  
Sớm hòa tối đánh lằng-quàng rối dân.  
Thương là thương đức Thánh-nhân,  
Bị vi Tống Vệ, Khuông Trần tuyệt lương.  
Thương thầy Nhan-tử dở dang,  
Ba mươi một tuổi đứt dằng công-danh.

Thương ông Gia-Cát tài lành,  
Gặp cơn Hán mạt chịu đành tam phần.  
Thương thầy Đông-tử tinh thần,  
Tài cao chí cả, tiếc phần không ngôi.  
Thương người Nguyên-Lượng ngài ngài,  
Đã hay giúp nước lại lui về cây.  
Thương ông Hàn-Dũ chẳng may,  
Sớm dăng lời biền, tối đày đi xa.  
Thương thầy Liêm, Lạc mới ra,  
Gặp đời loạn phải về nhà dạy dân.  
Xem qua kinh-sử mấy lần,  
Nửa thương nửa ghét, tâm-thần vẫn vương ! »

Lục Vân-Tiên

Ngoài ra, ta còn lượm được đó đây những lời mới ý lạ, long-lanh như những tia ngọc sáng :

Việc người chẳng khác việc trăng trên trời.  
Tuy là soi khắp mọi nơi,  
Khi mờ, khi tỏ, khi voi, khi đầy.

Hoặc tả lúc Hồn-Minh và Vân-Tiên gặp lại nhau khi cùng trải qua cơn hoạn nạn :

Minh nghe Tiên nói động tình,  
Hai hàng châu lụy như bình nước nghiêng.

Ví sự đời việc người như trăng khi voi khi đầy khi mờ khi tỏ kẻ đờ

khá tân kỳ. Không nói lệ rơi lá-chả hay nước mắt như mưa, như người ta thường nói, mà viết lệ đổ « như bình nước nghiêng » thì thật là một sáng tạo độc đáo.

Trên đây là những cảnh, những tình, những tư-tưởng đạo-lý trong văn lục bát. Giờ ta hãy xem những cảnh, những tình cùng tinh thần yêu nước của ông trong thơ Đường-luật và những bài văn-tế.

Đây là một cảnh « Chạy giặc », rất linh động :

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,*

*Một bàn cờ thế phút sa tay.*

*Bỏ nhà lũ chó lẳng xăng chạy,*

*Mất dè bầy chim dáo dác bay.*

*Bến-Nghé của tiền tan bọt nước,*

*Đông-Nai tranh ngôi nhuộm màu mây...*

Với hai câu đề, tác-giả đã khéo nói lên được nơi chốn, thời gian cùng sự đột ngột của cuộc tấn công của giặc Pháp. Chữ « phút » tả được sự bất ngờ nhanh chóng đến không kịp đề phòng !

Chiến tranh khai diễn khác hẳn lẽ lối xưa, vì có những khí giới tân kỳ : tàu đồng, súng trận. Tiếng súng nổ vang rền không những làm kinh hồn dân chúng mà còn làm bạt vía cả muôn chim.

Không nói đến người, chỉ tả « lũ chó bầy chim » mà người đọc như thấy rõ cả cảnh dân chúng chạy giặc tản cư hỗn-độn cuống quít. Ý tại ngôn ngoại, thật khéo ! Những chữ « lẳng-xăng », « dáo-dác » tả rõ được vẻ sợ hãi cuống cuồng.

Hai câu luận vẽ rõ cảnh điêu tàn của đất nước bị chiến-tranh tàn phá. Tiền của tan như bọt nước ; nhà tranh nhà ngói đều cháy rụi khói bốc như

mây mù. Thật là « phong trần đến cả sơn khê, tang thương đến cả hoa Liả cỏ này » !

Và rồi từ đấy khói lửa ngày một lan tràn, dân chúng điêu linh phiêu bạt, khiến nhà thơ của chúng ta bao xiết ngậm ngùi :

« Đoái sông Cồn-Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu dâng ; nhìn chợ Trường-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ... »

*Đau đớn bấy, mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo-lét trong lều ;*  
*não nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế vụt-vò trước ngõ... »*

Ông điếu Phan-thanh-Giản, điếu Phan-thanh-Tông, tế Trương-công-Định bằng những lời thật chân thành và cảm động :

*Ba triều công cán đôi hàng số,*

*Sáu tinh cương thường một gánh trâu.*

*Trạm Bắc ngày chiều tin điệp vắng,*

*Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.*

(Điếu Phan-thanh-Giản)

*Cơm áo đèn rời ơn đất nước,*

*Râu mày giữ vẹn phận tôi con.*

*Tinh-thần hai chữ phau sương tuyết,*

*Khí-phách ngàn thu rở núi non.*

*Ngậm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,*

*Lòng đây tưởng đó mất như còn.*

(Điếu Phan-thanh-Tông)

« Tướng-quân còn đó, các nơi đạo tặc thầy kiêng dè ; tướng-quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa binh thêm bãi xái... »

Ôi ! Trời Bến-Nghé mây mưa xài-xụt, thương anh hùng gặp lúc gian truân ; đất Gò-Công cây cỏ ủ-ê, cảm thần-tử hết lòng trung ái... »

(Văn-tế Trương-Định)

Nhưng người mà Ông dành trọn vẹn cảm-tình chính là đám nghĩa-quân vô danh, những người trai hiên ngang lia bỏ gia-đình xung vào quân-đội, không vì tư lợi mà vì nghĩa công, chẳng nề võ khí thô sơ, không sợ tàu đồng súng trận, nên ông hết lời đề cao họ :

« Chưa quen cung ngựa, đua tới trường nhung ; chỉ biết ruộng sâu, ở theo làng họ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy tay vốn quen làm ; tập khiên, tập mác, tập đao, tập cờ mắt chưa từng ngó.

Đêm thấy bóng bông che trắng lớp, những muốn ăn gan ; ngày xem ông khói chạy đen xì, toan ra cần cõ.

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình ; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Vốn chẳng phải quân cơ quân vệ theo dòng ở lính diễn binh ; chẳng qua là dân ấp dân làng mến nghĩa làm quân chiêu mộ.

Mười tám ban võ-nghệ nào đợi tập rèn ; chín chục trận binh thư không chờ bài bố.

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu bầu ngòi ; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ.

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia ;  
gươm đeo dùng một lưỡi dao phay, cũng chém đứt đầu quan hai nọ.  
Kẻ đâm ngang người chém dọc, làm cho mã-tà ma-ni hồn kinh ;  
bọn hò trước lũ ó sau, trời kệ tâu thiếc tâu đồng sáng nd... »

(Văn-tế vong hồn mộ nghĩa)

Thật là bức chân-dung đầy đủ và linh-động cả về hình-thức lẫn tinh-thần của những cứu quốc quân du-kích anh-dũng và yêu nước.

Càng cảm mến người dân quân đầy tinh-thần hi sinh vì nước, ông càng khinh ghét lũ người hèn nhát khom lưng cúi đầu theo giặc :

« Sống làm chi theo quân tà đạo, quẳng vùa hương xô bàn độc, thấy lại thêm buồn ; sống làm chi ở lính mã-tà, chia rượu lạt gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.

Thà thác mà được câu địch khái, về theo tđ-phụ cũng vinh ; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man-di rất khổ ».

Cái thi chất ở đây là sự chân thành cộng với một bầu nhiệt huyết cuộn cuộn tuôn ra lời văn như sấm ran như thác đổ nên đã gây được hào-khí bừng bừng và có sức truyền cảm mãnh liệt.

Tóm lại, Nguyễn-Đình-Chiều thật là một thi-sĩ. Mặc dầu văn ông là thứ « văn dĩ tải đạo » ít chú trọng làm văn chương, mà chỉ cốt nói lên tiếng lòng chân thành của ông trước tình-trạng đau thương của đất nước, hoặc truyền bá đạo-lý của thánh hiền mà ông cho là hay là đẹp, hoặc phổ biến y-thuyết mong giúp ích cho đời.

Nhưng không vì thế mà ta không bắt gặp đó đây cái chất thơ phóng-phất trong những câu tả cảnh, những đoạn tả tình và cả trong những đoạn luận

bền về đạo lý. Cái hồn thơ bàng bạc sau tác-phẩm của ông đôi khi đã giúp cho tứ vấn, ông thêm hùng, hơi văn ông thêm mạnh, xứng đáng là thứ văn tranh đấu "bút kích" quân thù.

Sở dĩ cái chất thơ ít bộc lộ trong thi-phẩm của ông là vì ông không làm thơ cho ông, mà làm thơ cho đời. Hay, nói cách khác, ông không làm thơ để... làm thơ, mà ông làm thơ để nói lên một điều gì cần nói.

Vì ông là một nhà thơ có nhiều tâm-sự : Tâm-sự một người con hiếu, một người tôi trung, một đệ tử trung thành của Nho-giáo luôn luôn khắc kỷ lo giữ mình cho trong sạch, tôn trọng đạo lý cương thường, một người có tài đức mà gặp lắm gian truân, một người nhiệt thành yêu nước thương nòi mà hận không thể vẫy vung ngang dọc nhưng vẫn luôn luôn cố sống ra người hữu ích, nên dù ở trong nghịch cảnh đau buồn :

*Ôi thời ! con mắt đã mang lấy sầu,*

*Mịt-mù nào thấy chi đâu !*

mà vẫn lo :

*Đốc lòng trả nợ áo cơm,*

*Sống vang tiết nghĩa, thác thơm danh hiền.*

★

Nhân thuyết trình về Nguyễn-đình-Chiêu tiên-sinh, tôi cảm hứng có làm một bài thơ vịnh *Người*, xin đọc hầu quý vị nghe, đồng thời cũng đề kết thúc bài nói chuyện :

### VỊNH NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU

(qua tác phẩm Lục Vân-Tiên)

*Gái phải trinh mà trai phải trung, (1)*

*Vân-Tiên họ Lục chỉ tang bằng.*

*Nêu cao chữ hiếu lừa con mắt, (2)*

*Giữ trọn niềm ngay vẹn dải đồng.*

*Mượn bút cười ghi trò thế sự ;*

*Đem văn buồn giải hận non sông.*

*Gửi vào miệng quán lời thương ghét,*

*Lưu lại ngàn sau một tác lòng (4).*

### BÀNG BÁ-LÂN

(1) Mở đầu truyện Lục Vân-Tiên đã có câu đề cao trung hiếu tiết nghĩa rất được truyền tụng :

« Trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh là câu trau mình ».

(2) Lục Vân-Tiên đi thi, được tin mẹ mất, vội bỏ về chịu tang, dọc đường buồn thương khóc lóc nhiều thành đau mắt nặng rồi bị mù.

(3) Trong truyện Lục Vân-Tiên có ông chủ quán hay chữ, bàn luận kinh sử với khách trọ là bọn sĩ-tử và Lục Vân-Tiên, ông ta luận về việc đời đáng thương cũng như đáng ghét, đại loại có những câu :

« Quán rằng : Ghét việc tầm phào,

Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới tâm...

.. Xem qua kinh sử mấy lần,

Nửa thương, nửa ghét, tâm thần vẫn vương lo.

(4) "Ta hồ, văn chương chỉ sự thối tâm thiên cổ" (Cổ văn).

Nhân buổi nói chuyện này, các nghệ sĩ Bích-Thuận, Hồ-Điệp,



NỮ NGHỆ-SĨ HỒ-ĐIỆP NGÂM THƠ

Hoàng-Long với phần đệm nhạc do các nhạc sĩ Bửu-Lộc, Nguyễn-Đình-Kiều, Ngô-Nhật-Thanh, Cín Trích đảm trách đã ngâm nhiều bài thơ do các văn, thi-hữu của Thi sĩ Bàng-Bì-Lân có lòng yêu mến gửi đến :

VỊNH NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

*Khóc Mẹ đến lòa đôi mắt,  
Hiếu tâm kia nghĩ thật đáng thương !  
Ngàn thu Hồng-Lạc văn-chương,  
Lục Vân-Tiên vẫn chỉ đường hiếu trung*

Nguyễn-Đình-Chiều oai hùng đau khổ :

*Một nho-gia phong-độ cao siêu.*

*« Truyện Kiều Nam-bộ » (1) đời yêu,*

*Ngư Tiều Văn Đáp cũng nhiều lời khen.*

*Việt-Nam Cộng-Hòa, tem loại mới,*

*Hình ảnh ghi, còn mãi lưu danh.*

*Mặc dầu trong cảnh táng minh,*

*Vẫn đem hào-khí luyện thanh-niên nhà.*

*Yêu Nước, quyết chẳng hòa cùng Pháp ;*

*Máu miền Nam bị đất khôn khuấy.*

*Lòng quân-tử chẳng đổi thay,*

*Muốn con em Việt mai ngày hiên ngang.*

*Sao cho thật vẻ-vang đất nước ;*

*Trai hiếu trung chức tước huy-hoàng.*

*Gái thì tiết liệt đoan trang,*

*Như Vân-Tiên sánh với nàng Nguyệt Nga.*

*Ngày kỷ niệm lòng ta cảm nhớ,*

*Một danh-nho rục-rở miền Nam.*

*Tác-phong dễ mến dễ thương,*

*Lưu danh thiên cổ văn-chương với đời !*

(Đà-lạt, ngày 28-6-71)

TƯƠNG PHỐ

(1) Người miền Nam xưa vẫn coi Lục Vân-Tiên là « Truyện Kiều của Nam-bộ ». (1P)



## LÒNG ĐÂY TƯỜNG ĐÓ

(Nhân ngày kỷ-niệm thi-sĩ Nguyễn-đình-Chiều)

Gió cuồng loạn nghe cành run rẩy,  
 Chạnh tắc riêng chim Việt ngựa Hồ.  
 Ngang Hoành-Sơn mây chiều mở giấy  
 Mực sẵn đêm dài Nam Bắc hai đò.  
 Bến hỡi Bến-Tre địa linh nhân kiệt !  
 Bao gốc vững ngọn xanh hây vùng lên cây viết  
 Mà chép ra từ cặp mắt giếng khô  
 Những dòng chữ rục hào quang khi tiết  
 Cửa một Ông Đồ !

Những dòng chữ từng xé tan trường dạ  
 Vây quanh thân thể bậc cao-hiền,  
 Người thơ, tác giả  
 Lục-Vân-Tiên.

Cũng vây quanh bốn trời Gia-Định.  
 Rồi ba tỉnh, sáu tỉnh  
 Loang dần bóng tối triều miên.

Ông Đồ-Chiều — bậc cao hiền ấy —  
 Đã đứng đây,  
 Khơi sâu tâm huyết tạo thành văn.  
 Mỗi chữ một tiếng thét,  
 Mỗi câu một lời răn.

Như sấm như sét  
 Từng đoạn từng vần.  
 Điều trung-liệt  
 Tế sĩ-dân,  
 Khoan thai mà thống thiết  
 Dư sức nặng ngàn cân.  
 Nổi dòng than phượng khóc lân,  
 Thương là thương lúc qua phân cõi này.  
 Càng thêm ghét đắng ghét cay,  
 Sớm hòa tối đánh một bầy đa đoan.  
 Mài trác Quân-tử,  
 Gọi thép Long-toàn.  
 Bèo mây nửa giấc mê man,  
 Hỡi thanh sáu ngà đang tràn nước non.  
 Lòng đây tường đó — sắt son —  
 Thì quê ta mất như còn... ai ơi !

Như còn, tứ phải còn, không thề mất !  
 Thời gian sớm muộn thời mà.  
 Ôi Chân-lý bất di của Giống-nòi bất khuất,  
 Ông Đồ-Chiều đã nói lên bằng lời thơ đẹp nhất !  
 Dầu trăm năm lẻ trôi xa  
 Vẫn còn có mặt  
 Trong lòng chúng ta.  
 « Thà đui mà giữ đạo nhà »  
 Sáu chữ ấy rền vang hồn sáu tỉnh,

Còn nhắc lễ tòn vong suy thịnh  
Giờ đây khắp nẻo sơn hà.  
Một phen Người giáng bút, Thơ muôn đời thặng hoa.  
Ôi Người Thơ, bậc cao hiền phép tắc,  
Rạch đôi chiếu không ngồi chung với giặc !  
Cây viết này, ai dám bảo mềm ư ?

#### Dấu xe Hành Đạo

Gian nguy không từ.

Ông Đờ rừ áo

Hương còn ngát đơm mê trần loạn thảo

Đêm dài tám chục năm dư.

Và giữa cơn giông bão

Tinh anh còn đọng ngọc Thi Thơ,

Còn treo gương Lễ giáo

Thăng tấp con đường Vạn-Thế-Sư...

Trái mấy đầu trời diên đảo

Trường đi-lỗi mắt nắng mưa lo lao

Ngoài Hiếu-trung Tiết-hạnh, ngóng đầu chừ !

Hỏi ai cố quốc bình cư

Khói hương một budi trầm tư những gì ?

(Sài-đô, tháng 7 dl. 1971)

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

#### VINH NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU

Lục tinh miền Nam một si-phu,  
Nguyễn-Công Mạnh Trạch xứng vai trò.  
Sôi đường giáo hóa, cây đèn sáng,  
Khóc đấng sinh thành, suối lệ khô.  
Đại cuộc xoay ngang chiều nước Việt,  
Tiều khoa giữ vững tiết nhà Nho.  
Ông Nghè, ông Cống theo trào mới,  
Danh vọng hơn chăng một cụ Đờ ?

(Sài-thành, ngày 22-6-1971)

ĐÔNG-XUYỀN

#### TẬP LỤC-VĂN-TIÊN

Lời chiến sĩ gọi vị hôn thê

- 23           Làm trai trong cõi người ta,  
42           Hội này chẳng gặp còn chờ hội nao ?  
5            Trai thời trung hiếu làm đầu,  
82           Mang đai Tử-Lộ, quấy bầu Nhan-Uyên.  
251          Vái trời cho dựng vương trôn,  
356          Muốn lo việc nước hãy toan việc nhà.  
475          Hồi thời ta phải nói ra,  
358          Đại khoa đầu dựng, tiều khoa lo gì !  
537          Công danh phú quý mang chi ?  
580          Sao đời vật đổi còn gì mà trông ?  
137          Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,  
244          Trăm năm cho vẹn chữ đồng mới an.

NGUYỄN-VĂN-HẢO

## TẬP LỤC-VĂN-TIÊN

tả thân thế Cụ Nguyễn-Đình-Chiều  
(tác giả Truyện Lục-Văn-Tiên)

|                  |                                       |
|------------------|---------------------------------------|
| Giòng chữ số 313 | Bầy lâu đèn sách ra công              |
| 622              | Nghĩ đời con lại nỡ nung đời con      |
| 647              | Trộn đời một tấm lòng son             |
| 76               | Trăm năm dốc chữ keo sơn mọi lời      |
| 593              | Éo le ai khéo đặt bày                 |
| 920              | Đau chi nên nổi nước này khá thương   |
| 933              | Trong khăn lụy nhỏ chứa chan          |
| 642              | Ói thời con mắt đã mang lấy sầu       |
| 81               | Quản bao thân trẻ dãi dầu             |
| 882              | Còn ai nâng đỡ trước sau cho mình     |
| 1213             | Trời sao nữ phụ tài lành              |
| 12               | Tháng ngày bao quản sân Trìn lao đao  |
| 643              | Mặt mù nào thấy chi đâu               |
| 702              | Thêm đau trong dạ như bào như xoi     |
| 1129             | Lênh đênh gió dập sóng đời            |
| 1142             | Lánh nơi danh lợi chông gai cực lòng  |
| 29               | Sau dầu tỏ nổi đục trong              |
| 464              | Gẫm nghi Tiên, Trục, viết tòng cổ-thi |
| 537              | Công danh phú quý màng chi            |
| 580              | Sao đời vật đổi còn gì mà trông       |
| 621              | Trông chừng dặm cũ thẳng xông         |
| 1076             | Nhờ ba hườn thuốc đỡ lòng hôm mai     |

|      |                                      |
|------|--------------------------------------|
| 1141 | Tấm lòng chẳng muốn của ai           |
| 1168 | Mai danh ăn tích bấy chầy nấu nướng  |
| 241  | Hữu tình hai chữ uyên ương           |
| 458  | Đãi người văn-vật đãi trang anh-hùng |
| 539  | Rừng Nhu hiền Thánh mênh mông        |
| 824  | E khi mưa nắng ai cùng đỡ che        |
| 847  | Trường thi một lũ vừa về             |
| 870  | Muốn cho đừng việc quản gì lao đao   |
| 999  | Đã ba thứ tóc trên đầu               |
| 1458 | Muốn lo việc nước, phải âu đạo nhà   |
| 1603 | Cử trong sách vở nói ra              |
| 1766 | Thảo cha, ngay Chúa, mới là tài-danh |
| 71   | Sau dầu dựng chữ hiền vinh           |
| 284  | Họa ra một bức tượng hình Văn-Tiên   |
| 381  | Thiệt trang lương-đồng đã đành       |
| 1192 | Mượn mà Khương-Tử cũng vinh một đời. |

(ngày 12-07-1971)

TAM-LANG Vũ-Đình-Chi

## CAU-ĐÒI

(nhân Lễ kỷ niệm cụ Nguyễn-đình-Chiều)

Trước đèn xem truyện Tây-Minh, trai thì trung hiếu làm đầu, gái  
cổ trau mình gìn tiết hạnh.

Dưới ách gặp thời Pháp-thuộc, nước đã hận thù ra mặt, dân thờ  
đồ máu chống xâm lăng.

(19-7-71)

TẾ-NHỊ

Đề kết thúc buổi lễ, Ban Bích - Thuận trình diễn vở Kịch thơ  
«Lục-Văn-Tiên».



MỘNG-TUYẾT  
THẤT TIÊU MUỘI

nhân dịp theo phái đoàn  
phù Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa

du khảo vùng ba-tri  
thăm mộ cụ đồ-chiều

Tạp ghi của Mộng-Tuyết thất tiêu muội  
Thân quý tặng chị Mai Huỳnh Hoa

Tôi có việc phải về Hà-tiên. Tôi cố giải quyết cho xong để về kịp ngày 11-7-1971 tháp tùng phái-đoàn du khảo do Phù Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa tổ chức đi thăm mộ cụ Nguyễn-Đình-Chiều nhân dịp kỷ-niệm 150 năm dân-sanh của bậc nho-gia chí-sĩ của miền Nam nước Việt này.

Đất Hà-Tiên, quê hương bé nhỏ của tôi, sanh trường ở đó, trong một hoàn cảnh địa linh cảm tú, ngược mắt trông ra là non, là nước, là hang, là động, bước một bước là vấp phải di tích lịch sử. Bờ thành cổ, vách đá xưa, đền thờ, lăng tẩm đều thu gọn trên một dãy núi Bình-san ở sát ngay thành phố. Đúng là một cảnh non bộ vừa tầm mắt nhìn mà cũng vừa cho bước nhàn du thường lãm.

Do đó mà từ bé, tôi chưa thấy khao khát tắc lòng hoài cổ, thiết tha ý ngao du xa lạ nào khác bao giờ.

Lớn lên tôi mới biết ước mơ những cảnh sông sâu nước chảy, đồng ruộng phi nhiều cỏ bay thẳng cánh của vùng châu thổ Cửu-long-giang.

Anh Đông-Hồ đã cho tôi cái hy vọng là ngày thanh bình nào đó, chúng tôi sẽ lang thang một vòng Lục tỉnh để anh thăm lại dấu chân, vết mực cũ và đề cho tôi thưởng thức cảnh :

« Gió đồng gợn mặt biển xanh

Sóng xao tóc lúa vẫy quanh xóm làng »

và cũng đề bồi hồi với cảnh :

« Sông chiều ấy bên bồi bên lở »

mà cùng « bâng khuâng trước dòng nước ngã ba sông »

và nhất là thăm những di tích lịch sử. Nào cù lao ông Chương, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, nào bia đá Thoại-Ngọc-Hầu, Sóng thần ở trước miếu Mai Bá Hương.

Tôi đã dốt địa dư mà cũng dốt luôn lịch sử, cho dầu là địa dư của miền sông nước trong quê hương, cho dầu là lịch sử của các bậc tiền nhân đã gắn liền với đất nước.

Anh Đông Hồ thì, trên bước đường du lãm đến một nơi nào, anh cũng giảng giải rành mạch phương hướng, địa thế, lịch sử đất nước, sự nghiệp tiền nhân. Có lẽ sống bên anh tôi quen ý lại, anh là một « quyền tự điển hoạt bát » có điều ngờ, có điều không rõ, hỏi đến, tức thì dễ dàng linh hội, không cần phải tra cứu sách vở lời thôi. Trí óc tôi đã quen lười tìm tòi, lười ghi nhớ. Bây giờ không còn anh bên cạnh tôi thấy chối với. Tự mình phải tìm tòi, tự mình phải ghi nhớ, tự mình phải xõng pha..

★

Tôi nào-nức tham-dự phái đoàn du khảo cũng vì lẽ thời bây giờ khó mà

đi đến nhưng có đi chỉ xa xôi trong làng, trong quận riêng rẽ được. Mà có đi được nữa thì có còn ai làm đồng-đạo-chủ cho bây giờ.

Trong phái đoàn ngoài ông Quốc-Vụ-Khanh, ông Đồng-lý Văn-phòng và nhân viên trong Phủ ra thì tôi được gặp đồng đủ mọi giới học giả, nhà thơ, nhà văn, bọn nhà báo, phóng viên, nghệ sĩ, nhiếp ảnh, quay phim.....

Người mà tôi gặp trước tiên bên thềm nhà Văn hóa là ông Tam Lang tuổi đã thất tuần mà cũng còn hăng hái tham gia.

Vậy trong thành phần hùng hậu gồm những người trẻ đôi mươi cho đến người già trên thất tuần đó đã đi du khảo bằng cách nào.

\*

Có lẽ vì thấy ba chúng tôi «chân yếu tay mềm» cho nên được sắp cho ngồi riêng một chiếc xe nhỏ của ông Công-cán Ủy-viên.

Trên đường dài từ Saigon xuống Mỹ-Tho, chị Ái-Lan, cô Bích-Thuận và Mộng-Tuyệt kể chuyện khảo, bắt có Bích-Thuận kể lại đời nghệ-sĩ của cô từ thuở theo gánh Tố-Như từ Bắc vào Nam cách đây đã trên 35 năm.

Chị Ái-Lan thì đã quá lục tuần, Mộng-Tuyệt cũng gần sáu chục, có Bích-Thuận thì khoe rằng «trên vai bất hoặc dưới tuần tri thiên» cùng là đồng bệnh ngại gió e sương.

Tôi với tay quay cửa kiếng cho khít lại, cô Bích đã rời rít :

— Cám ơn chị, cám ơn chị nhiều lắm, em đang sợ gió đây.

Tôi nói đùa :

— Lữ-Bố với Địch-Thanh sao mà yêu điệu thế ! — Vâng Lữ-Bố chỉ hèn ngang trên sân khấu dưới ánh đèn thoi. Chứ bây giờ em ngại xóng pha lắm rồi !

Xe sắp qua cầu Bến-Lức, một tiếng nổ của người binh sĩ canh cầu bắn bằng. Cô Bích ôm chầm lấy tôi và chửi thẹn : — Ấy Lữ-Bố cũng sợ tiếng nổ lắm chị ơi !

Trước tôi cũng nhất nghe tiếng súng lắm. Nhưng bận về Hà-Tiên vừa mới đây, trên kinh Rạch-giá Hà-tiên, đồ máy đang chạy bằng băng ngon trơn, chợt một tiếng nổ kinh hồn tiếp theo là một giây đạn liên tiếp. Đang trên võng tôi tuột ngay xuống sàn dò. Tôi thấy những ông binh sĩ ngồi trước mũi hoặc trên mũi, sau lái hay ngay cửa bước vào khoang dò hẹp, nấp từng gặp đạn bắn bằng lên không. Vô đạn bay tua tủa vào người tài công ngồi bên tay lái. Hành khách im thít nhìn nhau. Có lẽ mặt tôi xanh hơn hết, một khách đồng hành trấn an : Không sao đâu, tới chợ rồi mà. Những người nhà binh quá giang từng đoạn đường họ hay bắn chơi như vậy.

Bạn về tôi phải uống thuốc trợ tim để cho đỡ hồi hộp.

Xin lỗi tôi đã đem cái nỗi lo sợ hôm trước mà kể lẽ dài dòng ở đây.

\*

Đoàn xe qua 1 ắc Rạch miễu, rồi vẫy đoàn với xe của tỉnh Kiến-Đôa do ông Đại-tá Tỉnh ( ường hướng dẫn đi thẳng quận Ba-Trì.

Dừa xanh mát mắt, tay vẫy đong đưa làm cho người nhìn thoải mái. Tôi nhớ đến Văn-Muội người An-hội, ngày 1 hồ đã khoe với tôi rằng nhờ gội đầu và tắm nước dừa mà da trắng, tóc vàng, khoe là con gái Bến-tre toàn gội đầu bằng nước dừa cho nên mượt tóc.

Trên con lộ nhỏ không được sửa sang mấy, đưa đến bờ sông «Chẹt Sậy». Tất cả xe nhỏ đều bỏ lại, qua phà để sang đoàn xe khác. Một dãy xe díp và Va-gông đậu dài dài, hứa hẹn đoạn đường sắp tới sẽ nhiều đoạn gồ ghề lắm đây. Bộ ba chúng tôi bị xé lẻ, mạnh ai nấy tìm xe mà trèo. Tôi lên

được chiếc Va-gông với cặp Ai-Lan, cô Bích-Thuận thì trèo lên một chiếc xe díp.

Đoàn xe qua làng, qua chợ nhỏ, hai bên đường đồng ruộng chạy dài thình thoảng mới gặp một thôn ấp. Đường vắng ít gặp xe qua lại, mà hai bên đồng cũng ít thấy người làm ruộng, có lẽ vì chưa tới mùa.

Xe đi qua chợ Giồng-Trôm, gọi cho tôi một nhớ nhưng xưa cũ. Một bạn nào đó anh Đông-Hồ đi chơi về với món quà thổ sản kèm theo câu: *Bánh tráng Mỹ-Lồng, bánh phồng Sơn-Độc* thì chợ Mỹ-lồng cũng vừa mới thoảng qua.

Đến quận Ba-Tri, đoàn xe chạy luôn đến trường Trung học quận, địa điểm tiếp xúc của Phủ Quốc-Vụ-Khanh với thân hào nhân-sĩ sở tại.

Trước hết là vị Đại-Tá Tỉnh-trưởng tỉnh Kiến-Hòa đọc lời chào mừng ông Quốc-Vụ-Khanh và Phát-đoàn du-khảo.

Kế đến là 2 chị em Bà Nguyễn-thoại-Long 68 tuổi, bà Nguyễn-kim-Phụng 65 tuổi, cháu nội của cụ Đồ. Bà Nguyễn-kim-Phụng thay lời gia-tộc mà cảm ơn Phủ Văn-Hóa đã làm lễ tưởng niệm nội tổ của Bà. Lời lẽ bình-dị chân-thành, bà kể sơ tiểu-sử và sự nghiệp văn-chương của cụ Đồ và đọc một bài trong Ngũ-luân tuyệt-cứ:

*Vua phải vua, tôi phải đạo tôi  
Sửa sang giếng mỗi mới nên ngôi  
Minh lương hai chữ vầy trên dưỡi  
Nước trị nhà an bốn biển vui.*

Bà đọc với giọng tự nhiên, tin tưởng và hãnh diện vì sự nghiệp của ông cha.

Rồi đến ông Đại-diện Ủy-ban trùng tu mộ cụ Đồ. Ông đưa trình dự-án xây cất đền thờ, sửa sang phần mộ và xin được trợ cấp một ngân-khoản.

Ông Quốc-Vụ-Khanh đáp từ bằng lời lẽ ôn hòa cố hữu. Ông tự nhận là người của cũ-lao Bảo-hạt Bến-tre này. Giữ trọng trách Văn-hóa ông có bồn phận với tiền nhân, nhất là bậc tiền nhân như cụ Trọng-Phủ đây từng nêu cao khí-tiết, tinh thần ái-quốc, giữ vững tiết-thảo của kẻ sĩ trong buổi giao-thời của lịch-sử nước nhà.

Ông lại cho biết Phủ Đặc-Trách Văn-Hóa sẽ chú ý dự thảo một đạo luật bỏ tước thòi Pháp-thuộc về việc giữ gìn di-tích lịch-sử gồm các ngôi mồ của các bậc danh-nhân, chí-sĩ mà trước đây không được chú ý.

Tôi chỉ nhớ qua loa như vậy, trong khi đó tôi thấy cô Mai Hương, phóng viên Việt Tấn Xã ghi ghi trên quyền sở tay. Ông Mã Công Triết, ký giả báo Viễn đông cũng lược chép, anh Phan-Kim-Thịnh chủ bút tạp chí Văn học thì làm le ống thu thanh của chiếc cassette đang nằm trong cái dây to, mà thoát tiên tôi không hiểu anh mang hành lý chi mà nặng thế.

Xong nghi thức đón tiếp rồi thì phần chính yếu bắt đầu. Cuộc lên xe lại rầm rộ để đến chiêm bái phần mộ tác-giả Lục-Vân-Tiên.

Tôi may mắn bước lên xe có sẵn một vị lão thành. Được biết bậc kỳ-lão này là vị sư phó của ông Đồng-ly. Cụ đã gần tám mươi mà bề vế hiền ngang, lại có nét vui vẻ hiền hòa. Cụ vốn người vùng này cho nên rất am-tường cảnh vật.

Đường quanh co qua làng, qua xóm, qua bờ ruộng rồi mới quẹo vào công đưa đến phần mộ.

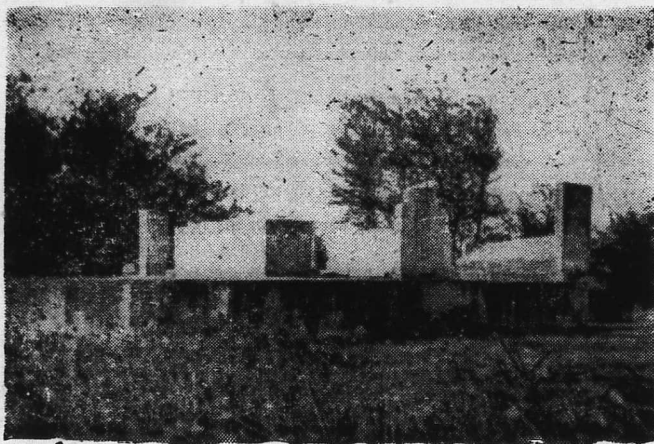
Trên một thửa đất bằng, một nền gạch vuông vức cao độ tám tấc. Hai ngôi mộ hình vuông dài nằm song song cách khoảng. Giữa hai ngôi mộ là mộ bia cao độ hơn thước rưỡi. Trước đó có bực đá làm bàn, có lư hương, bình hoa. Trong khi phái đoàn niệm hương chiêm bái, thì chúng tôi tản mác đi ý quan-sát chung quanh.

Phần mộ này được trùng tu vào năm 1958. Mộ bia bằng xi-măng khắc

chữ: Nguyễn Đình Trọng-Phủ chi mộ, hai hàng chữ nhỏ hai bên là ghi ngày tháng. Bia chỉ ghi sơ lược vì là lập ngày trùng tu.

Hai bên mộ bia là đôi câu đối.

Trong khuôn vuông của mỗi chôn mộ có chữ Nhật 日 và chữ Nguyệt 月 tượng trưng cho Ông và Bà (cho âm và dương).



(nhìn từ trái qua mặt)

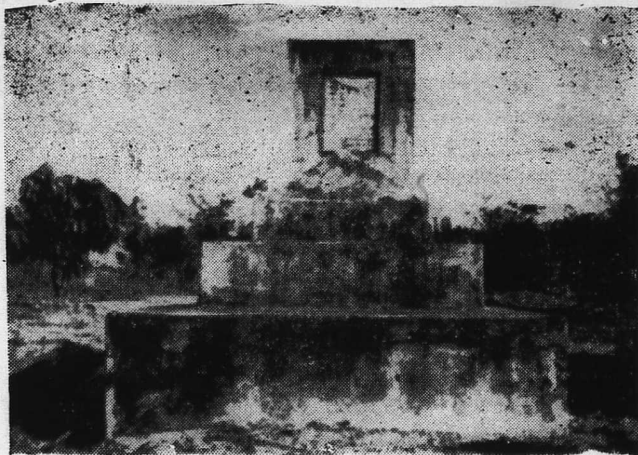
- MỘ BÀ (TƯỢNG TRUNG CHỮ NGUYỆT) VÀ ÔNG (TƯỢNG TRUNG CHỮ NHẬT) NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU
- MỘ NỮ-SÌ SƯƠNG-NGUYỆT-ÁNH

Phía sau, hậu đầu thì có hai mộ bi bằng đá dựng ngay đầu mỗi ngôi mộ. Hai mộ bi này mới là bia cũ bằng đá hoa cương, có ghi đầy đủ chi tiết của mỗi ngôi mộ. Nhưng vì đã bị một lớp sơn xanh mới phủ trùm lên (có lẽ một lượt với nước vôi mới quét trắng toát ở phần tô hồ). Nét chữ thì đỏ lại bằng sơn màu vàng. Thứ bia đá hột mè này chữ đã khó đọc lắm rồi, thêm bị phủ

lớp sơn thì khó mà đồ cho đúng nét. Chữ còn, chữ mất, chữ đúng chữ sai làm cho hai mộ bi này không nói được điều gì cho người viếng mộ được thỏa mãn.

Chúng tôi xin phép mở một dấu ngoặc ở đây. Các lăng tẩm của họ Mạc ở Hà tiên được xếp những mộ chí rất là rành rẽ. Đá thì bằng thứ đá mịn mặt, chữ thì là lối chữ chân phương sắc bén. Trái đã bảy tám thế hệ qua rồi mà bia còn rõ-ràng như mới. Căn cứ theo mộ chí của giòng họ Mạc người có công khai sáng đất Hà tiên, Giáo sư Trần-Kinh-Hòa đã lập thành một bản *Hà-tiên Mạc-thị thế hệ khảo* rất tinh-trường (ấn bản của Hoa-cương học báo ở Hong kong).

Đang đứng phía hậu đầu nhìn qua bên trái một ngôi mộ lẻ, nằm cao



MỘ NỮ SÌ SƯƠNG NGUYỆT ANH

(ảnh chụp theo đường thẳng từ vị trí đầu mộ đến cuối mộ)

trên ba cấp bậc mới được quét vôi trắng tinh. Mộ bia cao dựng phía chân mộ mà chữ đề thi cùng một hướng với hai mộ bia đá của hai ngôi mộ cụ Đờ.

Trên mộ bia ghi bằng chữ Quốc-ngữ :

*Nữ-sĩ Suông-Nguyệt-Anh (nhũ danh Nguyễn-ngọc-Khue) hưởng thọ 58 tuổi, từ trần ngày 12 tháng 11 năm Tân-đậu 1922).*

Ngoài ra còn hai câu thơ :

*Lọng sườn dầu rách còn kêu lọng,*

*Ô bít vàng ròng cũng tiếng ô.*

Thi-sĩ Bàng-bá-Lân giương sẵn máy ảnh bảo tôi :

— Mời chị ngồi lại đây tôi chụp một bức ảnh có cả chữ đề trên mộ bi đây. Kèo mười người hết tám chín ai cũng gắn thêm cái dấu sắc vào chữ Anh của vị đệ nhất nữ-sĩ miền Nam này.

(Bà suông phụ Phan-văn-Hùm tức Mai Huỳnh Hoa nữ sĩ đã cho tôi biết ngôi mộ Bà ngoại chị được di táng năm 1959 từ làng Mỹ-chánh đem qua đề nằm cạnh song thân. Khi đó phải di chuyển bằng xe bò.)



Trời đã đứng bóng.

Phái đoàn trở ra đề còn đi thăm mộ cụ Phan Thanh Giản. Trước căn lều lá bên đường, chúng tôi gặp hai bà Thoại Long và Kim Phụng, ân cần mời vào giải khát. Lúc mới vào, đi ngang qua gian nhà, tôi thấy một bình trà với vài cái chung đề sẵn trên bộ ván. Miệng đang khát mà chẳng thấy có ai, chùng trờ ra mới gặp hai bà đón mời. Thi mới biết bình trà đó là của hai bà sắp

đặt đề đãi du khách. Tôi đón chén trà nóng, vừa thổi vừa hỏi thăm. Được biết túp lều này của hai bà dựng, thuê người trông nom phần mộ và hương khói sớm hôm.

Tôi ngờ ý mời hai bà cùng đi qua mộ cụ Phan, rồi ra quận luôn, để được dịp hầu chuyện hai bà nhiều hơn. Bà từ chối bảo là còn phải về Mỹ chánh cách đây 8 cây số. Bà Nguyễn-Kim-Phụng từng đã có bài thơ đề mộ cụ Đờ :

*Văn chương gấm nhiễu biển tro tàn*

*Lâm bặc tài hoa tiếng hiền vang*

*Nhật nguyệt bóng soi mờ chỉ si*

*Ngân thu tên tuổi chạm bia vàng.*

Thê-hà Nguyễn-Kim-Phụng

Nhân dịp trùng tu năm 1958, ba chị em bà Nguyễn-Thoại-Long (thứ bảy) bà Nguyễn-Kim-Phụng (thứ tám) bà Nguyễn-ngọc-Mỹ (thứ chín). Ba bà đều là con gái cụ Nguyễn Đình Chiêm, Ông Chiêm là con trai cụ Đờ. (Mặc dầu là đến thứ bảy thứ tám nhưng những người con trước của ông Chiêm đều mất rất sớm).

Các bà đã có xướng họa chung đề tài khi cúng tạ mã.

Thơ bà Thoại Long có câu :

*...Lửa hương vắng vẻ không người nổi*

*Tin tức bật đường khó kẻ trao.*

Toàn bài của bà Thê-hà Kim-Phụng :

*Về quê mấy lượt rất lao đao*

*Đường xá bần lây chả nắng nao*

*Xe cộ cấm ngăn thôi phải chịu*



*Câu kỳ gầy đờ biết làm sao*

*Sài Gòn thăm viếng đảnh xa cách*

*Mỹ-Chánh thơ từ khó gởi trao*

*Phần mộ an bài mừng đủ nghĩa*

*Khuyến đừng dung rudi gặp cơn sầu*

Thơ bà Ngọc Mỹ có câu :

*Chua xót lòng này thêm cảm cảnh*

*Ước mong ngày khác tỏ cơn sầu*



MỘ BIA ÔNG ĐỒ CHIÊU  
(mộ được trùng tu năm 1958)

Bà bà đều hay chữ, biết làm thuốc do sách gia truyền của cụ Đồ, và cũng đều biết làm thơ. Đọc mấy câu thơ trên thấy một giọng lúc cúng tạ mà năm 1958 đó trong làng chưa được yên, đi lại còn khó khăn nguy hiểm, cho nên *Phần mộ an bài mừng đủ nghĩa*, *Khuyến đừng dung rudi gặp cơn sầu*. Hình như hai bà vì mưa gió vô chừng nên lỗi hẹn với cô cháu gái là chị Huỳnh Hoa đã mạo hiểm mà về. Và cả Bà Mỹ Ngọc cũng từ Saigon về dự lễ.

Cho nên :

*Chua xót lòng này thêm cảm cảnh*

*Ước mong ngày khác tỏ cơn sầu.*

Bà Nguyễn-Ngọc-Mỹ là em út đã mất phần, hôm trước chúng ta chỉ được gặp có hai bà chị. Và hình như cụ Đồ cũng chẳng còn có cháu trai nối dõi cho nên Bà Thoại Long mới có câu thơ cảm khái :

*Lửa hương vắng vẻ không người nối !*

Trời giữa trưa nắng gắt, đoàn xe vượt trên những đoạn đường "lộ đá đỏ, lộ đá xanh, hết lộ đất sét, đến lộ đất cát, quanh quanh co co". Nếu gặp mưa chắc là trơn trượt vất vả lắm. Cũng may trời nắng tốt. Đã có một hai xe dừng lại các quán giải khát bên đường. Xe chúng tôi chẳng dám rời đoàn chạy luôn theo. Thế mà đến nơi cũng đã trễ. Ai nấy chạy vội vào quán nước. Chủ quán mở nút chai không kịp, tôi chia với chị Ái Lan nửa ly nước cam thì lời chị đi nhanh về mặc cho anh Kiên Giang làm khổ chủ thì phải.

Chúng tôi tắt tả qua cổng ngoài để vào cửa tam quan của đền thờ và mộ cụ Phan Lương Khê cách độ 100 thước. Hai bên nào cờ, nào trống dàn chò. Tôi và chị Ái Lan vừa đến tam quan thì phỉu đoàn đã trở ra. Chị Ái Lan quay theo, Ông Quốc-Vụ-Khanh đi qua hàng rào danh dự cảm ơn và ủy lạo

anh em : « Thôi anh em về đi, nắng lắm ! ». Tôi do dự rồi bước tới với ý nghĩ : chẳng lẽ tôi đây rồi không vào thì « quê » biết mấy.

Tiếng trống múa lân tiến đưa ông Trưởng Phái đoàn như thúc giục tôi phải mau trở ra. Nhưng may quá, ông giáo-sư Dung hầy còn nấn ná đứng nhờ người bấm cho một bức ảnh bên mộ cụ Phan. Tôi chạy vào nhìn qua đại khái, và tự trách mình sao quá chậm chạp. Nhưng tôi đã từng được nghe nhà sử học ở cùng quê cụ Phan tả rất kỹ ngôi mộ này.

« Trên khoảng đất trống, giữa con giong cao, ở làng Bảo-Thanh, tổng Bảo-Tri, quận Ba-Tri, hạt Bến-Tre, một ngôi mộ vách tô vôi trắng, nền trát xi-măng. Trừ tấm mộ hình qui-bối ra thì cái gì cũng làm theo kiểu cách mới cả. Trên vách hiện có hai chữ « Truy tư » hai bên có đôi liễn :

*Xuân lệ thu sương cảm*

*Sơn hoa dã thảo bi*

« Phía trước có tấm bình phong, mặt ngoài đắp hình sen le và đôi liễn :

*Giang-san chung tú khí*

*Au-Á mộ oai linh*

« Mặt trong đắp hình tùng lộc và đôi liễn :

*Tiết nghĩa lưu thiên địa*

*Tinh thần quán đầu ngư*

« Sen le, tùng lộc, đỏ đỏ xanh xanh, in trên phông trắng, ngó thoáng qua tưởng là mộ của một nhà giàu nào mới chết. Lăn vào quỳ xuống đọc tấm mộ bia :

*Nam kỳ hải nhai lão thư sinh Phan Công chi mộ*

« Phan Công chi mộ. Tánh Phan chi mộ, bốn chữ sau nghe cảm người hơn. Hay là nghĩ : « Tánh Phan » nghệ không có hơi quan ».

Anh Bằng Bá Lân gặp tôi vừa quay ra chụp hỏi :

— Chị vào trong ấy thấy những gì ?

Tôi đáp qua loa cho xong chuyện :

— À ! bên mộ còn có đèn thờ và miếu duệ cụ Phan còn đông lắm !

Rồi tất cả trèo lên chiếc xe gắn cuối đoàn, nên biết, đi là đi công voa, xe là xe quân đội cho nên chúng tôi phải học tác phong của nhà binh mới thích ứng được hoàn cảnh.

May mắn đoạn đường này được ngồi chung xe với ông giáo sư Võ văn Dung, ông người Cần Thơ nhưng có dạy học Bến Tre lâu năm nên ông biết rõ vùng này, cái may nữa là do ông Phó quận-trưởng quận Ba-tri cầm lái đưa đường. Ông không mặc nhưng phục cho nên chúng tôi thấy chìm đi cái không khí hấp tấp vội vàng của con nhà võ.

Ông Phó quận Ba-tri lại vui vẻ kể chuyện trong quận của ông đã bình định, đã yên ổn và ông trở hướng nào là hướng bãi Ngao, chỗ nào là Gành mù-u và xe đang đi trong xóm Giồng Gạch là nơi người ngọc Bình đông Phan Công Tông từ trận :

*...Lòng son xin có vàng trắng bạc*

*Giồng Gạch thà không một tấm thân*

*Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến*

*Người qua ai lái luống bâng khuâng*

(Thơ Điếu Phan Công Tông của cụ Đồ).

Bánh xe vệ tri đang lăn trên mảnh đất lịch sử này, làm sao ngừng lại để cho bàn chân chúng ta được trực tiếp với mô đất, với hòn sỏi, ngọn cỏ lá cây ở đây từng đã được tắm tưới bằng nhiệt huyết của tiền nhân.

Tôi muốn được len lỏi, được la cà, được dấn chân trên cát của bãi Ngao-Châu, được vốc bụm nước mặn của cửa biển Hàm-lương quá !

Mây trắng Ngao-châu thì dày dày phương đó, còn nước mặn Hàm-lương thì đang chan đầy ruộng muối hai bên đường đây. Đoàn xe thì luân chuyển không ngừng, ai cho phép mình vẫn vô nghĩ ngợi. Thôi thì xin cùng với mảnh đất lịch sử kia hẹn lời tái ngộ trong một buổi đẹp trời nào.

Mộ cụ Võ-Trường-Toàn cũng ở vùng này, nghe nhắc đến, nhưng vì đã quá trưa nên không viếng được.

Đất Ba-tri thực là phì nhiêu, đất thấp thì làm ruộng, muối, gò cao thì trồng hoa màu phụ :

*Ngó lên đám bắp trở cò,*

*Đám dưa trở nụ, đám cà trở bông.*

Ông giáo-sư Dung ca tụng bắp trái vùng này thơm dẻo, măng cầu thì ngọt xốt, đậu phộng thì to hạt đẹp như mắt chim phượng hoàng.

Đang trưa đói bụng những mong có một thúng bắp luộc hay một xịa măng cầu thỏ săn ở một quán chè tươi bên lộ hiện ra. Ông Phó cười và bảo vùng này vắng lắm. Có rau có trái thì đã đem ra chợ hết rồi làm gì có quán ở đây mà mơ ước.

Đoàn xe dẫn đầu đã dừng trước một cổng đình làng Tiên-thủy. Đề khỏi bị chậm trễ, tôi bước nhanh theo đoàn người đi trước, rón rén vào chỗ tôn-nghiêm nhất của làng. Hai hàng thân-hào, học trò lễ khăn áo chỉnh-tề nghinh đón ông Quốc-Vụ-Khanh. Chúng tôi theo vào đình, giữa tiếng nhã nhạc vang dậy. Ông Quốc-Vụ-Khanh đang dâng hương trước linh vị *Thành hoàng bản cảnh*. Đình này trước đã bị san bằng trong thời kỳ kháng chiến. Nay vừa bình định là trùng tu lại. Một tiệc trà giải khát chờ sẵn ở hậu đình. Ủy-ban trùng tu ngôi đền đã kê lai lịch và việc xây cất do nhân dân đóng góp. Chi phí trên triệu bạc.

Ông Quốc-Vụ-Khanh cũng vui vẻ khen nhân dân ở đây biết bảo tồn nền văn hóa cổ truyền và hứa sẽ cứu xét và trợ cấp.

Khách được mời giải khát bằng những tách trà nóng hổi. Vài bạn trẻ ngó ý thêm một ly nước lạnh. Tôi cố động giải khát bằng chén nước bốc hơi. Nhà sư-tập buu-hoa Nguyễn-bảo-Tụng thì kiên nhẫn cầm chiếc quạt trầm của chị Ái-Lan quạt cho mấy chén trà mau nguội.

Hai chiếc bánh ngọt với chung trà nóng đã làm cho tươi tỉnh lại phần nào, lấy lại sức đề trèo lên một chiếc xe khác và tiếp tục đoạn đường mới.

Một anh giáo-sư trẻ dạy ở Vĩnh-Bình, mừng rỡ chào tôi và xur 3 là học trò cũ của thi sĩ Đông Hồ. Anh cho biết đang chấm thi ở Saigon, anh đang soạn cao học về tác giả Lục Vân Tiên, đã có lúc về đến Ba-tri mà chưa thăm mộ được, nay may mắn gặp dịp, anh xin tháp tùng theo liền.

Tường là về thẳng quận, nhưng hình như lại phải dừng. Trông đằng trước ba nóc nhà bánh ịch liên lập mái ngói đỏ tươi, tường vôi trắng xóa, trước sân đông đảo thân hào đứng chờ. Chúng tôi tưởng là một trường học, hay một hội trường gì. Nhưng vào đến nơi mới biết cũng là một cảnh đình mới khánh thành ít lâu nay. Đình làng An-Mỹ-Tây.

Ngôi đình nói là trùng tu nhưng hết hai phần ba là tân tạo.

Hai vuông nhà trên sườn đúc bằng bê tông cốt sắt, kèo cột đều theo kiểu xưa y như sườn gỗ lối nhà bắt vần, có hành lang chung quanh. Hai phần mới thì là chẽ thờ phượng tế lễ. Cột có rồng doanh, khánh có chạm trổ, vàng son rực rỡ, xem đây thì biết dân làng này trừ phú sung tú lắm mới đóng góp và xây dựng được ngôi đình đồ sộ trong thời buổi người khôn của khó này.

Phái đoàn lại được mời giải khát bằng nước trà nóng với những đĩa bánh khẹo như bánh thuận nở hoàng, bánh bông lan vàng sếp, bánh da lợn

trong veo màu ngọc thạch. Có lẽ do những bàn tay nữ công của các bậc phụ nữ trong làng làm ra.

Ôi! những chén « trà Ba-tri » thực là đáng ghi nhớ, tiếng của ai muốn nhấn mạnh cái gì của Ba-tri cũng đều đáng « đề cao cảnh giác » và đình này cũng như đình trước đều được Phủ Đạc-Trách Văn-Hóa hứa tài trợ một ngân khoản để phụ giúp vào số tiền thiếu hụt mà nhân dân đã đóng góp để gọi là tượng trưng khuyến khích sự bảo tồn nền văn hóa đạo đức chốn làng mạc xa xôi này.

\*

Dùng bữa cơm trưa tại công sở làng An-đức chợ Ba-tri. Tráng miệng bằng những quả bắp nếp luộc còn nóng hôi hổi thơm, và những trái măng cầu xanh tươi ngọt lịm. Vị ngon ngọt của cây nhà lá vườn mới hái quả đúng như lời giới thiệu.

Công sở này là một tòa nhà cột gỗ mái ngói cao ráo và khang trang. Phần trước thảo bực rộng rãi làm nhà khách. Phần chính phía trong cột to cỡ vòng tay. Giàn cửa, giàn bàn thờ đều chạm trổ mặt huỳnh bất chỉ nổi rất khéo.

Giữa thời kỳ cao ốc, biệt thự, nhà lầu bê tông cốt sắt, còn sót lại những ngôi nhà xưa như thế này thực là quý. Nghề mộc cổ truyền của ta sắp bị tiêu-diệt không còn ai dựng một ngôi nhà như thế này nữa.

Ở Gia-Định có ngôi « Văn đường » của nhà học giả lão thành Vương-hồng-Sên. Muốn bảo tồn ngôi nhà xưa, chủ nhân đã phải xây một lớp tường gạch, bọc ngoát để giữ lớp vách bở kho bằng ván. Nền nhà thì phải đặt cho được gạch da qui màu sen đậm mới chịu lót. Tất cả hòa hợp với nét truyền-thống dân tộc.

Nếu ở đây, ngôi công sở này cũng được giữ giữ chăm sóc như ngôi

nhà riêng của Vương tiên-sinh để làm một chứng tích cho nền « văn minh miệt vườn » của Lục tỉnh thì quý hóa biết bao.

★

Sau bữa gọi là ngộ phạm, cũng đã 15 giờ rồi. Ông giáo-sư Dung thì tha thiết việc chụp cho được di chỉ nền nhà cụ Đồ ở làng An-Đức này.

Thi-sĩ Kiên-Giang thì trở lại xe với 2 cái giỏ tre đan xinh xắn. Thấy mọi người trầm trở anh bảo :

— Đem về cho « bà già » làm giỏ trâu.

Nhà thi sĩ giản dị với chiếc nón ni bốn mùa này chẳng đã từng biểu lộ lòng yêu mẹ rãi rác trong tác phẩm của anh đó sao !

*Trầu rang mẹ ngoday cau khô*

*Niềm đau nước cốt nuốt vô trong lòng...*

*Trải bao chớp bề mưa nguồn*

*Trầu rang vẫn đỏ cặm hờn ngàn khuya.*

(Lúa sạ miền Nam)

Trên đường về ai nấy vui mà quên mệt. Cô phóng viên nhỏ của V.T.X. nhận xét là ít thấy chùa mà rất nhiều Thánh thất thuộc phái Cao-đài Tây-Ninh.

Tôi vui miệng hỏi :

— Các cuộc lễ ở Thánh-Thất Tây-Ninh gần đây, Tổng-thống phụ-nhân, Thủ-Tướng phụ-nhân đều có dự, chắc cô cũng có dịp theo cái phái đoàn đó, và đã được chiêm ngưỡng Thánh-thất Tây-Ninh rồi chứ.

Cô cười:

— Đời nào cháu dám đi. Các ông cận vệ thường ngăn chặn không

cho đến gần, họ dùng tay chặt bừa trúng đầu lằm. Chỉ có các anh phóng viên mạnh dạn mới đi theo nôi mà thôi!

Nghe cô kể khổ trong nghề nghiệp mà bắt tức cười, tôi thân mật bảo mặc dầu vậy nếu tôi trẻ lại 40 năm, tôi cũng đi học làm phóng viên như cô. Một già một trẻ chừng đã cảm thông, cô mở đầu hỏi tôi với lời dè dặt:

— Cháu hỏi thế này có điều đường đột, xin bác cho biết trường hợp nào bác gặp thi sĩ Đông-Hồ.

Tôi vuốt tóc cô phóng viên bé bỏng khôn ngoan đó và bảo:

— Thôi! Cô đừng lợi dụng thời cơ mà phỏng vấn tôi, cô hãy cùng sang phỏng vấn cô Diệu-Huyền kia!

Trở về đến sông Chệt-Sậy, dòng sông nhỏ, xuống phà đứng ngó mông, một nửa cầu sắt còn đứng vững, một nửa cầu đã sụp mất. Nửa dòng bên ấy nước chảy mạnh cuốn sập cầu chứ không phải bị phá hoại.

Trời chiều bằng lăng bên nước Rạch Miếu mênh mông, cồn Phụng, cồn Rồng xanh mượt trên làn nước bạc. Chị Ái-Lan bảo tôi:

— Ngày nào Phú Văn-Hóa tổ chức một cuộc du khảo về vùng đất Hà tiền lịch-sử, để viếng thăm Lăng miếu họ Mạc thì thích quá. Tôi đã ở ở Hà tiền rồi mà vẫn còn muốn được trở lại.

Kết luận cho những ý nghĩ vụn vặt của một bài du ký nhỏ này, chúng tôi nhân danh con em của đất Phương thành lịch-sử, tha thiết mong Phú Văn-Hóa sớm hoàn thành đạo luật giữ gìn di-tích của tiền nhân. Các lăng miếu của họ Mạc ở Hà-tiền cũng sẽ được liệt kê vào để được bảo tồn một cách thiết thực hơn với tính cách bảo tồn di-tích lịch sử chứ không phải với khía cạnh tín ngưỡng thiên lệch như lâu nay người sở tại vẫn tôn thờ

Mộng Tuyết Thất tiều muội  
Rằm tháng sáu — Tân-hợi.



## nguyễn-đình-chiêu một chiến-sĩ văn-ngệ cách-mạng bình-dân\*

Dân-tộc Việt-Nam chúng ta, mỗi khi bàn tới anh hùng chiến sĩ đất « Đông-Nai, Bến-Nghé » có lẽ không ai có thể bỏ quên được nhà chí-sĩ, đồng thời là thi-sĩ « mù » nhưng lại rất « sáng » — Cụ Nguyễn-Đình-Chiêu.

Chúng tôi nói *mù nhưng rất sáng*. Mà xét cho cùng, qua tâm thức của nhà thơ, và trên bình diện qui luật tâm lý về *phản ứng bù trừ*, chúng ta có thể nhấn mạnh hơn nữa rằng: mù là nhân tố, đồng thời là động lực tạo dựng nên cái sáng tâm thức của thi nhân, hay ngược lại: cái sáng tâm-thức của nhà thơ chính là hệ quả tất yếu và hướng thượng của một tâm hồn đang uất hận vì cái nhân « mục tật ».

Cô nhân nói: Thi ngôn chí, nghĩa là làm thơ là để nói cái chí của mình. Mở đầu cho bài đề tựa bộ Kinh Thi, nhà học giả Trung-Quốc đời Tống, Chu Hy (1130 — 1200) cũng viết: « ... Phù cảm ư vật nhi động, tính chi dục giả, ký hữu dục hỹ tắc bất năng vô tư, ký hữu tư hỹ tắc bất năng vô ngôn, ký hữu ngôn hỹ, tắc ngôn chi sở bất năng tận nhi phát ư tư ta vịnh thán chi dư giả, tất hữu tự nhiên chi âm hưởng tiết tấu nhi bất năng dĩ yên. Thử Thi chi sở tác giả ».

\* Viết trong Tuần-lễ kỷ-niệm Nguyễn-Đình-Chiêu.

Tạm dịch: Cảm xúc trước sự vật mà tâm động, đó là cái dục của tính, đã có dục thì không thể không ưu tư, đã có ưu tư không thể không nói ra, đã có nói thì lúc nói không thể tỏ hết những điều muốn nói, cái còn lại ấy sẽ phát ra những dòng thơ than ngán nga, tự nhiên hợp với tiết tấu mà không thể nào ngừng được. Đó là đầu mối hình thành của Thơ vậy.

Cùng ý tưởng tương tự, nhà triết học kiêm sử học, đồng thời là nhà phê bình văn-học Pháp H. Taine (1828 — 1893), khi đề cập đến vấn đề sáng tác thi ca, cũng nhận định: Thi ca chỉ thật có giá trị khi nó thể hiện được hồn nhiên và trọn vẹn sự giải nở của những dồn nén tâm hồn.

Chúng tôi nghĩ rằng, một vài quan niệm về sáng văn nghệ như vừa kể, kết hợp với sự tác động của qui-luật về đời sống tâm lý, đủ để giải minh cho "cái sáng tâm thức" trong "cái mù lòa thân xác" của nhà thơ họ Nguyễn.

Là một thanh niên đang dạt dào nhựa sống, đầy đủ đức tài, thường xuyên xem "xã tắc là nơi báo bổ", với hoài bão "chỉ làm lương đồng nước non nhà", vậy mà ác hại thay, 24 tuổi đã mang mục tật! Tiếp đó lại thêm cảnh đất nước loạn ly "đánh nhau thầy bỏ thầy đồng", và họa ngoại xâm dày xéo dân-tộc "trời Đông sùi sụt gió mưa Tây". Người trai Bến-Nghé không thể làm gì khác hơn là đành chống cự với nghịch cảnh bản thân cũng như non nước, bằng trí óc, tâm tư hơn là bằng hành động. Do sự mù lòa, và tiếp đó là tai diếc, mọi liên lạc giữa ngoại giới với bản thân ngày càng bị giảm thiểu trong khi nỗi buồn đau uất hận lại càng ngày chất chứa và dâng cao đến uất nghẹn! Điều này chính Eugène Bajot, trong bài nhan đề "Tiểu-Sử cụ Đồ-Chiêu" đăng trước bản *Lục-Vân-Tiên* do ông dịch ra tiếng Pháp bằng văn vần xuất bản tại Paris năm 1887, cũng đã nhắc tới với thái độ phàn nàn: "Mais hélas! une nouvelle infirmité venait frapper le poète aveugle: peu à peu, l'entendement se voilait, ses rapports avec le monde extérieur

devenaient de plus en plus difficiles... (Nhưng thương hại thay! một tật mới đã dồn tới đập vào nhà thi sĩ mù: dần dần thính quan của ông bị tắt lấp, mọi liên lạc giữa tiên sinh với ngoại giới càng trở thành khó khăn...)

Vốn là người mang trong mình một triết lý hành động tích cực vì dân vì nước, gắn bó với cuộc đời, trước một giai đoạn lịch-sử mà sự thôi thúc hành động đang trở thành một nhu cầu nóng bỏng, cái "đêm tối triền miên" của cuộc đời càng làm cho tâm tư nhà thơ thêm xao xuyến, rạo rực, và thường xuyên bị ám ảnh vì một nỗi mù lòa thiệt thòi vô cùng to lớn. Cho nên, thật không lạ khi ta thấy sau ngày mang mục tật, nhà thơ đã tự hiệu là Hối-Trai, có nghĩa là *ngôi nhà tối tăm*, một tự hiệu tự nó đã nói lên rất nhiều về thái độ chấp nhận cuộc sống đen tối trong 4 bức tường ngăn cách với ngoại giới! Cũng do đó, ta lại được thấy thêm những tác phẩm xuất hiện vào thời gian này của Cụ đều không ít thì nhiều, đề cập đến sự mù lòa: *Lục-Vân-Tiên*, *Ngư Tiều Văn đáp*... Nhà học giả Phan-Văn-Hùm (1902-1945), khi hiệu đính và chú thích tác phẩm *Ngư Tiều Văn Đáp*, trong bài đề tựa, cũng đã gọi lên ý tưởng đó: "Đồ-Chiêu mang tật mù lòa, chắc sao cũng gặp nhiều rế rúng như *Lục-Vân-Tiên*, hay gặp "bầy ngu dại thấy khi chê cười" như *Nhân-sư* trong truyện *Ngư-Tiều*... Một nhà biên khảo khác, ông Chương-Thâu, trong một bài viết về "giả thuyết nguồn gốc *Lục-Vân-Tiên*", nhân dịp kỷ-niệm nhà thơ, cũng có lập luận tương tự, và còn nhấn mạnh rằng, có lẽ vì bị ám ảnh về nỗi mù lòa, nên họ Nguyễn đã đặt ra một truyện *Tây-Minh*. Vì theo họ Chương, nếu nhà thơ mở đầu bằng câu "Trước đèn xem truyện *Tây-Minh*", thì qua sự tra cứu văn-học Trung-Quốc, chỉ có một cuốn sách nhan đề là *Tây-Minh*, nhưng đó là cuốn sách có nội dung triết học, đề cập đến một vấn đề tương tự như thuyết *Tĩnh Thiện* của *Mạnh-Tử*. Ngoài ra không có một cuốn tiểu thuyết nào mang danh hiệu là *Tây-Minh* cả. Kết hợp với một số dữ kiện về địa dư không đúng với thực tế trong truyện, *Chương-Thâu* đã kết luận rằng, *Lục-Vân-Tiên* có lẽ đã được nhà thơ dựng lên để nói về cái mù lòa, về hoài vọng của mình. Do đó, cũng theo họ *Chương*, truyện *Tây-Minh* mà

nhà thơ nói tới, có lẽ là hai chữ Tây Minh trong bài "Nguyệt Phú" của Tạ-Trang, và nếu như vậy thì Tây-Minh có nghĩa là Muội-Cốc, là "nơi mặt trời lặn". Mặt trời lặn thì vũ trụ tối tăm... Phải chăng đó là một chuỗi liên tưởng mà ta có thể biểu diễn như sau :

Mù lòa → Hối Trai → Tây-Minh + (Muội-Cốc) → Lục-Vân-Tiên.

Vi qua truyện ta thấy rõ cái mù lòa của thư sinh họ Lục chính là cái mù lòa của Nguyễn-Đình-Chiều. Nỗi khổ của họ Lục trong thời gian mù lòa cũng chính là cái khổ tâm của nhà thơ vậy. Cho nên nếu bản thân mình đã đành với số phận kéo dài đêm tối của cuộc đời, thì nhà thơ không thể để cho nhân vật của mình kéo lê kiếp sống tàn tật đó được. Phải có phép màu cứu vớt để họ Lục lấy lại điều kiện thích đáng tái tạo cuộc đời vinh quang, để "chứng kiến" sự tàn tạ suy diệt của bọn bất nhân, bọn phá hoại đạo đức luân thường. Cái phép màu đó đối với bản thân mà nhà thơ chỉ là ước vọng, là nguyện cầu, thì nhà thơ đã thực sự đem đến cho nhân vật đang sống cuộc đời của mình.

Dù sao, cũng chỉ là những giả thuyết. Chỉ có một điều, là như trên đã nói, hầu hết các tác phẩm của nhà thơ trong giai đoạn đầu khi chưa có cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, đều chứa đựng khá nhiều ý tưởng liên hệ đến sự mù lòa. Và cũng qua các tác phẩm này, ta nhận rõ rằng hơn thái độ thiết tha của nhà thơ — của một người mù lòa đang chất chứa hoài vọng xây dựng và bảo vệ đạo đức luân lý. Cho nên, nếu như trong thời buổi nhiễu loạn, trật tự xã-hội cũng như mọi giá trị tinh thần đang trải qua nhiều băng hoại, trong khi :

*Nhiều người theo đạo Nho ta,*

*Tiếng đồn thì khá, vậy mà làm những...*

thì hơn bao giờ hết, Nguyễn-Đình-Chiều, càng tha thiết kêu gọi :

*Phò vua giúp nước, sửa đời dạy dân,*

*Học cho biết nghĩa quân thần,*

*Biết phần phụ tử, biết phần hiếu trung...*

Tuy nhiên, cũng ở thời kỳ này, nếu bóng dáng của một Nguyễn-Đình-Chiều với đôi mắt sáng, với hoài bão :

*Chi lăm bản nhận ven mây,*

*Danh tôi đã rạng, tiếng thầy đồn xa.*

*Làm trai trong cõi người ta,*

*Trước lo báo bổ sau là hiền vang.*

không còn nữa, thì vẫn còn là một Nguyễn-Đình-Chiều cõ điền, với phong thái của một nhà nho chính thống, mà tư tưởng không ngoài hiếu trung, mà vẫn thế không khỏi có tính cách dài dặc, lý thuyết. Như đã được trình bày qua đề mục của bài khảo luận, điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây chính là "Nguyễn-Đình-Chiều, một chiến sĩ văn-nghệ cách-mạng bình-dân", một Nguyễn-Đình-Chiều thay vì say sưa "dạy cho ông chủ quán" : "Ghét đời Kiệt, Trụ mê đắm...", đã thực sự dấn thân vào đại cuộc diệt thù cứu nước, và nóng lòng kêu gọi :

*Hỡi trang dẹp loạn ! Này đâu vắng ?*

*Nữ đề dân đen mắc nạn này !*

Ngược dòng lịch-sử, mặc dầu gót chân xâm lược của thực dân Pháp đã đặt lên đất nước miền Nam từ 1859, nhưng phản ứng của sĩ-phu Việt-Nam vẫn chưa sâu đậm và quyết liệt. Cho đến năm 1862, việc cắt nhượng ba tỉnh miền đông Nam Kỳ thật là một tiếng sét làm giật mình mọi người. Biến cố 1862 thực sự mở màn cho một nếp sinh hoạt văn-học mới, của các sĩ phu đương thời. Trong cảnh mù lòa, nỗi uất hận của Nguyễn-Đình-Chiều càng như dâng cao thêm khi đứng trước tiếng gọi của non sông. Đồng thời với việc gia nhập vào bộ tham mưu nghĩa quân

Trương - công - Định, Nguyễn - Đình - Chiêu đã xuất hiện trên mặt trận « Văn-nghệ kháng chiến cách-mạng » với một chuyên hướng toàn diện. Nếu *Ngư Tiều Văn Đáp, Lục-Vân-Tiên...* cho ta thấy một Nguyễn-Đình-Chiêu lý thuyết và lý tưởng bao nhiêu thì những văn phẩm ra đời từ 1862 cho ta thấy một Nguyễn-Đình-Chiêu chân thành và thực tế bấy nhiêu. Dưới hình thức khác nhau, một loạt tác phẩm văn-nghệ kháng chiến của ông đã xuất hiện thành muôn màu sắc. Xuyên qua những bài thơ Đường luật, những bài văn-tế, những bài hịch... ta đã gặp một Nguyễn-Đình-Chiêu vô cùng hăng say với cuộc sống chiến đấu, một Nguyễn-Đình-Chiêu tuy thường xuyên sống trong thất bại, nhưng không một lúc nào có tư tưởng chiến bại, một Nguyễn-Đình-Chiêu lúc nào cũng hướng về chính nghĩa, hăng hái, tin tưởng, biết phân biệt bạn thù :

« Tấc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước ta. Bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chỉ ông cha nó ! » và nhất là dứt khoát trong tư tưởng :

« Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tở phụ cũng vinh. Hơn là còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ ».

Lập trường của Cụ thật là rõ ràng dứt khoát : Chống Tây, chống luôn tất cả những gì do Tây đưa tới hoặc có liên hệ với Tây. Câu nói của Cụ với Michel Ponchon, viên tỉnh-trưởng Bến-Tre lúc bấy giờ : « Nước chúng tôi mất không lấy lại được, thì lấy lại mấy thửa ruộng ấy làm gì », thật là bất hủ. Với lập trường đó, cụ tầy chay mọi đồ dùng từ Tây đem tới, chống lại chữ quốc-ngữ mà Cụ coi là « chữ của Tây », chống lại cả Thiên Chúa Giáo cũng được coi là « Đạo của Tây » nữa :

*Dân mà mê đạo Tây rồi,*

*Nước người muốn lấy, mấy hồi phòng ọ.*

(Dương-Từ Hà-Mậu)

Càng căm thù và dứt khoát với thực dân Pháp, Cụ càng thù ghét bọn ngụy quân ngụy quyền, hay nói chung là bọn tay sai của Pháp, Cụ càng lên án gắt gao. Vì với Cụ, bọn chúng chỉ là quân thất đức, vô nhân, bạc nghĩa, phản nước phụ nhà :

*Mến nghĩa sao đành làm phản nước,*

*Có nhân nào nữ phụ tình nhà.*

để mong được : « chia rượu ngọt, gặm bánh mì » của giặc.

Cũng vì vậy, đối với Cụ, biện pháp đối phó thích đáng nhất dành cho cả « thầy Tây » với « tớ ngụy » là « phải hết sức trừ đồ lục tặc ». Qua những câu trong bài « Thảo thử hịch » (bài hịch trừ chuột) dưới đây ta thấy rõ hơn thái độ của Cụ đối với vấn đề đó :

*Nay có con chuột,*

*Lông mọc xồm xoàm...*

*Tính hay ăn vặt.*

*Lông chẳng kiêng dè...*

*Gọi danh hiệu : Chuột xa, chuột lắt, chuột chù, chuột cống, anh em giônggho nhiều tên.*

*Tra quán chỉ : ở nhà, ở rạch, ở ngòi, bừa bạn non sông tâm tối..*

*Cớ sao lại đem lòng quí quái ?*

*Cớ sao làm những thói gian tham ?*

*Nền xã tắc là nơi báo bđ, can chi mi đào lỗ đào hang ?*

*Chồn miếu đường là chỗ thanh tân, cớ chi người cần mẫn cần sáo?...*

*Sấm binh sưng giáp sắt, trau đổi ngựa gió xe trắng,*

*Giống trống sấm xuất binh, phát cờ lau lập trận.*



Hàng hàng bổ liệt thương đao,  
 Nhập sào huyết phá hồ lỗ chuột...  
 Chớ để con nào sơ lậu, phải ra tay lấp lỗ tam bành,  
 Đừng cho chúng nó sây ra, phải hết sức trừ đồ lục tặc... »

Đúng vậy. Đối với lũ chuột này, thì nhiệm vụ của mọi công dân đất Việt là « phải hết sức trừ đồ lục tặc ». Cái quyết tâm đó đã này mắt và đang dâng cao trong tâm hồn Đỗ-Chiều. Cho nên nếu bị thiệt thòi không được thực sự đóng góp bằng chân tay, bằng máu xương—vì bị mù lòa,—cụ đã dành trọn nhiệt tình cho hết mọi chiến sĩ kháng chiến đang hàng hàng lớp lớp kế tiếp nhau bằng mình vào trận chiến với giặc. Không được dẫn thân vào cuộc bằng thân xác, cụ đã dẫn thân bằng tất cả tâm hồn ký thác vào lời thơ điệu phú. Không thấy được bằng mắt, nhưng với nhiệt tình dẫn thân, cụ không còn là người bàng quan trông vào cuộc kháng chiến của toàn dân nữa. Trong đêm tối triền miên của thị quan và thính quan, cụ đã « nghe » và « thấy » rất rõ từng tiếng hò reo vang trời, từng tiếng bước chân dậy đất của đoàn quân cách mạng.

Cho nên trong khi Nguyễn-văn-Thành, thi-vị và anh-hùng hảo-hán hóa (toàn quân của vua Gia-Long trong cuộc hội chiến bản thủ mấy mươi năm :

« Ba nghìn hợp con em đất Bái, cung tên ngang dọc chi nam nhi »

Thì Đỗ-Chiều khi nói tới Nghĩa quân lại rất tự nhiên bình dị »

Cui cút làm ăn. Riêng lo nghèo khó.  
 Chưa quen cung ngựa, đưa tới trường nhung,  
 Chỉ biết ứng trâu, ở theo làng bộ.  
 Việc cuốc việc cấy, việc bừa việc cấy, tay vốn làm quen.  
 Tập khiên tập súng, tập mác tập cờ, mắt chưa từng ngó..»

và sự hợp mặt của họ cũng không có gì khác hơn là :

« Mến nghĩa làm quân chiêu mộ »

Cũng vậy, Nguyễn-văn-Thành là người đã từng theo vua Gia-Long trong cuộc chiến tranh với Tây-Sơn trên 25 năm, vậy mà khi diễn tả trận đánh trong bài « Trận vong tướng sĩ », chỉ vồn vẹn có hai câu đầy sáo ngữ :

« Kê thì chen chân ngựa, quyết giết cờ trong trận, xót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lông hồng theo đạn lạc tên bay. Kê thì bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương thay phép trọng đề thân khinh, phong da ngựa mặc bè trôi sóng vỗ... »

Trái lại ở Nguyễn-Đình-Chiều, cuộc chiến đấu của kháng chiến quân thật phong phú và sống động :

Ngoài cặp có một manh áo vải, nào đòi mang bao tấu bao ngời.  
 Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gỗ.  
 Hòa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia.  
 Gươm đeo dùng dùng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan-hai nọ.

Thật là một « cái nhìn » tầm thường bình dị, nhưng vô cùng đúng với thực tế của cuộc chiến, chứng tỏ ở nhà thơ một nhãn quang vô cùng « sáng suốt » và trung thực, mà chỉ người trong cuộc mới có. Phải chăng được may mắn hưởng thụ cái truyền thống « sáng suốt nhờ dẫn thân » đó mà ngót một thế kỷ sau, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai 1945 — 1954, hình ảnh của những dân-quân tự-vệ, những chiến-sĩ quân-đội kháng-chiến cũng lại được các nhà thơ hậu duệ vẽ lại tương tự :

Tôi là tự vệ,  
 Tôi không có súng  
 Tôi chỉ cầm dao

Y, tờ lũng búng.

Ai dám khinh nào.

(T.H. Bài ca người Tr-Vệ)

Hoặc :

Lũ chúng tôi bọn người tứ xứ

Gặp nhau hồi chưa biết chữ

Quen nhau từ thuở « Một ! Hai ! »

Sáng bản chưa quen

Quân sự mười bài

Lòng vẫn cười vui kháng chiến

Lột sắt đường tàu, rèn thêm đao kiếm.

Áo vải chân không, đi lũng giặc đánh

Ba năm rồi, gọi lại quê hương

Mái lều tranh, tiếng mõ đêm trường

Lương cây đất đỏ...

.....

(Hồng-Nguyên — Nhớ)

Nhất là cái tinh thần quyết tử hào hùng của nhà thơ « Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh ; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ », thì cũng ngót 80 năm sau, ta lại được gặp ở một lãnh tụ kháng chiến chống Pháp, nhân ngày tuyên bố lệnh toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, nhân nhũ thanh niên Hà-Nội:

Thanh niên chỉ có một câu

Thề cùng giặc Pháp có tao không mầy

Thanh niên chỉ có câu này

Thề cùng giặc Pháp có mầy không tao.

Thì ra dù « sáng mắt » hay « mù lòa », mọi sự dần thân đều gặp nhau ở một địa điểm : thái độ sáng suốt của tâm hồn trong sự lựa chọn lý tưởng để phụng sự. Và đó cũng chính là lý do để bức tranh về cuộc chiến đấu của kháng chiến quân Nguyễn-Đình-Chiều như hiện ra trước mặt mọi người với đầy đủ chi tiết, và có giá trị động viên thời đại lớn lao, cũng như ghi lại những trang sử đấu tranh oanh liệt.

Trong thăm cảnh « Trời Bến-Nghé mây mưa sùi sụt » do « giặc cỏ bò lan » gây nên, trong cái quận đau « mẹ già ngồi khóc trẻ, vợ yếu chạy tìm chồng », con người nghĩa quân của Nguyễn-Đình-Chiều, với tinh thần sắt thép thành nhân, hiên ngang trước « tàu đồng tàu thiếc », quên hẳn « xác phàm » của mình, xông pha « đám ngang chém dọc », làm cho bọn địch « mã tà mã ní » phải kinh hồn. Cái tinh thần « uy vũ bất năng khuất » này của nghĩa quân trong cuộc đấu tranh chung của dân tộc, thật là một nhát búa đánh mạnh vào đầu của những con người cam tâm « chia rượu ngọt, gặm bánh mì » để có thể nói lên tất cả tinh thần bạc nhược, đầu hàng của mình :

Miếng cạp hàm rỗng khôn để chọc

Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay

(Tôn-Thọ-Tường)

Chả trách chi mà họ phải nhận lấy những búa riu dư luận, hoặc mỉa mai :

Đã cam bịt mắt cùng trời đất

Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe

(Huỳnh-Mẫn-Đạt)

hoặc đầy dưng khí :

Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí

Lòng ta sắt đá há lung lay

(Phan-văn-Trí)

Dầu sao trong cái rừng cách-mạng của dân-tộc Việt-Nam nói chung, của miền Nam nói riêng, những con người chịu «thà mất lòng anh được bụng chồng», vẫn chỉ là một số cô đại xen lẫn vào những cây đại thụ «Trai ngay thờ chúa gái thờ chồng». Cho nên những con người nghĩa quân của Nguyễn Đình-Chiều vẫn hăng say trong hoài bão «sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp binh cơ, muôn kiếp nguyện được trả thù», để rồi chẳng những «danh thơm đồn ở tỉnh» mà «tiếng bay trải muôn đời», chẳng những «dựng đền miếu đề thờ», mà còn sống mãi trong lòng Dân-tộc. Con người «nhục thể, Nguyễn-đình-Chiều tuy mù, con người tâm-linh của Nguyễn đình-Chiều vẫn sáng để sống trọn vẹn đời sống hào hùng của một nghĩa quân Việt-Nam trong giai đoạn lịch sử đen tối nhất của Dân-tộc.

Tóm lại điếm qua các tác phẩm cách mạng của Nguyễn Tiên-sinh chúng ta thấy được tất cả những gì là anh hùng, là căm thù giặc Pháp, và chiến đấu gian khổ của đồng bào miền Nam, cũng như nỗi lòng của Nguyễn Tiên-sinh đối với vận mạng nước nhà và đối với những người đã hy sinh vô điều-kiện cho Tổ-quốc.

Tính chất cách mạng của nó là đã dự phần vào cuộc chiến đấu chung, và giá trị thực tiễn của nó là đã phô bày tất cả những hình ảnh chiến đấu của nhân dân ở trong một giai đoạn lịch sử, đồng thời cũng nêu lên những tấm gương sáng qui báu của Dân-tộc để vừa thúc đẩy, vừa xây dựng; nhưng cũng không quên đả phá những phần tử xu thời, phản bội «tung vùa hương, xua bàn độc, để chia rượu ngọt gặm bánh mì».

Nhà Đại-vận-hào Lê-Tấn có nói:

«Cái thành công hay thất bại của Thi văn là chỗ có nói lên được cái gì có tác dụng hay không?» (Thi văn dĩ hữu dụng vô dụng vi công chuyết).

Điếm qua Thi-văn cách mạng của Nguyễn-Đình-Chiều, ta càng thấy rõ cái công dụng đó. Nhất là như các bài «Văn-tế nghĩa-sĩ Cần-Giục», bài

Chạy giặc, 10 bài thơ khóc Phan-thanh-Giản, được triều đình Huế truyền Bộ Lễ in ra để phổ biến cho tướng sĩ cần-vương kháng chiến chống Pháp từ Nam chí Bắc.

Bởi vậy mà nhà học giả Đặng-Thái-Mai trong tuần báo «Văn-ngệ kháng chiến» xuất bản tại Việt Bắc vào năm 1949, khi viết về Nguyễn-Đình-Chiều có đưa ra nhận định:

«Thống Chế S.T.L. có nói: «Một cán bộ văn-ngệ, thường có hiệ năng bằng cả mấy sư đoàn».

Chúng ta có thể lấy câu đó để truy tặng Cụ Nguyễn-Đình-Chiều, vị chiến sĩ văn nghệ cách mạng của chúng ta.

Ấy thế mà có một số tài liệu văn học sử tại Miền Nam Việt-Nam lại bảo rằng: Cụ Nguyễn-Đình-Chiều chỉ là một nhà nho có tinh thần yêu nước và hay thơ, hay là một thi nhân bất đắc chí... Thi thiệt là hết sức sai lầm.

Ngoài tính chất cách mạng và chính trị thực tiễn rất hiếm có ở đương thời, qua các tác phẩm cách mạng ta còn thấy ở Tiên sinh một lối hành văn bình dị, tự nhiên phản ảnh một nhân sinh quan thiết thực, không lấy sự nghiệp văn chương để phô trương tài học, để mong lưu danh hậu thế, mà chỉ là để phản ảnh trung trực tâm hồn bình dị của mình, đồng thời phục vụ cho nhu cầu lịch sử đương thời.

Tác phẩm của Nguyễn Tiên-sinh do đó chẳng những là hiện thân của một sĩ phu yêu nước tích cực, mà đồng thời cũng là của một thiêu số bình dân có triết lý hành động thiết thực. Xứng đáng là tấm gương trong sáng và hăng say chiến đấu của một con người tàn tật mù lòa.

Ngày nay, người và tác phẩm dù đã đi vào lịch sử nhưng âm vang Nguyễn-Đình-Chiều vẫn sống động trong lòng mỗi người chúng ta cũng là vì chỗ đó.

lúc Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ

## tâm lý dân chúng xuyên qua văn, thơ của Nguyễn - đình - chiêu

Hồi Pháp mới chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, tác giả cuốn thơ Lục-Vân-Tiên là một tay kiệt-hiệt trong toàn thể quần chúng Việt-Nam. Tôi nói kiệt-hiệt vì lẽ cụ Nguyễn-đình-Chiêu không chịu tách rời dân chúng bình-dân ra, luôn luôn ở trong khối ấy và sống mãi với khối ấy. Cụ Đồ không ưng rời bỏ hàng ngũ dân đen để rời ra cộng-tác với nhà cầm quyền Pháp như Hợp-Cương, Hợp-San, Thủ-Nho (1) đều làm Ký-lục cho Pháp, và còn nhiều người nữa, nhưng phần lớn làm Tri-huyện, Tri-phủ, tóm tắt là cộng-sự-viên trực-tiếp và chặt-chẽ với Pháp-đình.

Ở đây, tôi chỉ biên sơ-lược các tên ấy để quý bạn đọc có ý-niệm về tánh danh của các người này :

Tổng Ca làm Tri-huyện Bình-long (2).

Tổng Trinh nhiệm-chức Tri-huyện Tân-hoà (3).

Nguyễn-Trực làm Tri-phủ Tây-ninh (4).

(1) Tập san Sử-Địa số 3, Địch-khảo về Trương-công-Định, xuất-bản ngày 17-9-1966, trang 146.

(2) Huyện Hóc-môn — Bà-Diêm.

(3) Ở tỉnh Gò-công.

(4) Tỉnh Tây-ninh bây giờ, hồi Pháp mới lại tỉnh này gọi là Tây-ninh phủ

Nguyễn-tường-Phong nhiệm-chức Tri-huyện Tân-Long (1).

Nguyễn-tường-Vân làm Tri-huyện Phước-Lộc (2).

Nguyễn-xuân-Khải làm Tri-huyện Long-thành (3).

Tôn-thọ-Tường làm Tri-phủ Tân-bình.

Duy có Nguyễn-văn-Nguyên làm Học-chánh mà thôi.

Tự-nhiên, phải có các quan Pháp đảo-nhậm trước, rồi mới tới những người Việt cộng-sự-viên với Pháp.

Đồ-Chiêu nắm vững lập trường của Cụ là bất hiệp-tác với người Pháp cho đến hơi tàn. Cụ không chịu phản-bội dân chúng, mặc dù Cụ chẳng thể-thốt gì với quần chúng hoặc là có hành-tác cụ-thể nào để chứng-minh rằng Cụ vẫn một mực trung thành với quần-chúng dân đen.

Về tâm-lý của dân-chúng, ban đầu họ ngạc-nhiên, rồi lo âu, hồi hộp, mới đến ngòm-ngóp sợ sệt, khi họ không biết gì về sự việc quốc-gia Pháp vô cớ xua binh viễn-chinh qua xâm chiếm Bến-Nghé. Tiếng súng nổ doanh doanh hơn sấm giáng liên-hồi, khiến họ khiếp-đảm.

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây, (4)*

*Một bàn cờ thế phút sa tay!*

*Bỏ nhà lữ chó bầy-xã chạy,*

*Mất d bầy chim đảo-dát bay.*

*Bến ghé của tiền tan bọt nước,*

*Đờng-Nai tranh ngôi nhuộm màu mây.*

(1) Châu-thành Chợ-lớn bây giờ và phụ-cận.

(2) Huyện Cần-giוע bây giờ.

(3) Ở vào tỉnh Biên-hòa.

(4) Phan-văn-Hùm, Nỗi lòng Đồ-Chiêu, in lần thứ hai, trang 48.

Hỡi trang đẹp loạn ! Rày đâu vắng ?

Nữ đề dân đen mắc nạn này (r).

(Chép theo Nguyễn-đình-Chiêm)

Luôn-luôn phải đốt nhà và đồ-đạc trong nhà để làm oai, chém người, chặt đầu người, bắn người chết, để lung-lạc tinh-thần của các nạn-nhơn : ấy là bản-chất cốt yếu của chiến-tranh xâm-lược.

Ở đây cũng thế. Vốn là chiến-tranh xâm-lược chứ không là chiến-tranh tự-vệ, nên quốc-gia bị xâm chiếm phải chịu những hình-thái nặng-nề, bất-khả-kháng ấy.

Rồi kết-thúc chiến-trận là cảnh cha kiếm con, vợ khóc chồng, anh tìm em, bầu bạn cùng nhau gặp gỡ lại, trạng-hướng đàn-bà, con gái đã bị hiếp-dâm, người cô-thế bị lính địch áp-bức, v.v....

Đi sau chiến-tranh chiếm đất là cảnh hoang-tàn chồng-chất lên nhau, sự hỗn-độn bày ra trước mắt.

Tất cả sự điều-linh trên đây đều qui-tụ lại một mục-đích : làm cho tất cả nạn-nhơn đều xuống thấp tinh-thần để cho các tướng địch bắt buộc các nạn-nhơn phải đầu hàng.

(1) Trong sách Documents pour servir à l'Histoire de Saigon, tác-giả viết nơi trang 16 rằng : " ngày 17 lúc vừa hùng sáng, tất cả tàu đều ở vị-trí của chúng nó : chiếc Phlégeon ở trước cửa (a), chiếc Primauguet, chiếc Alarme và chiếc Avalanche đi ở trước chiếc Primauguet, chiếc Dragonne, chiếc El Cano và chiếc Prétent đậu ngoài sau. Bên đầu hỏa-pháo còn chậm chạp, sau lại nổ càng phút càng có tốc-lực, luôn-luôn chính-xác đến đổi trong chốc lát hỏa-pháo bên địch ngưng mau lại, tuy rằng hỏa-pháo của địch có đi ngang qua những cột buồm của chúng ta " (b). Còn trên kia nói " Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây ". Vậy thì tan chợ còn sớm lắm vì mới " lúc vừa hùng sáng...".

(a) Cửa thành Bến-Nghé, hiện nay ở trước đường Cường-Đê dưới bờ sông Saigon.

(b) Jean Bouchot, Document pour servir à l'Histoire de Saigon, Saigon 1927, page 16.

Chiến-trận tả ra trong tám câu thơ trên đã diễn-tiến trong ngày thứ năm 17 tháng hai năm 1859 (1).

Cụ Đờ găm nghỉ lại chưa chống nổi thời-cuộc đi quá mau, nhưt là với giặc Pháp quá tàn bạo. Cụ mới rút lui về quê vợ ở xã Thanh-ba (a), huyện Cần-giוע.

Nơi đây cụ đã gầy dựng trường-ốc để dạy học.

Nhưng giặc Tây-dương còn canh cánh bên lòng Cụ, nên Cụ còn oán giận, còn buồn phiền mãi.

Có lẽ Cụ nghe nhiều điều cường-bạo, nhiều sự lộng-hành, nhiều cơn lam-dụng đã xảy ra hằng ngày, nên " Yên-sĩ-phi-lý-thuần " đến viếng Cụ, khiến Cụ buộc miệng ngâm bài bát-cú này :

### NGỰA TIÊU-SƯƠNG

Tiếng đồn ngàn dặm ngựa Tiêu-sương,

Làm đũa gian mưu nghĩ khá thương !

Giậm vô chẳng màng ăn cỏ Tổng,

Quài đầu lại hí, nhớ tầu Lương.

Chăng cho chủ khác ngồi lưng cõ,

Thà chịu vua ta nằm khớp cương.

(1) Ngày rằm tháng giêng năm Kỷ-mùi.

Ngày tháng năm trên bài do J. Bouchot, Documents pour servir à l'Histoire de Saigon, 1927, trang 16.

(2) Xã này nay không còn thấy trên địa-đồ Saigon, Gia-định và kế-cận.

*Ngựa nghĩa còn cưu nhà nước cũ,  
Làm người bợ phụ quê hương. (1)*

(Chép theo Nguyễn-dinh-Chiêm)

Hồi năm Canh-thân 1860 trở về trước, sĩ-phu và dân đen đều chưa biết chế độ dân-chủ là gì hết, thế nên tất cả đều chẳng đề-cập đến dân-chủ mà nói đến quân-vương luôn, và Cụ Đồ cũng không thoát khỏi thông-lệ ấy mà gọi bằng vua ta.

Lúc nào cũng như lúc nào, dân-chúng hình thành một khối bị-động, nhưng hữu tri hữu giác, hiền lành, trầm lặng. Hai cái tri, giác ấy cộng với sự hiền lành, sự trầm lặng ấy phải đôn-đốc, kích-thích, một khi có việc phải sử-dụng đến sức-lực họ vì họ cần người phát-khởi lên thì họ mới trở nên hoạt-động. Chắc chắn Cụ Đồ dùng văn-chương, dùng lời lẽ ngon ngọt để phần-khích các dân đen y như hồi hậu-bán thế-kỷ thứ mười ba Đức Thánh Trần Hưng Đạo dạy dân phải xam vào cánh tay hai tiếng Sát-Đát, lúc chống giặc Nguyên, hoặc là hồi mới thế-kỷ thứ sáu trước Tây-lịch, Việt-Vương Câu-Tiền dặn quần thần phải chực sẵn ở sân châu và khi Câu-Tiền đến thì hỏi thù cha đã trả đặng hay là chưa ?

Ý hẳn Cụ Đồ mô phỏng như vậy. Cụ phải kích-thích quần-chúng, chủ xướng cái thuyết « đầu quân diệt giặc » để dân-chúng hết lòng nhập ngũ.

Cụ suy nghĩ lắm, cho trí làm việc nhiều, tư-tưởng không ngừng. Cụ cô-động, thúc-giục, xúi bảo thanh-niên, tráng-dinh, nhi-nữ, phụ-nữ, tất cả người đều vô hàng ngũ dân-quân để đánh giặc Tây.

Sẵn có kim-ngôn « tinh vi nông, động vi binh », từ thuở trước năm

(1) Phan-văn-Hùm, Nỗi lòng Đồ-Chiêu, trang 46.

Có lẽ bài Hàn-luật này được Cụ Đồ làm ra lối năm Canh-thân 1860 hoặc là năm Tân-dậu 1861.

trong tiềm-thức của dân cày, Cụ khéo đánh thức câu ấy dậy, là có kết quả ngay.

Cụ Đồ khải-thác khía cạnh cảm-thù của dân-chúng miền Cần-Giuộc, Cần-Đước, Gò-Công, Rạch-Kiến, Rạch-Đào, Chợ Trạm đối với các binh sĩ Tây-dương và... và Ma-tà, Ma-ni (1) nên đến đêm rằm tháng mười một năm Canh-thân (2) nghĩa-binh đồng một lòng tấn-công địch-quân. Tây-binh giữ vị-trí già quá thành thử cướp trại không được, mà hại mạng dân-quân nhiều, nhưng đổi lại nghĩa-quân hạ-sát đặng một viên quan hai và nhiều tên lính khác của địch-quân.

Rồi tan trận đánh Tây, Cụ Đồ có hạ bút viết một bài văn-tế. Tôi xin trích ra nhiều câu trong bài ấy.

### TẾ NGHĨA SĨ CẦN-GIUỘC

*Súng giặc đất rền ; Lòng dân trời tỏ*

*Mười năm công võ rượng, xưa ất còn, danh nổi như phao ; Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất, tiếng vang như mõ.*

Nhớ linh xưa :

*Cui cật làm ăn ; Riêng lo nghèo khó*

*Chưa quen cung ngựa, đưa tới trường nhung ; chỉn biết ruộng trâu, ở theo làng bộ.*

Đọc đoạn trên đây, trí tưởng tượng của chúng ta hình-dung ngay những người dân quê mùa, chất phác, thật-thà như đóm. Hai bàn tay của những kẻ ấy chai ngắt, bộ tịch cục mịch, ai hỏi gì thì đáp lời bằng không thì ngậm miệng, chẳng biết vận-dụng lời lẽ đường mật văn-hoa chi cả,

(1) Kêu lính Tagals bằng Ma-ni vì là chúng ở xứ Phi-luật-Tân mà thủ-đô xứ ấy là Ma-ni (Manille).

(2) Thứ tư hai mươi sáu tháng mười hai, 1860.

nhưng tới lúc phần-ứt quá độ thì cũng tỏ ra thiện-chí đầu quân để trợ giúp diệt thù. Họ muốn tỏ can trường cho quân Tây-dương thấy rõ, để suy nghĩ bài học đi xâm-chiếm nước người.

*Việc cuộc việc cày, việc bữa việc cấy, tay vốn quen làm ;*

*Tập khiên tập súng, tập mác tập cờ, mắt chưa từng ngó.*

Cụ Đồ nghe rằng người Việt ta có ác-cảm sâu đậm chống Tây. Cụ Đồ đã khéo-léo khéo gọi sự thù hằn ấy bằng hai câu này :

*Bữa thấy bông-bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan ;*

*Ngày xem thấy ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ.*

Cụ đề-cập đến sự việc như vậy để treo gương cho người mai sau, vì trong tương-lai Nam-trào còn nhờ sức lực ấy nữa. Chiến-trận vẫn dang dai, liên-tục hết lớp người này ngã gục, thì còn hàng muốn kẻ khác tiến lên, nào sợ hết nhơn-lực, chỉ lo không có người đứng ra để vận-dụng khối nhơn-lực ấy mà thôi.

Can-đảm chống giặc, tự ý chống giặc, đó là câu thốt ra của muôn miệng như một. Vậy nên :

*Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình,*

*Chẳng thêm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ. (1)*

Vốn là dân chân chất làm ăn chớ không phải là bọn du thủ du thực, hoặc là bọn người hứa đó rồi quên đó, nên Cụ Đồ cử bút viết tiếp rằng :

*Khá thương thay !*

*Nào phải thiết quân cơ, quân vệ, theo vòng ở lnh điều binh ;*

*Chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ. (2)*

(1) Trên đầu bài văn-tế tới " ra tay bộ hổ " là trích trong Nguyễn-Bá-Thế, Nguyễn-Đình-Chiêu, trang 128-129.

(2) Phan-văn-Hùm, Nỗi lòng Đồ-Chiêu, trang 89.

Trên kia tôi đã nói võ-khí thô-sơ như dao phay, mác thông, độc, xà búp, toàn là khí giới trắng kèm thêm vài súng hỏa mai, nhưng với số đông dân-chúng cũng áp đảo được quân số kém, nhưt là quân số này lại đương cơn thất thế.

*Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ (1).*

Vậy là trừ dạng một mũi giặc.

Muốn cổ-xúy cho dân-quân mình đứng rời hàng ngũ, đừng phá hoại tinh thần đang hăng say giết giặc, mà trở lại đầu hàng địch quân, cụ Đồ hạ bút như thế này :

*Sống làm chi ở lĩnh mã-tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ (2).*

Đình-ninh cầm giữ dân quân ở trong rẫy trong ruộng chớ đừng thấy bánh mì là món chưa từng tới miệng nhà quê, rồi chạy theo để thỏa mãn tánh thực-dục, Cụ Đồ mới nói như trên kia để giới-ý các dân quân.

(1) và (2) Nguyễn-Bá-Thế, Nguyễn-Đình-Chiêu, trang 129-130. Hai ông Tô-Nam và Bùi-Quang-Tung dịch lại bài thơ bằc của Phạm-Tiến như vậy : " Còn từ ngày tháng 11, 12 đến giờ, các trận giao chiến với quân-đội Phú (a) ở hạt Tân-Long (b), Phước-Lộc (c), nghĩa quân từ trận mất 12 người tức ông Nguyễn-văn-Tá cụ hương thân, Đoàn-thiện-Giáo thầy đồ, và Trần-Thành-Ý, Trần-Hiền cùng viên ngũ-trưởng Trần-văn-Dó, đội-trưởng Nguyễn-Sinh, binh Lê-văn-Hạch, dân Lê-công-Nghiễn, Võ-văn-Phú, Nguyễn-văn-Bé, Nguyễn-văn-Lợi, Nguyễn-văn-Học, còn 6 người bị Tây bắt là : Tú-tài Lê-Thanh-Tê, suất đội Bùi-văn-Lô, đội-trưởng Trần-Nhượng, học trò Lê-Tôn-Đán, Lê-Tuấn và bang Quảng-Đông Hà-Quốc »

(a) Phú-Lang-Sa.

(b) Tỉnh Chợ-lớn.

(c) Huyện Cần-giước.

Trên đây là những người biết tên, còn dân-quân không biết tên chưa rõ là bao nhiêu ? Tô-Nam và Bùi-quang-Tung, Tinh hình ba tỉnh Nam-kỳ Tư-Đức năm thứ 16 (1863), Tập-san Sử-Dịa số 3, trang 147, 148.

Riêng về phần Tiên-sanh thì Tiên-sanh ghét giặc Tây-dương đã đành, còn các cộng-tác-viên với quân viễn-chinh Pháp mới là đối-tượng khắt ở nhưt, bi-đi nhưt của Tiên-sanh. Theo cặp mắt khiếm-thị của Tiên-sanh, nhưng lại là sáng-suốt nhưt hồi thời bấy giờ, những người ấy là « dữ theo đốm ăn tàn », hay là « theo voi hít bã mía », bọn người vô khả năng, mà còn nhiều phen lên mặt hồng hách với dân đen.

« Đối với kẻ trên, nhân-dân ba tỉnh đều gọi là lũ bạn nghịch, và muốn đốn đường giết đi, nhưng sợ Phan Lãnh-đốc (1) biết chuyện lại sức cứu xét lỗi thời nên không dám làm » (2).

Xem thế, người ta cảm thấy rằng hồi bấy giờ dân-chúng ghét cay, ghét đắng các cộng-sự viên với Pháp. Dân đen cho những người ấy là « rước voi về bê mặng làng ».

Bỗng đâu lại có mưa lớn, nước lụt. Thế là Tiên-sanh tức cảnh Nước lụt với bài Hàn-luật sau đây :

### NƯỚC LỤT

*Mưa từ chặng, gió từ hồi,*

*Thế-giới bao nhiêu nước khoả rồi,*

*Lũ kiến bắt tài đòi chỗ khắp,*

*Củ rêu vô dụng kết bè trôi.*

*Lao-xao cụm lược (3) nghe chim óng,*

*Lòm-xòm giởng cao thấy chó ngồi.*

*Nỡ để dân đen trên gác yếu,*

*Nào vua Hạ Võ ở đâu ơi!*

(Chép theo Nguyễn-đình-Chiêm)

(1) Phan-Thanh-Giân.

(2) Trích trong tập-san Sử-địa số 3, trang 148.

(3) Lược, là biến âm của chữ lục, màu lục (xanh). — Lời chú-thích của Phan-văn-Hùm.

Tôi chắc là Tiên-sanh đặc ý làm với câu trạng đầu :

*Lũ kiến bắt tài đòi chỗ khắp,*

và cũng hãnh diện đặc-biệt với câu luận thứ nhì :

*Lòm-xòm giởng cao thấy chó ngồi.*

Đang con tức giận mà người ta mắng, rủa được kẻ nào mình muốn mặt sát đó, dầu bằng văn-chương êm đẹp, cũng là một cách để vuốt giận của mình.

Ở đây Cụ Đồ-Chiêu ở trong trạng-thái của người đang hân-học, bỗng nhưn việc lụt, mà nói lên những bực dọc của mình đối với lũ cộng-sự viên của binh Pháp, thì thật là thỏa chí vậy.

Cụ Đồ được nổi tiếng tăm hơn, người hậu-thế tôn-sùng Cụ như bực Thái-Son, Bắc-Đầu trong làng thơ, hơn Huỳnh-Mẫn-Đạt, hơn Tôn-Thọ-Trường, hơn Phan-văn-Trị là vì Cụ thác lời người trong truyện, mà tỏ ý khí khái của Cụ, tiết-tháo của Cụ đối với sự việc xảy ra lúc bấy giờ.

Trong tập trường-thiên Dương-Từ Hà-Mậu lúc Dương-Từ đập lên thuyền của ngư-phụ đi qua sông, Ngư-ông có đề-cập đến việc của các người hiền tài như vậy :

*Ngư rằng : « Xưa đấng hiền tài,*

*Lập thân, há chẳng biết tài bảo thân ? »*

*Dầu vinh cũng tiếng nhưn thân,*

*Trầu cây ngựa cỡi cái thân ra gì ?*

*Chớ ăn lộc nước đời suy,*

*Bấy chim lưới thỏ, e khi mắc nạn,*

*Trối ai ra sức mường sẵn,*

*Một mai hết thỏ cộp ăn tới mình. (1)*

(1) Phan-văn-Hùm hiệu-đinh, Nguyễn-đình-Chiêu tác-giả, Dương-Từ Hà-Mậu, Tân-Việt xuất-bản, Saigon, ngày 15-7-1964, trang 59.



Câu chót này Cụ ngụ ý nói « Đặng chim bê nã, đặng cá quăng nôm » đó. Nhưng sự đời không phải trôi chảy theo lời Tiên-sanh tiên-tri mà có khi trái ngược hẳn lại. Bằng chứng là Đốc-phủ sứ Tôn-thọ-Trường đặng vinh thân cho đến khi từ lộc.

Đến tột độ sự sung-sướng, sự hãnh-diện cho Nguyễn-Đình-Chiều là cặp lục-bát sau đây :

Hưởng ta là kẻ không ngại,  
Tài chi sửa gỏi làm tôi nước loạn (1)

Theo chí binh-sanh của Cụ Đờ nói ra đặng cặp lục-bát trên đây rồi, dẫu có bị hành-hình cũng đẹp dạ lắm, vì Cụ đã tuyên-bố lên đây lòng của Cụ, trong lúc đó thì cả triệu người chỉ là loại thất-phu ù-ù cạc-cạc nói chẳng nên lời.

Mãi mê đề-cập đến thi-văn Tiên-sanh mà lãng quên dân-chúng binh-dân.

Lúc này dân-chúng rất cương-quyết, không chịu khuất-phục dưới sức tàn bạo của binh-sĩ Pháp, mặc dầu quan binh này có dùng đến cực-hình nào, và vận-dụng hết cam-ngôn mỹ-từ cũng thế.

Không có chi xác-thực và hùng-hồn cho bằng trưng ra một bằng-chứng này.

Hải-quân Trung-trưởng Charner kính gởi cho Ông Bộ-trưởng Bộ Thủy-quân ở Pháp-quốc.

« ... Thông thường người mình tưởng rằng các vị quan Nam-trào là những tay chuyên - chế đáng thù ghét của dân - chúng và người Việt-Nam tỏ ra sốt ruột đề tháo ách của các vị quan trên đây. Dự-luận ấy sai lầm. Thiêm-chức bảo ông Hải-quân Thiệu-tá kiểm thanh-tra bần

(1) Phan-Văn-Hùm, Nỗi lòng Đờ-Chiều, trang 78.

xứ sự-vụ là Aubaret hỏi cả ngàn người Việt-Nam, và thiêm-chức bảo những viên-chức khác nói rành rẽ tiếng Việt-Nam tra vấn dân-chúng thì người Việt trả lời một cách không thay đổi rằng các vị quan của chúng công-binh và cai-trị hiền từ.

Chúng ta đừng có ảo-tưởng. Nếu trong những vùng này dân-chúng chịu sống dưới uy-quyền của chúng ta, độc-nhất là tại các võ-khí của chúng ta có thanh thế hơn súng ống của họ mà thôi. Cảm-tình của dân chúng Việt đối với chúng ta là không có, mặc dầu chúng ta cố gắng đối-đãi họ với sự hảo ý và cải-thiện đời sống của họ...» (1).

Nửa câu ở câu sau là chân-tình vì bức thơ phúc-trịnh sự thật bên Việt-Nam kính đê về Bộ-trưởng Bộ Thủy-quân Pháp, nhưng Pháp khác nòi giống với Việt thì thương yêu cùng nhau, hợp-tác cùng nhau giữa người thống-trị và người bị trị thế nào cho đầm-ấm nòi. Cuộc hôn-nhơn gượng ép rồi thế nào cũng ly dị. Mà thật vậy như chúng ta đã thấy rồi.

Kịp đến ngày năm tháng sáu 1852 (2), hòa-uớc bất-bình-đẳng giữa Pháp—Tây-ban-nha và Việt-Nam ra đời.

« Từ khi Lãnh-đốc họ Phan (3) và quan Lãnh-phủ (4) cùng vào Gia-định ký hòa-trước xong, ra lệnh triệt-hồi các quan từ trước vẫn ngầm hoạt-động ở các thôn-xã, làm cho sĩ-phu khắp hạt, gào khóc như mưa, nhưng mà ai nấy vẫn phải vâng theo mệnh-lệnh triều-đình... » (5)

(1) Trích lục bức thơ đê Saigon ngày 28-8-1861 của Hải-quân Trung-trưởng Charner, Chỉ-huy-trưởng đạo quân viễn-chinh Pháp—Tây-ban-nha, coi Archives de la Marine BB 4795 - B.S.E.I., La succession de Thiệu-Trị par Bùi-Quang-Tung, Nlle Série, Tome XLII. 1er et 2è trim. 1967, page 105, renvoi 4.

(2) Ngày mùng chín tháng 5 năm Nhâm-Tuất (Ty-Đức năm thứ 15).

(3) Phan-thanh-Giản.

(4) Lâm-Duy-Hiệp.

(5) Tập-san Sử-địa số 3, trang 146.

Độc đến đây ai cũng rõ biết là dân-chúng Việt hồi bấy giờ có cái tâm-ý nào, như là sĩ-phu. Giới sĩ-phu lãnh-đạo khối quần-chúng dân đen mà giới ấy « gào khóc như mưa » thì dân đen ắt buồn nảo.

Còn Nguyễn-đình-Chiều, cây nêu, cây vọt của dân-chúng Việt hồi bấy giờ, Cụt lại như ai xé lòng, như bàn tay vô hình dầy vô trái tim.

Vì vậy nên Tiên-sanh mới có bài thơ Xúc cảnh.

*Cây cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông,  
Chúa xuân đâu hỏi, có hay không ?  
Mây giăng ải bắc trông tin nhạn,  
Ngày xửa non nam bật bóng hồng.  
Bờ cõi xưa còn chia đất khác,  
Nắng sương nay dễ đội trời chung.  
Bao giờ thánh-đế ơn soi thấu,  
Một trận mưa nhuần rửa núi sông. (1)*

(Chép theo Nguyễn-Đình-Chiêm)

Tuy là chiến-đấu trong điều-kiện hết sức khó-khăn chật-vật, nhưng lòng ái-quốc của dân chúng không khờn mé chút nào.

Quần-chúng binh-dân có mỗi một tâm-niệm là làm sao trả lại cho Vua Việt những đất đai mà người Pháp đã ngang nhiên chiếm. Theo họ, nước Pháp vô cớ xâm-lăng bờ cõi quốc-gia Việt là hành-động thảo-khấu, nhưng họ không nhận-chân rằng nhược-quốc khó đối-thoại với cường-quốc, huống chi hồi bấy giờ, quốc-gia Pháp là hùng-cường trên đời sống quốc-tế.

Nhiều lúc, vì tình-thế cường-bách, dân đen không tên tuổi, phải hi-sanh cho đại-nghĩa quốc-gia, đề tỏ cho kẻ xâm-lăng biết là khó thể chiếm-cứ được quốc-gia Việt.

(1) Phan-văn-Hùm, Nỗi lòng Đồ-Chiều trang 47.

Có lẽ bài thi này viết ra sau ngày mồng chín tháng Năm năm Nhâm-Tuất (5 luin 1862) tức mùa đông năm ấy là cùng.

Như câu chuyện sau đây :

Ngày 24, 25 và 26 tháng hai năm 1863 (1), tại Rạch-Già, Gò-Công, một Thiếu-tá Pháp tên là Vergne câu-lưu đặng hai anh em người Việt. Vergne buộc họ phải đổi lấy mạng sống của họ, một khi họ chỉ chỗ trú ẩn của các lãnh-tụ nghĩa-quân, bằng ngược lại, họ chỉ sai, họ sẽ bị bắn. Hai anh em thuận lời. Họ giắt đi, song họ cố ý làm lạc hướng các binh-sĩ Pháp. Đến chiều về, không bắt đặng lãnh-tụ nào hết.

Qua sự thông-dịch, Vergne hỏi họ như vậy :

— Chúng bây biết vị-trí như chúng bây đã thú thiệt.

— Chúng tôi đã rõ vậy.

— Ta đã giải thích hết sức tỉ-mỉ, nơi nào và cách nào để giắt dẫn lính của ta. Bây tỏ bày đã hiểu hết.

— Chúng tôi hiểu rõ.

— Ta có nói như vậy : « Nếu bây dẫn lính ta trúng đường đi, ta cho chúng bây an-toàn, nếu bây dẫn lạc, bây sẽ bị bắn ? »

— Ông có hứa vậy.

— Bây cố ý dẫn lính của ta lạc lối trong bưng.

Hai thiếu-niên hàm thỉnh.

— Trước khi đi, ta đã nói rằng chúng bây sẽ bị bắn, nếu chúng bây sẽ là hướng-đạo bất trung-thành ? Trả lời đi !...

— Ông có cho hay như vậy, người anh cả đáp lời, sau khi do dự một chút.

— Vậy bây chịu bắn ?

— Chúng tôi sẵn lòng.

Thần nhiên, người Nam kỳ đáp lời với sự nhẫn-nại phương Đông

(1) Nhâm những ngày mồng 7, mồng 8 và mồng 9 tháng giêng năm Quý-Hợi.

Thấy cuộc thăm-vấn chấm dứt, hai người Việt-Nam chào.

Vergne bảo một viên cai lính, người Al-gê-ri :

— Kêu bốn người lính, và bắn hai tù-binh ấy sau trại.

Viên cai ra dấu cho hai người Việt-Nam, hai người này theo sau, một loạt súng nổ rập, báo cho biết là xử bắn rồi.

Day qua, chúng tôi, gương mặt đỏ rần, Thiếu-tà nói :

— Đây là những người anh hùng... Có thể, xứ Hy-lạp dựng tượng hình cho các người ấy... còn tôi, tôi phải xử bắn họ.

Theo nguyên-tắc thì Vergne chẳng thương xót ai, nhưng bầm-tánh người không tàn-nhẫn ; sau một lúc im lặng, dường như để vuốt ve lương-tâm, ông ta lặp lại định-thức thích nhứt của ông : « Chiến-tranh là chiến-tranh... Nó càng tàn-bạo, càng mau kết liễu, có lợi cho người thắng cũng như kẻ bại » !

Sáng sớm ngày sau, đứng nơi pháo-hạm, chúng tôi thấy xa xa, một tấm ván đóng dính vào một cây sống ở trên bờ, viên thông-ngôn dịch lại cho chúng tôi biết như vậy.

Tất cả dân-chúng tỉnh Gò-Công đồng-thanh truyền-ngôn thế này (1).

Khi chánh-phủ của Vua ta không tồn-tại ở phần đất này, chúng ta ta đau khổ như đứa hài-nhĩ mồ-côi cha mẹ.

Xứ các người ở về Tây-dương, quốc-gia của chúng ta ở về Đông-hải.

• • • •

Sự tri ân buộc chặt chúng ta với nhà Vua của ta, chúng ta trả thù tất cả những si-nhục đối với Vua ta hay là chết vì đế-vương của chúng ta. Nếu các

(1) Chúng tôi xin phép bạn đọc lược bỏ những đoạn không quan trọng.

người tiếp-tục đem sắt lửa gieo rắc cho xứ sở chúng ta, thì sự lộn-xộn còn dai dẳng ; nhưng chúng ta tùy theo Thiên-luật mà hành-động, cái nghĩa của chúng ta sẽ thắng.

Nếu các người muốn có hòa-bình, hãy trả lại lãnh-thổ của Vua chúng ta ; chúng ta chống các người vì mục-dịch ấy.

• • • •

Nhưng, nếu các người từ-chối, chúng ta chiến-đấu không ngừng để vung theo Thiên-chí. Chúng ta kiêng giá-trị của các người, song chúng ta sợ lòng Trời nhiều hơn thế-lực các người. Chúng ta thệ-nguyện sẽ đánh mãi và không ngừng. Khi chúng ta thiếu-thốn tất cả, chúng ta sẽ bẻ nhánh cây làm cò và gậy gộc để làm khi-giới cho quân lính của chúng ta. Hỏi vậy làm sao các người sống giữa chúng ta ?

Chúng ta yêu-cầu các người chú-y đến bản tuyên-ngôn này và chấm dứt một trạng-thái có hại cho quyền-lợi đời bên (1).

Hồi này, ở Gò-Công, Binh-Tây Sát-Tả tướng-quân Trương-Công-Định còn đang quyền-hành.

Bạn đọc ngó thấy gương hi-sanh của hai người Việt không biết tên tuổi Mẩu chuyện hi-sanh rất cảm-động và rất cao quí là ở chỗ nặc-danh ấy. Bản tuyên-ngôn trên đây cũng chứng tỏ rằng dân-chúng đã hết lòng với Vua. Gọi nhuần tận xương tủy những học-thuyết của Khổng-phu-tử, dân-chúng rất trung-thành với quân-vương, hiếu với phụ-mẫu, từ hơn bốn chục thế-hệ về trước.

*Trai thời trung hiếu làm đờ,*

*Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

(Lục-Vân-Tiên về thứ 5 và thứ 6)

(1) A. Despois et Mme Labérenne, Lectures morales, trang 377, 378 và 379.

Trại không trung hiếu là loài phản nghịch, tồi loạn, con giặc, gái không tiết hạnh là đứa không đứng đắn, hạng « lá gió cành chim ».

Không-phu-tử có khuyên như vậy và Cụ Đồ thông-ngôn lại như thế. Hai tiếng trung, hiếu đã được lồng vô khuôn thép vàng rồi, thêm lúc bấy giờ người Pháp võ-hiệp về vật-chất và tinh-thần Vua Tự-Đức, thế nên tình thương của dân đen đối với bực vương-giả ấy càng thấm thía thêm lên.

Hồi bấy giờ, trong hàng ngũ Tây-dương đi chiếm thuộc-địa có Trung úy chiến hạm Guys. Trung-úy hiệp cùng Huỳnh Công-Tấn (1) di-chuyển trên chiếc l'Alarme, và theo dõi những hành-động của Trương-công-Định.

Một buổi sáng các thủy-thủ dưới pháo-hạm bắt gặp trên chót một cây sào cắm trên bờ sông một bức thơ gởi cho Hải-quân Thiệu-tướng (2). Có một đoạn nói về sự bền chí của quần chúng Việt-Nam.

« Các người có đồng-lực, nhưng ít người; mỗi ngày vài người lính của các người ngã quỵ dưới sự phục-kích của chúng ta; bệnh rét cũng ở một bên chúng ta để chiến-đấu chống các người và nó bù lại sự khiếm-khuyết vô-khí của chúng ta. Chúng ta ở xứ chúng ta, chúng ta được lợi thể hơn các người; chúng ta vẫn đợi chờ và người Việt-Nam kiên nhẫn lắm. Hãy từ bỏ một cuộc xâm chiếm không thể được, hãy qui-hoàn đất-đai lại cho chúng ta và lúc bấy giờ chúng ta rất hân-hạnh tiếp rước các người Pháp như bằng hữu của chúng ta vậy » (3).

Dân-chúng Việt kiên-nhẫn có thừa và còn những đức tánh khác, nhưng

(1) Huỳnh-công-Tấn, một người phụng-sự dưới cờ của Trương-công-Định, sau sang qua hàng ngũ Pháp, trở thành một cộng-sự viên đặc-lực của Pháp-định.

Độn Am văn tập mà Sử-dịa số 3, trang 108 đã in-hành, gọi là Đồ-Tấn.

(2) Ngày chúa-nhật 30 tháng chạp năm 1861, Hải-quân Trung-tướng Charner trao quyền cho Hải-quân Trung-tướng Bonard. Ở đây chỉ Bonard.

(3) Dịch theo bài La France en Cochinchine III, tạp-chí Revue du Monde colonial, asiatique et américaine, Avril 1864, Paris, trang 395, 397.

sự thật đã đính-chính lại một cách phủ-phàng, tàn bạo, như chúng ta đã ngó thấy trong tám chục năm qua.

Kịp đến đêm 19 rạng 20 tháng tám năm 1864 (1) có người mật-báo với Tấn rằng Định về làng Kiềng-phước.

Tấn chỉ-huy một số người dưới tay, âm-thầm, bao vây vị-trí của Định và hai mươi lăm người thuộc-hạ. Năm đó tới bình minh, Tấn mới dậy và nộị bọn ào vào nhà.

Quản Định và các người tâm-phúc chống trả kịch-liệt như những anh-hùng. Họ chen nhau ra, Quản Định ở giữa đám người ấy và suýt thoát khỏi. Tấn chia súng sáu bắn ngay Định và hô lớn cho các mã-tà bảo nhả đạn, mặc dầu Tấn có ý bắt sống Định. Một viên đạn trúng đích, Định bị gãy xương sống té xuống đất. Năm thầy chết trong số ấy có Quản-Định, vô-khí và tài-liệu đều bị Tấn lấy được.

Xác của Quản-Định được đem về Gò-Công và để cho công chúng xem và nhìn biết... (2).

Hung-tín này bắn ra vừa đến tai Cụ Đồ-Chiều như sét đánh giữa mùa nắng. Chắc chắn là Cụ sùng-sờ, rồi tạt lưỡi than thẳm.

Có thể Cụ có làm lễ truy-diệu Trương-Công-Định. Ông này có cảm-tình đặc-biệt với Cụ Đồ. Một lần Công-Định có yêu cầu Cụ giúp Bộ Tham-mưu, nhưng Cụ thối thác vì lẽ Cụ bị khiếm-thị. Bởi lẽ ấy, nên Cụ Đồ xem Trương-Công-Định là bực tri-ký.

« Tuy thế mỗi khi có việc chưa thông, Trương-Định cũng cầu mưu « hỏi ý nơi ông Đồ. Nguyễn-Định-Chiều có lần khuyên Trương-Định nên « dâng chiếu Vua, lui binh tìm đất hiểm » (3).

(1) Mười tám rạng mười chín tháng bảy năm Giáp-tí.

(2) Phỏng theo Paulin Vial, Les premières années de la Cochinchine, trang 321, 322.

(3) Phan-vân-Hùm, Nỗi lòng Đồ-Chiều, trang 26, hàng 14 tới 18.

Về phần dân-chúng lại nằng nằng quyết một lưu Trương Định ở lại Gò-Công. Thế nên Cụ Đồ mới có hai cặp đối rằng :

. . .

*Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền ;  
Theo bụng dân phải chịu tướng-quân phù, gánh vác một vai khên ngoài.  
Gồm ba tỉnh dựng cờ phản nghĩa, si-phu lắm kẻ vui theo ;  
Tóm muôn dân gầy sỏ mộ quân, luật lệnh nào ai dám ngại (1)*

Lúc bấy giờ, dân đen cương-quyết chống Pháp, nên Trương-Công-Định phải đáp ứng ý đình chống Pháp của dân đen. Nếu ngược lại thì Trương-Định đã đi phó-nhậm ở An-hà, thoát khỏi cảnh chết một cách đột-ngột.

*Cuộc trung-ngĩa hai năm làm đại-tướng, nhọc nhằn vì nước, nào khờn  
tiếng thị, tiếng phi ;*

*Cõi An-Hà một chức chịu lãnh binh, lây lất theo thời, chưa chắc đâu thành  
đau bại (2).*

Lúc này, dân-tâm đang hướng về người thủ-lãnh. Nếu vị này đi nơi khác có thể ảnh-hưởng kháng chiến suy giảm rất nhiều và có khi đến tan rã hàng ngũ, hủy diệt cả dân-chí. Thế nên họ cố lưu Trương-Định ở lại Gò-Công, mặc dầu Định đã vưng lời Trào-đình Huế. « ... Ông Định thì thu xếp cho vợ con đi trước riêng mình ở lại kiểm-điểm các việc rồi

(1) Dề người, lời chú-thích của Phan-Văn-Hùm.

Theo tôi đoán, bài này có lẽ viết ra trong vòng một tuần lễ sau, từ mười chín tháng bảy năm Giáp-tí tới hai mươi sáu tháng bảy Giáp-tí là cùng, nghĩa là thất nhựt thứ nhất, theo nghi lễ Việt-Nam (20 tháng tám 1864 — 27 tháng tám 1864).

(2) Phan-Văn-Hùm, Nỗi Lòng Đồ-Chiều, trang 101.

mới rút sau, nhưng khi đó các người hào nghĩa không muốn giải-tán cố giữ ông ở lại, họ bàn-luận với nhau rằng quân Tây luôn luôn bị bại (1), nếu ngày nay để chúng đắc chí tự-do hoành-hành thì chúng ta sẽ phải làm mồi cho chúng, và lại cuộc hòa này chúng lấy binh-lực ăn hiếp triều-đình chớ đâu phải là thực bụng ? Chắc gì mai đây chúng chả trở mặt tức thì ? ? ? Sau khi hòa-trước đã định chúng ta còn biết trông cậy vào đâu ? Chi bằng cứ việc tiếp tục kháng cự. Cố thủ lấy một miếng dề mà đùm bọc lấy nhau vân vân...» (2).

Xem trong Độn Am văn tập thì biết là các người hào nghĩa và cố nhiên là có quần-chúng binh-dân đều thật một lòng lo việc cự địch chống bọn Tây-dương.

Sau bài văn-tế Trương tướng-quân, Cụ Đồ có làm mười hai bài Hàn-luật, liên-huần, tỏ ý thương tiếc một bực tài-ba dám đứng tiền-phong trong cuộc kháng-chiến chống Tây-dương.

Ở đây e nói trích ra đầu dề, nên tôi xin kể ra một bài trong mười hai bài.

## IX

*Tướng-quân đâu hỡi có hay chăng ?*

*Sáu tỉnh cơ đồ, nửa đã ngăn.*

*Cám nổi kiến-ong ra sức đẹp,*

*Quân bao sáu-một chịu lời nhặng.*

*Đá kêu rêu mọc bia Dương Nghiệp,*

(1) Câu nói này dề khích-lệ dân-chúng, chớ quân Tây-dương đã thắng trận Kỳ-hòa năm 1861 (Tân-đậu), mà trận này là then chốt.

(2) Nguyễn-Thông, Độn Am văn tập, dịch giả Tô-Nam và Bùi-quang-Tung, Tập-san Sử-địa số 3 đăng lên, trang 104.

*Cô úa hoa tàn mà Lý Lăng (1) ?*

*Thôi vậy thôi vậy, thôi cũng vậy,*

*Anh-hùng đến thế để ai dân ? (2).*

Trương-công-Định qui thần, nhưn dân Gò-công và Lục-tinh mất kim-chi-nam. Chắc chắn cuộc kháng-chiến chống Pháp hạ độ lần lần.

Lúc này Cụ Đồ-Chiều mắc lo dạy học, nên không thấy Cụ sáng-tác thi-văn chi hết ?

Lối tháng ba năm 1866, nghĩa-quân phát ra những tờ hịch kêu gọi dân-chúng vùng dậy, họ nói có Nhựt-bồn giúp sức để đánh đuổi Pháp-quân ra khỏi xứ Việt-Nam. Nhưn hôm chúa-nhựt hai mươi lăm tháng hai năm 1866 (3) một sứ-bộ thứ nhứt của Nhựt-bồn đi qua Âu-châu để thắt chặt tình hữu-nghị Nhựt với các quốc-gia Âu, sứ-bộ ấy đi trên chiếc tàu Pháp và ghé ngang qua Saigon (4).

Đây cũng là một dịp để nghĩa-quân tuyên truyền trong dân-chúng hầu tạo một xúc-động tâm-lý để chấn chỉnh hàng ngũ, thúc chặt hạ tầng cơ-sở đã coi mờ muốn lỏng lẻo và có cơ rã rời, từ ngày có hung-tin Trương tướng quân thọ hại.

Cụ Đồ-Chiều nghe ngóng việc nhưnong ba tỉnh miền Đông cho Pháp mỗi ngày một ăm lần. Pháp-đình cai-trị thành nếp rồi.

Còn lại ba tỉnh miền Tây là khỏi gót giày xâm-lãng của lính sơn-đá Pháp.

(1) Lý Lăng : *Tướng đời Hán-Vô-Đế, năm 99 trước Tây-nguyên đánh Hung-nô, kiết ực phải qui hàng.*—Lời chú của Phan-văn-Hùm.

(2) Dân : dân thức.—Chú-thích của Phan-văn-Hùm.

(3) Ngày mười một tháng giêng năm Bình-dần.

(4) Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine.*

Có lẽ trí khôn của Cụ mách cho Cụ biết vậy nên Cụ về Ba-tri để thoát móng vuốt của « kẻ thù không đội chung trời » với Cụ.

★

Đề kết-luận cho bài « Tâm-lý dân-chúng xuyên qua các bài văn-từ và thi-văn của Cụ Đồ-Chiều », chúng tôi thấy rằng lúc mới khởi thủy dân chúng rất ngờ ngạc, tiếp đến lo nghĩ, hồi hộp lâu dài về việc Pháp-quân xâm-lãng quốc-gia Việt-Nam. Trán tình lại được do hạng sĩ-phu lãnh-đạo, và nhứt là do văn-chương lưu-loát và có khí-vị tranh đấu của Nguyễn-đình-Chiều, dân chúng lần lần phục-hồi tinh-thần và kiếm nhiều nguyên-diêm để kháng chiến, như tìm Trương-công-Định ở Gò-Công, Thiên-hộ Dương ở Đồng-tháp-mười, Phan Tôn, Phan-Liêm, Phan-công-Tòng ở Bến-tre, Nguyễn-Trung-Trực ở Rạch-Giá Người người đều lũ lượt vô hàng ngũ nghĩa-quân để lo chống giặc Pháp. Chúng ta lại sẵn có ý-thức « tinh vi nông, động vi binh » làm nên mong từ lâu đời rồi, nên hễ có lời kêu gọi dân chúng là dân gian đáp ứng ngay. Họ ra ứng nghĩa là họ biết một mắt, một còng, họ chấp nhận như vậy. Họ không ngần ngại hi-sanh và họ có hi-sanh cho chánh-nghĩa quốc-gia. Họ rất cương-quyết, rất « cứng đầu », nói theo điệu phổ-thông, Người Pháp có dùng lời đề tra-vấn dân đen, thì dân đen đều trả lời là rất bằng lòng sự cai-trị của các quan, rồi dẫu cho quan Pháp có nguy-luận cách nào chơn-lý cũng là chơn-lý. Về sau tuy cuộc đề-kháng tàn lụi lần lần, quần-chúng cũng có thái-độ « diệp phục tâm bất phục » nhà cầm quyền Pháp. Nhiều bằng chứng và rất hùng-biện cho năm tiếng trên đây, như là đảng Cần-Vương, Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Việt-Nam Quang-Phục Hội, Gilbert Chiểu, Thiên-địa Hội miền Nam Việt-Nam, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, Việt-Nam Cách-Mạng Đông-Chi-Hội, Tân-Việt Cách-Mạng Đảng, Hội Kim Nguyễn-An-Ninh và Phan-Văn-Hùm.

Về đảng chánh-trị thiên về tôn-giáo, chúng ta phải kể Cao-đài giáo, Phật-giáo Hòa-Hảo.

Bao nhiêu mặt-đăng hoặc Phật-giáo-phái công-khai trên đây chứng tỏ cho thế-giới rõ là dân-tộc Việt-Nam có ý thức tồn tại với năm châu.

### SÁCH, TẠP-CHÍ DÙNG ĐỀ KHẢO-CỨU

— Phan-Văn-Hùm, Nỗi Lòng Đồ-Chiêu, Tân-Việt xuất-bản, in lần thứ hai, ngày 15-12-1957.

— Nguyễn-Bá-Thế, Nguyễn-Đình-Chiêu, Tân-Việt xuất-bản, Saigon 1957.

— Phan-Văn-Hùm hiệu-định, Nguyễn-Đình-Chiêu tác-giả, Dương-Từ Hà-Mậu, Tân-Việt xuất-bản, Saigon ngày 15-7-1964.

— Tập-san Sử-Địa số 3, Đặc-khảo về Trương-Công-Định, xuất-bản ngày 17-9-1966, in tại nhà in Việt-Hương, 34 đại-lộ Lê-Lợi, Saigon.

#### Sách Pháp-văn :

— Jean Bouchot, Documents pour servir à l'Histoire de Saigon, Imprimerie A. Portail, Saigon, 1937.

— A. Despois et Mme Labérenne, Lectures morales, Imprimerie Delagrave, 15 rue Soufflot, Paris.

— Paulin Vial, Les premières années de la Cochinchine, Tome I, Paris, Challamel Aîné éditeur, 1874.

#### Tập-san Pháp-ngữ :

— Bùi-Quang-Tung, La succession de Thiệu-Trị, B.S.E.I., Nouvelle Série, Tome XLII, 1er et 2è trimestre 1967, page 105.

— La France en Cochinchine III, tạp-chí Revue du Monde colonial asiatique et américaine. 6è année, 2è série, No 4, Tome XIème, Avril 1864, Paris, 3 rue Christine sous le direction de M.A. Noirot.

— Địa-đồ : Sài-gòn — Gia-Định và kế cận

### TRẦN-CỬU-CHẤN

Tiến-sĩ Văn-chương

Giáo-sư Đại-Học Vạn-Hạnh

## cảnh trí trong truyện « lục-vân-tiên »

Truyện « Lục-Vân-Tiên » dường như có mục-tiêu chính là hấp-dẫn lòng trí độc-giả bằng cách sắp đặt khéo léo các tình tiết trong truyện hoặc đề cao tinh-thần và đạo-đức con người.

Nhưng trải qua bao nhiêu giai-đoạn giống như trong thiên anh-hùng-ca, ta nhận thấy có lúc tác-giả cho hé mở trước mắt những cảnh thiên nhiên đầy màu sắc khi mờ khi tỏ khiêu lên mỗi cảm-động sâu xa.

Mỗi cảm-động trước phong-cảnh được bày vẽ ra ở đây chẳng phải như bức thủy họa mà nét hình phối-hợp hoàn toàn với màu sắc trong vạn-vật, tức là một bức tranh trong đó chi-tiết của hiện-tượng được bao phủ trong màn kín sương mù thưa thớt.

Đặc-điểm ấy do bệnh-tật của Đồ Chiêu trong lúc già yếu bị mù hai con mắt không được xem thấy ánh mặt trời sáng ngời và vui tươi nữa.

Giữa bao nhiêu quang-cảnh trong truyện « Lục-Vân-Tiên » ta nhận thấy cảnh đêm là quan trọng nhất, vì tác-giả dường như có một chiều hướng riêng về buổi đêm với những màu sắc mờ mờ và nét tranh lu lạt dưới con mắt người mù quáng.

Vì thế vạn-vật chỉ là bầu không-khí bao la đặt trong một vũ-trụ vô tận, có thể cảm-tưởng được hơn là thấy trước mắt, giống như cái gì cao-siêu, trừu tượng, như sinh-vật mà không xác thịt, không hình-thề.

Tác-giả không tả một cảnh nào như ta thường xem trong « Đoạn Trường Tân Thanh » của Nguyễn-Du tiên-sinh hay trong « Chính Phụ Ngâm Khúc » của dịch-giả Đoàn-thị-Điềm. Toàn là cảm tưởng sự gì mà trong thực

tế ngũ-quan không thấu qua được, chỉ khiêu gọi bằng cái gì mà con mắt trông thấy được nhờ cái bóng chiếu trên một khuôn viên-ảnh khi xuất khi ẩn.

Khéo thay cho cái tài-hoa tuyệt diệu chuyên vẽ ra những ngoại-vật mà con mắt không trông thấy hoặc từ thế-giới mộng-mị mà phát-lộ ra bao nhiêu hình sắc linh-động và mỗi cảm-tình nào nùng !

Thi-vị của cảnh thiên nhiên do cảm-tưởng từ lòng trí khách qua đường bị xúc-động mà phát ra, ở giữa cảnh-trí hùng vĩ hay hoang vu, khi trào non vượt núi rậm rạp đầy tiếng lao xao kỳ quái.

*Trải qua dấu thỏ đường dề,*

*Chim kêu vượn hú từ bề nước non (1).*

Khi trước cảnh ngoạn-mục làm tâm-hồn thơ thới và khoái-lạc như giấc mộng-xuân trong thiên-đàng ở cõi thế :

*Trải qua thủy tú sơn kỳ,*

*Phi lòng cá nhảy gặp thì rồng bay.*

*Người hay lại gặp kiềng hay,*

*Khác nào tiên tử chơi rày Bồng-Lai (2),*

Dầu sao thi-sĩ thích dùng bút-thần linh-động và đơn-giản mà tả cảnh đêm với những âm-điệu nhiệm-mầu, hình thể mơ hồ của vạn-vật, bóng sáng mập mờ của mặt trăng trong đám mây xanh, bầu trời bát ngát đầy tinh tú lấp lánh xa trông.

Đây một cảnh đêm mà sự vật im lặng và bóng tối u ám gây ra một niềm riêng khó tả nổi, dường như có một vẻ huyền-bí bao quanh mọi việc :

*Đêm khuya lộng lẽ như tờ,*

*Nghinh ngang sao mọc mặt mờ sương bay (3).*

(1) « *Lục-Vân-Tiên* », câu thơ số 249-250.

(2) *id* , câu thơ số 421-424.

(3) *id* , câu thơ số 937-938

Mặt khác có mỗi cảm-động lạ-lùng xuất ra trên mặt biển man mác bao trùm vào bóng tối đêm khuya như trong tấm trướng nặng trĩu, với tiếng sóng vỗ âm âm ngoài khơi :

*Mênh mông biển rộng đùng đùng sóng xao.*

*Đêm nay chẳng biết đêm nào,*

*Bóng trắng vặc vặc bóng sao mờ mờ (1).*

Đôi khi có những tia sáng phi thường trà trộn vào tiếng hòa-nhạc lạ lùng đem cho cảnh-trí một thú vị êm dịu như trong giấc chiêm bao hay trong phút hồi-trởng.

Ánh vừa sáng vừa mờ, cảnh cô-tịch, giấc mê của thế-giới ban đêm được một âm nhạc vô hình ru ngủ, tất cả đều được diễn ra bằng những ký hiệu vừa tinh xác vừa gợi cảm.

*Hai bên bờ bụi rậm rì,*

*Đêm khuya vắng vẻ gặp khi trăng lờ.*

*Lạ chùng đường sá bơ vơ,*

*Có bầy đom đóm sáng nhờ đi theo.*

*Qua trướng rồi lại lên đèo,*

*Dễ kêu dẫn dỏi sương gieo lạnh lùng (2).*

Tuy nhiên trong cảnh đêm còn có nhiều cái khác nữa ngoài sự hòa-hiệp của bóng đêm và ánh sáng, sự yên ổn và im lặng của vạn vật.

Đây luồng gió thỉnh linh thổi qua từ đâu không ai biết rõ, đám sương mù phát phơ kéo dài lơ thơ, hạt mưa lác đác rơi rải rác trên ao sen trong vạt, khí hậu bỗng nhiên trở thành mát rượi.

*Đêm khuya ngon gió thổi lờ,*

*Sương sa lác đác mưa tro lạnh lùng (3).*

(1) « *Lục-Vân-Tiên* » câu thơ số 1486-1488

(2) *id* , câu thơ số 1641-1646

(3) *id* , câu thơ số 397-398.



Trong lúc ấy vầng nguyệt mà bóng trắng ngọc lu lờ rất thuận-tiện cho sự mơ-mộng du dương, từ từ xuất hiện trong đám mây bay thần thơ trên ngọn núi hoặc sau bụi tre xa xa gần bờ ruộng.

*Bóng trắng vừa lộ nhành dâu (1).*

Cảm-kích mà ngoạn cảnh gây ra, có thể biến đổi tùy tâm trạng của người đứng trước cảnh vật. Khi là một niềm vui nhẹ nhàng và êm ái bao phủ vạn vật trong bốn mùa quanh năm : nào cỏ cây muôn hồng nghìn tía, trăng giang chia ra khúc ngắn đường dài, tiếng líu lo chim mỏng trong rừng rậm, ánh sáng bầu trời thay màu đổi sắc sáng chiều, tất cả đều gieo trong lòng trí con người một mối hữu-tình không thể tả được.

*Gió nam rày đã đưa xuân qua hè.*

*Lại xem dặm liễu đường hòe,*

*Tiếng ong ngơ ngáo tiếng ve vang đầy.*

*Vui xem nước nọ non này,*

*Nước xao sóng dợn non vẩy đá cao.*

*Màn trời gấm trải biết bao,*

*Trên nhành chim nói dưới ao cá cười (2).*

Cũng có lúc phong-cảnh dường như đeo một vẻ ám-đạm và âu-sầu, vì phải chịu ảnh-hưởng huyền-diệu của tâm-hồn buồn bực và phải giảm bớt đáng-diệu xinh đẹp vậy.

*Một mình nhăm trước xem sau,*

*Xanh xanh bờ cõi dầu dầu cỏ cây (3).*

Vì thế vạn-vật không phải là một món đồ làm trang-trí cho các nhân-vật hoạt-động trong truyện, nhưng đôi khi cũng đóng vai-tượng một vị thần thiêng liêng có quyền kêu gọi trong tâm-hồn bao nhiêu cảm-động bi-ân nữa.

(1) « *Lục-Văn-Tiên* », câu thơ số 1519.

(2) *id.* , câu thơ số 334-340.

(3) *id.* , câu thơ số 649-650.

Tiếng trống năm canh rền vang vang đêm tối dường như kéo dài mỗi tru phiến trong lòng người có số phận long đong.

*Tây lầu trống điểm sang ba,*

*Nguyệt-Nga còn hãy xót xa phận mình (1).*

Phía xa đồng-nội trải rộng mênh mông tới chân trời mù mịt khiến tấm lòng cô-đơn phải đau khổ thêm mãi không biết chừng nào chấm dứt.

*Voi voi đất rộng trời dài,*

*Hỡi ai nữ đề cho ai đeo phiến (2).*

Vạn-vật không phải riêng là một bức họa làm cho đẹp mắt, vì giữa sự vật và tâm-hồn có một mối vấn vít sâu thẳm, bí mật, yếu mạnh tùy trường-hợp. Cho nên cảnh-vật nào cũng có thể đưa ra một chuỗi hình-tượng, hồi-tượng, cảm-động mà trong lúc bình-thường bị chìm vào bóng tối của lương-trí.

*Đoài nhìn phong cảnh thêm thương (3).*

Giữa cảnh thiên nhiên và con người ngậm sâu uống đắng có một nhịp đàn thông tư thông cảm làm cho tất cả mọi sự mất thấy biến thành cảm-tưởng đau khổ chua cay.

*Đương khi mưa gió luông tuông,*

*Người buồn lại gặp kiếng buồn khá thương (4).*

Cảnh và tình đều vẫn vướng nhau, đều ràng buộc nhau để làm sống lại bao nhiêu kỷ-niệm êm-ái của lúc gặp-gỡ nồng nàn ngày cũ.

Vầng trăng mà các tình-nhân đều yêu quý nhất, luôn luôn giúp thuận-lợi cho mối tình ân-ái trong lòng tha hồ nảy nở lai láng : nào đục-vọng,

(1) « *Lục-Văn-Tiên* », câu thơ số 271-272.

(2) *id.* , câu thơ số 279-280.

(3) *id.* , câu thơ số 87.

(4) *id.* , câu thơ số 835-836.

nào thương tiếc, nào than van, tất cả đều rung-động sục sôi tràn ngập ra ngoài không cản lại được.

*Dời chân ra chốn hoa đình,  
Xem trăng rồi lại chạnh tình cỏ nhân.  
Than rằng lưu thủy cao sơn,  
Ngày nào nghe động tiếng đàn tri âm ?  
Chữ tình càng tưởng càng thâm,  
Muốn pha khá lột muốn dầm khôn phai (1).*

Trong cuộc ngày đêm luân-chuyển không dứt, cảnh-vật không hề thay đổi : trăng vẫn soi sáng trên trời, sao vẫn lấp lánh ban đêm, mây vẫn trôi thướt theo gió, núi vẫn gập ghềnh trên chân trời, sông vẫn cuốn dòng nước chảy..

Nhưng chỉ thiếu một sự gì làm cho cảnh-tượng bất biến ấy mất cái sức lực quyến rũ lòng người ngắm cảnh, tức là mối say mê khó tả phối-hợp hai tấm lòng trong một tình-cảm thẩm-thúy đặt dưới một lý-tưởng chung.

*Nguyệt-Nga nhớ nổi tóc tơ chẳng tròn.  
Than rằng nọ nước kia non,  
Cảnh thời thấy đó người còn về đâu (2).*

Hơn lúc nào hình như ta vẫn nghe tiếng thống thiết của nhà đại thi-hào lãng-mạn Alphonse de Lamartine bằng khuông trách móc nhỏ to tình đời bất ổn :

*Que me font ces vallons, ces palais, ces chaumières,  
Vains objets dont pour moi le charme est envolé ?  
Fleuves, rochers, forêts, solitude si chère,  
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé ! (3)*

(1) « *Lục-Vân-Tiên* », câu thơ số 273-287.

(2) id. , câu thơ số 1490-1492.

(3) « *Premières Méditations poétiques* » : l'isolement.

*Thung lũng, đài các, lầu tranh kia làm gì được cho ta ?*

*Đó là vật hư ảo mà duyên dáng đã biến mất rồi !*

*Sông dài, núi cao, rừng rậm, nơi vắng vẻ thương mến,*

*Chỉ có một người vắng mặt, mà mọi sự đều trở thành tiêu điều...*

Thi-vị của cảnh thiên nhiên lan tràn khắp truyện « *Lục-Vân-Tiên* », khác hẳn với kỳ-tài kinh ngạc của Victor Hugo, với âm-điệu gọi cảm của Nguyễn Du, với hứng-khởi bông bột của James Thomson.

Nguyễn-đình-Chiều mượn-tượng các cảnh-trí trong vũ-trụ ngang qua cặp mắt dui mù và chỉ muốn đồng-hóa hai chữ tình và cảnh, cho nên không quá chăm chú về các chi-tiết của sự vật. Hình bóng, âm-thanh, màu sắc không được lưu ý nhiều, vì đó là điều dự-tưởng trong hình ảnh cũng như trong tình cảm.

Trong truyện « *Lục-Vân-Tiên* » ta nhận thấy những bức tranh diễn tả với cách đơn-giản có ý thức, điều tiêu-tụy thuận-lợi cho điều ảo-trưởng, về mờ mờ giúp cho sự trầm tư mặc tưởng.

Tóm tắt chính là một thứ thi-vị có nhịp nhàng và hồi-tưởng mà cái đẹp thiên nhiên hòa-hợp rất dễ dàng với mối xúc-động như âm-nhạc du-dương hợp-tấu với bài ca vừa bi ai vừa êm dịu.

Phải chăng giữa cảnh và cảm có một dây liên lạc huyền bí : cảnh-vật sinh cảm-hứng, rồi cảm-hứng thành nên thơ, mà thơ như thế sẽ làm thiên hạ ai cũng phục về tài-hoa, mến vì ý nghĩa, khen vì nghệ-thuật, như ngày xưa có câu thơ nhắc đến thi-sĩ Vương-Duy :

*Thi trung hữu họa  
« Trong câu thơ có bức họa. »*

Làm thơ tả cảnh rất tài-tình, mà ai ngắm đến thì tựa hồ như thấy bức vẽ trước mắt vậy. (1)

(1) Bài này viết theo bài thứ XII của quyển sách Pháp-ngữ « *Etude Critique et Littéraire du Lục-Vân-Tiên, poème populaire du Sud-Viêt-Nam* », Saigon, 1953, của Trần-Cửu-Chấn.

## TIN VĂN-HÓA

### MỘT PHÁI-ĐOÀN VĂN-NHÂN HỌC-GIÁ VIỄNNG MỘ NHÀ THƠ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã tổ chức một phái đoàn gồm văn-nhân, học-giả, giáo-chức, sinh-viên và báo-glới thủ-đô đi viếng mộ Cụ Nguyễn-Đình-Chiêu tại Ba-Tri (Kiến-Hòa) vào *Chúa nhật 11-7*.

Cuộc viếng mộ trên nằm trong khuôn khổ chương-trình Tuần lễ Kỷ niệm nhà thơ Nguyễn-Đình-Chiêu do Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa tổ chức từ *11-7 đến 19-7-71*.

Chương-trình này gồm có các buổi diễn-thuyết, triển-lãm và trình diễn văn-nghệ như sau, khai diễn vào lúc 20 giờ tại trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon :

*Thứ Sáu 16-7-1971 :*

— Diễn-thuyết : Thử nhìn con người toàn diện của Nguyễn-Đình-Chiêu (Diễn-giả : Thu-Giang Nguyễn-Duy-Cần).

— Viếng Phòng Triển-lãm các sách, báo, tài liệu, phong bì đặc biệt và tem thơ kỷ niệm Nguyễn-Đình-Chiêu.

— Hát Bội : Tuồng Lục-Vân-Tiên (Khuyến Lệ Cờ Ca).

*Thứ Bảy 17-7-1971 :*

— Diễn-thuyết : Nguyễn-Đình-Chiêu chiến sĩ (Diễn-giả : ông Võ Văn Dung, Giáo-sư trường Trung-học Pétrus-Ký).

— Phụ diễn văn-nghệ (do nghệ-sĩ Duy-Lân phụ trách).

*Chúa nhật 18-7-1971 :*

— Diễn-thuyết : Người phụ-nữ trong Lục-Vân-Tiên (Diễn-giả : nữ-sĩ Ái-Lan).

— Cải-lương : Tuồng Lục-Vân-Tiên (nghệ-sĩ Năm-Châu phụ trách).

*Thứ hai 19-7-1971 :*

— Diễn-thuyết : Nguyễn-Đình-Chiêu, nhà thơ lớn của miền Nam (Diễn-giả : Thi-sĩ Bàng Bá-Lân).

— Kịch thơ : Lục-Vân Tiên (Ban Bích-Thuận phụ trách).

### QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA CHỦ TỌA LỄ MÃN-KHÓA HUẤN-LUYỆN QUÂN-THỦ THƯ-VIỆN

Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa hôm 30-6-71 đã đến chủ tọa lễ mãn khóa Huấn Luyện Quân-Thủ Thư-Viện, tổ chức tại Viện Khoa-Học Giáo-Dục Saigon, ở 102 đường Hùng-Vương Chợ-Lớn.

Có 31 học viên nam nữ, thuộc nhiều cơ-quan công và tư trong nước tham dự khóa huấn luyện này.

Khóa học kéo dài một tháng. Ban giảng huấn do Hội Thư-Viện Việt-Nam phụ trách.

Đây là một sáng kiến của Viện Khoa-Học Giáo-Dục Saigon đề huy động và cổ võ phong trào thiết lập và quản-trị thư-viện trong các trường và các sở một cách khoa-học.

**SÁCH CỔ VIỆT-NAM TRAO TẶNG PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH  
ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**

Ông J. O. Moreton, Đại-sứ Anh tại Việt-Nam Cộng-Hòa hôm 1 tháng 7 đã trao tặng cụ Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa một bộ thủ thư gồm 28 cuốn về tuồng-tích và kinh-diễn Việt-Nam.

Những cuốn sách này là những phó bản đã được phóng ảnh kỹ lưỡng từ những bản thảo chánh bằng chữ Nôm mà Viện Bảo-Tàng Anh, British Museum, tại Luân-Đôn gìn giữ từ năm 1894.

Trong buổi lễ trao tặng, Đại-sứ Anh nói rằng những bản sách cổ này là một lệ chứng tuyệt mỹ của nền văn-học cổ-diễn Việt-Nam kể từ đời nhà Nguyễn và có lẽ đã xuất xứ từ Triều-đình Huế.

Những tập thủ thư này đã được phóng ảnh bằng hai giai-đoạn. Trước hết, các chuyên viên Viện Bảo-Tàng Anh chụp trên vi-phim rồi các vi-phim ấy được phóng đại ra đúng nguyên khổ của bản chánh. Phương-pháp này được dùng để tránh sự hư hao bản chánh. Bản phóng ảnh được đóng bằng bìa da và tất cả kinh phí đều do Chánh-phủ Anh đài thọ.

**MỘT MÓN QUÀ HI HỮU VÀ QUÝ BẢO**

Trong bài đáp từ, ông Quốc-Vụ-Khanh nói rằng ngoài giá trị cổ hữu lớn lao, tang vật còn mang một tính cách hợp thời. Từ gần ba năm nay, theo đuôi chính sách « về nguồn », Bộ Văn-Hóa, trong địa-hạt nghệ-thuật, đang trên đường kiểm kê, điều chỉnh và phục hưng nền nhạc kịch cổ truyền, đến nay ông Đại-sứ lại mang biếu đến 32 vở tuồng hát bội mà đa số đã mất tích ở Việt-Nam.

Sau đó Quốc-Vụ-Khanh đã trao tặng ông Đại-sứ một bức điêu khắc xua bằng gỗ mà ông Đại-sứ hứa sẽ gởi về Viện Bảo-Tàng Anh.

**KHAI MẠC PHÒNG TRIỂN-LÂM PHÓNG ẢNH  
DANH HỌA VÀ NGHỆ THUẬT BÚT TỰ**

Ông Nguyễn-Lưu-Viên, Phó Thủ-trưởng Chánh phủ V.N.C.H, chiều 31-7 đã đến chủ tọa lễ khai-mạc phòng triển-lâm phóng ảnh danh họa và nghệ thuật bút tự do Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa tổ chức tại Thư-viện Quốc-gia đường Gia-Long, Saigon.

Phòng triển-lâm trưng bày 50 bản sao lục bút tự của nhân-loại từ 6.000 năm nay và 90 bản sao họa phẩm từ năm 1.900 đến 1925 của các nhà danh họa Quốc tế Anh, Pháp, Ý, Thụy-Si, Y-Pha-Nho, Áo, Nga, Đức, Na-Uy, Bi và Hoa-Kỳ.

Bộ sưu-tập bút tự được xếp theo thứ tự thời-gian xuất hiện, từ lối chữ tượng hình đơn giản của các bộ-lạc Thái cổ cho đến các hình thức mẫu tự phiên âm ở Tây-phương và Đông-phương, từ những dụng cụ thô sơ khắc họa văn tự đến kỹ thuật ấn loát khắc văn và sắp chữ rời, từ những ký hiệu thực tiễn để giúp trí nhớ đến những công trình tinh vi trong thư pháp của một Vương Duy trong « thơ ấn họa » của một Apollinaire.

Bộ sưu-tập hội-họa có đủ các bức họa tiêu biểu cho những họa phái như : phái ấn tượng, phái hậu ấn tượng, phái tân hội họa, nhóm Mỹ thuật Nabis, phái dã thú, phái biểu hiện Đức, phái lập thể, phái nghệ thuật không tượng hình, phái nghệ thuật hiện đại, phái Dada, và phái siêu thực.

Đây là bộ sưu-tập của tổ-chức UNESCO gởi đến để triển-lâm tại Việt Nam từ ngày 1-8 đến 22-9 trong kế hoạch trao đổi văn-hóa vùng Đông-Nam-Á.

**LỄ KỶ-NIỆM ĐẠI THI-HÀO  
NGUYỄN-DU**

Lễ kỷ niệm Đại thi-hào Nguyễn-Du do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc Trách Văn-Hóa tổ chức hồi 20 giờ tối 17-9 tại thính đường trường Quốc-Gia Âm Nhạc và Kịch nghệ Saigon đã được đặt dưới sự chủ-tọa của Bác-Si Nguyễn-Lưu-Viên, quyền Thủ-Trưởng Chánh Phủ.

Mở đầu buổi lễ, Bác-sĩ quyền Thủ-Tướng đã lên niệm hương trước bàn thờ cụ Nguyễn Du đặt trên sân khấu.

Sau đó, ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa trong phần diễn văn khai mạc, đã nhắc nhở đến sự nghiệp thi ca bất hủ của Đại thi-hào Nguyễn Du, một người đã làm vinh dự cho nền Văn-Hóa dân tộc Việt-Nam.

Tiếp theo, nhà văn Đàm-Quang-Thiện trong bài nói chuyện về truyện Kiều đã đề cập đến một khía cạnh mà hầu như chưa ai khai thác một cách sâu rộng, đó là cái nghèo cùng cực của tác-giả Đoạn Trường Tân Thanh.

Sau đó, Luật-sư Cung-Đình-Thanh đã thuyết-trình về đề-tài « Ảnh hưởng truyện Kiều trong đời sống/bình dân ».

Bước sang phần văn-ngệ, ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã được mời lên đánh trống chầu mở đầu đêm văn nghệ.

Tham dự buổi lễ kỷ niệm Đại thi-hào Nguyễn-Du tối 17-9 có các nhân vật thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, Hội Văn-hóa bình-dân, một số đại diện các cơ-sở, trung-tâm văn-hóa cùng khoảng 300 sinh-viên học sinh và đồng-bào các giới.

### LỄ THÁNH-ĐÀN ĐỨC KHỔNG-TỬ

Lễ Thánh-Đàn Đức Khổng-Tử đã được tổ chức sáng 28-9 tại Khổng Thánh Miếu trong vườn Bách-thảo Saigon, dưới quyền chủ-tọa của quyền Thủ-Tướng Nguyễn-Lưu-Viên, đại diện Tổng-Thống VNCH.

Sau khi duyệt đoàn quân danh-dự, quyền Thủ-Tướng Nguyễn-Lưu-Viên đã vào dâng hương trước bàn thờ tại chính điện của Khổng Thánh Miếu và sau đó lần lượt các quan khách tham dự.

Ông Mai-Thọ-Truyền Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa trong bộ quốc phục đã lên tiếng ca ngợi công đức của Đức Khổng-Tử và cho biết

những điều Ngài giảng dạy đã ăn sâu vào tinh thần người Việt từ bao thế hệ qua, tạo cho chúng ta có một truyền-thống tốt đẹp.

Sau đó Bác-sĩ quyền Thủ-Tướng đã tế lễ theo nghi thức cổ truyền với ba hồi chiêng trống bát nhã.

Cùng tham dự buổi lễ sáng nay còn có một số Tổng Bộ Trưởng trong nội-các, ngoại-giao-đoàn, nghị-sĩ, dân-biểu và một số các đoàn-thể văn-hóa.

### VĂN PHÒNG QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA ĐẠI THỌ PHÍ TÔN CHO MỘT THIÊU NHI VIỆT-NAM SANG TÂN-ĐẾ-LI LÃNH THƯỞNG

Văn-Phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã đại thọ mọi chi phí cho một thiêu-nhi Việt-Nam sang Tân-Đế-Li vào tháng 12-1971 để lãnh giải thưởng Hội họa Thiêu Nhi Quốc-Tế do Ấn-Độ tổ chức.

Cậu Ngô-Lê-Minh, tác-giả họa-phẩm « Vườn Địa Đàng » (Garden of Eden) đã chiếm được huy chương vàng trong giải hội-họa nói trên.

Được biết có 100 quốc-gia đã tham dự giải Hội-Họa này, riêng Việt Nam Cộng Hòa đã gửi 85 họa-phẩm tham dự.

Ngoài ra, trong khuôn khổ trao đổi văn-hóa trong tháng 9 năm 1971, Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã gửi tặng 202 quyển sách giá trị cho một số cơ-quan Văn-hóa ở quốc nội và ngoại quốc.

### TRIỂN-LÂM CÁC TÁC-PHẨM CỦA VĂN-HAO THOMAS MANN

Trung-Tâm Văn-Hóa Đức tổ chức một cuộc triển-lâm các tác-phẩm của văn-hào Thomas Mann tại Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đường Nguyễn-Trung-Trực Saigon từ ngày 7-10 đến 16-10.

Văn-hào Thomas Mann sinh năm 1875 tại miền Bắc nước Đức. Năm

1933. Ông rời Đức vì chống lại chủ nghĩa của Hitler, qua sống tại Thụy-Si rồi lập nghiệp tại California sau đó xin nhập tịch dân Mỹ.

Ông mất vào năm 1955 tại Thụy-si, để lại nhiều tác-phẩm và được ca ngợi là một đại văn-hào.

### **THƯ-VIỆN QUỐC-GIA TRỰC THUỘC VĂN-PHÒNG QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**

Thư-viện Quốc-gia, trực thuộc Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, được đặt dưới quyền điều khiển của một Giám-đốc, có một Phó Giám-Đốc phụ-tá.

Theo Sắc lệnh của Thủ-tướng vừa ký, Giám-đốc Thư-viện Quốc-gia được xếp ngang hàng Giám-đốc Nha không có nhiều số.

Phó Giám-đốc Thư-viện Quốc gia được xếp ngang hàng một Chánh Sự-vụ.

Sắc lệnh trên còn cho biết tổ-chức và nhiệm-vụ của Thư-viện Quốc-gia sẽ được ấn định sau do Nghị-định của Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.

### **HỘI KHỔNG-HỌC GÒ-CÔNG CẢM TẠ VĂN-PHÒNG QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA VỀ SỰ YỀM TRỢ XÂY CẤT VĂN THÁNH MIẾU**

Ông Hội-Trưởng Hội Khổng-Học Gò-Công vừa ngỏ lời tri ân sự trợ giúp và chỉ dẫn quý báu của ông Mai-Thọ-Truyền Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa trong công tác xây cất Văn Thánh Miếu tại tỉnh này.

Được biết, Văn Thánh Miếu Gò-Công được xây cất rất huy hoàng với sự yểm trợ của Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa gồm hai tầng, trên làm nơi thờ tự, dưới làm phòng khánh tiết, ngoài có vòng rào và cửa Tam-quan. Kinh phí xây cất Văn Thánh Miếu này lên tới hai triệu đồng.

### **KHAI MẠC TRIỂN-LÂM CỦA SINH-VIÊN TRƯỞNG CAO-ĐẲNG MỸ-THUẬT HUẾ**

Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa sáng 30-10 đã cắt băng khai mạc cuộc triển-lãm của sinh-viên trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Huế tại phòng triển-lãm số 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.

Cuộc triển-lãm gồm 50 bức tranh sơn dầu, lụa và sơn mài. Đây là cuộc triển-lãm do trường cao-đẳng Mỹ-Thuật Huế tổ chức hàng năm để giới thiệu thành tích phục vụ nghệ-thuật của các sinh-viên cố đồ.

Trước đây, các cuộc triển-lãm này vẫn được tổ chức tại Huế hay các thị-xã lân cận, nhưng đây là lần đầu tiên, tác-phẩm của sinh-viên Cao-Đẳng Mỹ-thuật Huế được trưng bày tại thủ-đô Saigon.

### **MỘT NHIỆP-ẢNH-GIA VIỆT-NAM ĐOẠT HUY CHƯƠNG VÀNG CUỘC TRIỂN-LÂM NHIỆP ẢNH QUỐC-TÊ TẠI TÂN-GIA-BA**

Trong cuộc triển-lãm Nhiếp Ảnh Quốc Tế kỳ II năm 1971 tại Tân-gi-la-Ba, tác phẩm màu « Nhảy Dù » của nhiếp-ảnh-gia Vương-Tu được huy chương vàng và tác-phẩm đen trắng « Thương tiếc » của Nguyễn Ngọc Hạnh được chú ý và dùng làm bìa cho tập chỉ dẫn cuộc triển-lãm.

Nguồn tin từ Tân-gia-Ba cho hay, trong cuộc triển-lãm vừa nói VNCH đã gửi tham dự tất cả 23 tác-phẩm gồm 10 đen trắng và 13 ảnh màu của ba nhiếp-ảnh-gia Nguyễn-ngọc-Hạnh, Trần-đại-Quang và Vương-Tu.

Được biết, cuộc triển-lãm Nhiếp-ảnh Quốc-tế kỳ II năm 1971 tổ chức tại Tân gia-Ba từ ngày 9 đến 11-10-71, dưới sự bảo-trợ của Hội Nhiếp Ảnh Nghệ thuật Tân gia-Ba, đã trưng bày 220 tác-phẩm đen trắng, 69 ảnh màu và 198 slides màu của 50 Quốc gia.

### **LÊ KHÁNH THÀNH VĂN THÁNH MIẾU TẠI GÒ-CÔNG**

Văn Thánh Miếu xây cất tại ấp chợ xã Long-Thuận tỉnh Gò Công.

### VNCH TẶNG HỘI HÀN-VIỆT MỘT SỔ SÁCH VỀ VĂN-HÓA VIỆT-NAM

VNCH vừa gửi tặng Hội Hàn-Việt một sổ sách về Văn-hóa Việt-Nam, tranh ảnh nghệ thuật, nhạc khí và băng nhạc do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa chọn lựa để triển-lãm tại Hán-Thành từ 23-10 đến 28-10-71.

Ngoài ra, Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa cũng vừa gửi gần 300 văn-hóa-phẩm nhi đồng VN dự cuộc triển-lãm sách vở nhi-đồng quốc-tế (International Children's Books Exhibitions) tại Ankara từ 15 đến 21-11-71.

Về các hoạt-động khác trong những ngày gần đây, Văn phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã bảo trợ cuộc triển-lãm về Đại văn-hào Đức Thomas Mann do Trung-tâm Văn-hóa Đức tổ chức từ 7 đến 16-10-71 và cuộc triển-lãm tranh của Sinh-viên trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Huế tại Phòng Triển-lãm, 8 Nguyễn-Trung-Trực Saigon từ 30-10-71 đến 6-11-71.

### II NHẠC SINH ĐƯỢC TRAO TẶNG GIẢI THƯỞNG VỀ ĐÀN TRANH, VI CẦM VÀ DƯƠNG CẦM

Lễ phát giải thưởng về Đàn Tranh, Vi Cầm và Dương Cầm đã được tổ chức tối 12-11 tại thính-đường trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Saigon dưới sự chủ-tọa của ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.

Giải thưởng trên của Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa được trao tặng cho 11 nhạc sinh, trong số có 3 giải về Đàn tranh, 3 giải về Vi cầm và 5 giải về Dương cầm với tổng số tiền là 130.000 đồng.

Dịp này, ông Giám-đốc trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ đã trình bày trước quan khách ý nghĩa cuộc thi về Đàn tranh, Vi cầm và Dương cầm do Phủ Văn-Hóa tổ chức.

Sau đó, ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa cũng ngỏ lời khen ngợi các nhạc sinh trúng giải và tiếp theo là phần trao giải thưởng.

Tất cả các nhạc sinh trúng giải đều đang học tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Saigon.

### DÂN CA VIỆT-NAM ĐƯỢC BẰNG TƯỚNG-LỤC TẠI ĐẠI HỘI TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH ĐÀI-BẮC

Các bản dân ca Việt-Nam như : Quan Họ, Hoa Thơm Bướm Lượn, Lý Qua Đèo và Lý Ngựa Ô do đài phát-thanh NB.3 Trung-Hoa trình bày đã đoạt bằng tướng lục trong đại hội Truyền-thanh và Truyền hình kỳ 1 về nghệ thuật cổ-truyền thế-giới tổ chức tại Đài-Bắc mới đây.

Trong buổi lễ bế mạc Đại-hội trên, ông Lo Yun Ping, Tổng-trưởng Giáo-dục Trung-Hoa Dân-quốc, đã trao bằng Tướng-lục này cho Nhạc-sĩ Lê-Dinh, đại diện cho các nghệ-sĩ tham gia đại hội.

### VNCH TẶNG TRUNG-TÂM VĂN-HÓA PHI-LUẬT-TÂN MỘT SỔ BĂNG NHẠC VIỆT-NAM

Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa vừa trao tặng Trung-tâm Văn-hóa Phi-Luật-Tân 30 băng nhạc và slides về nhạc và thắng cảnh V.N.

Ngoài ra, Phủ cũng đã gửi tặng các Sứ-quán Việt-Nam ở hải ngoại 2.174 quyển sách giá trị về văn-hóa Việt-Nam, và 100 quyển Kỷ Yếu của Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn Hóa về Lễ Kỷ-niệm Nguyễn-đình-Chiêu năm 1971 tại Việt-Nam để phổ biến cho kiều bào.

Mặt khác trong khuôn khổ các hoạt động văn-hóa sinh viên trường Cao Đẳng Mỹ-Thuật Huế mới đây đã tổ chức triển-lãm Hội họa suốt một tuần lễ tại Phòng Triển-Lãm của Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.

Ngoài ra, cuộc phát giải thưởng Đàn tranh, Vi cầm và Dương cầm tại

trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Saigon hồi tháng 11 vừa qua đã gây được một tiếng vang khích lệ tốt đẹp trong giới nhạc-sĩ.

### TỔNG HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM BẦU TÂN BAN QUẢN-TRỊ

Tổng-hội Không-học Việt-Nam đã nhóm Đại hội hôm 12-12 vừa qua tại Văn-miếu Thảo Cầm Viên Saigon để bầu ban Quản-trị nhiệm kỳ 1971-1975.

Ông Nguyễn-Thanh được bầu làm Tổng Hội-trưởng và ba ông Nguyễn hữu-Túy, giáo-sư Nguyễn-Hoan và ông Ngô-chí-Bình làm đệ nhất, đệ nhị và đệ tam Phó Tổng Hội-trưởng.

Ông Trần-văn-Vinh được bầu làm Tổng Thư-ký và ông Đỗ-văn-Tu, Tổng Thủ-quý.

Tân Ban Quản-trị còn có hai kiểm-soát-viên là các ông Giang-Kim và ông Nguyễn-văn Minh.

### MỘT SINH-VIÊN TRƯỜNG QUỐC GIA CAO-ĐẲNG MỸ-THUẬT LÃNH 100 MỸ-KIM VỀ GIẢI NHÌ CUỘC THI QUỐC TÊ BÍCH CHƯƠNG

Lễ trao giải thưởng Quốc-tê Bích-chương cho cậu Trần-văn-Hương, sinh viên năm thứ 3 Trường Quốc-Gia Cao Đẳng Mỹ-Thuật, đã được tổ chức hồi hạ tuần tháng 11 vừa qua tại Văn phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.

Cuộc thi Quốc-tê Bích-chương nói trên do Cơ-quan Văn-hóa Liên Hiệp Quốc tổ chức và tác-phẩm "Ý Nguyễn Hòa Bình" của cậu Trần-văn-Hương đã chiếm giải nhì đồng hạng với Pháp, Cuba, Ba-Lan và Ai-Nhì Lan trong số trên 50 quốc-gia dự thi. Giải nhất về Phần-Lan.

Cuộc phát giải thưởng đã được tổ chức vô cùng trọng thể tại Ba-Lê,

Pháp và đại diện Tòa Tổng Lãnh-sự Việt-Nam tại Ba-Lê đã thay mặt ứng-viên Trần-văn-Hương lãnh giải thưởng.

Trong buổi lễ chuyển giao giải thưởng nói trên tổ chức tại Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa sáng ngày 26-11, ông Quốc-Vụ-Khanh Mai-Thọ-Truyền đã nhiệt liệt khen ngợi cậu Trần-văn-Hương và trao chi phiếu 100 mỹ kim là phần thưởng mà UNESCO đã gửi đến.

Theo thông lệ những bích-chương trúng giải sẽ được UNESCO đem trình bày luân lưu tại hơn 100 quốc-gia trong nhiều năm liên tiếp.

### NGÀY VĂN-HÓA VIỆT-NAM TẠI LUÂN-ĐÔN

« Ngày Văn-Hóa Việt-Nam » đã được khai mạc hôm 9-12 vừa qua tại Luân-Đôn (Anh-quốc) và nhân dịp này Đại sứ Lê-ngọc-Chấn đã mở cuộc tiếp tân khoản đãi hơn 150 quan khách thuộc thành phần ngoại-giao, chính-trị và văn-nghệ đến dự lễ.

Theo tin Bộ Ngoại-Giao, các quan khách đã đặc biệt tán thưởng những tác-phẩm của các nhiếp ảnh gia nổi tiếng thuộc các hội ảnh như Hội Ảnh Nghệ-Thuật Việt-Nam (APA), Hội Ảnh Tinh Võ (TVPA) và Hội Ảnh KBC, gọi đến triển lãm. Đặc biệt là chủ bút tuần san Nhiếp-ảnh Anh-quốc Ainalies Ellis, chủ bút nhật báo Financial Times, và Giám đốc Viện Nhiếp ảnh Nghệ thuật Luân-Đôn đã yêu cầu Sứ-quán cho mượn các hình ảnh này để trưng bày tại phòng triển lãm nhiếp ảnh Luân-Đôn và đăng vào các tập-san nhiếp ảnh.

Ngoài ra, vào tối hôm 10-12-71, Sứ-quán Việt-Nam đã tổ chức một buổi trình diễn hai vở kịch Việt-Nam « Thạch Sanh » và « Tấm Cám » để lấy tiền cứu trợ nạn nhân bão lụt miền Trung.

### NHIỆP ẢNH GIA VIỆT-NAM ĐOẠT HUY-CHƯƠNG VÀNG TẠI CHỈ-LỢI

Thêm một lần nữa nhiếp ảnh gia quân đội Nguyễn Ngọc Hạnh đã



đoạt hai huy chương vàng PSA do hội ảnh Chí-Lợi trao tặng với tác phẩm « Người phở bình quê » (đen trắng) và « Ngày Quân Lực » (màu).

Việt-Nam cũng đã chiếm luôn một huy chương bạc với tác-phẩm đen trắng « Ông Lão » của nhiếp ảnh gia Trần-Đại-Quang. Một huy chương đồng về tay nhiếp ảnh gia Khưu-Từ-Chấn, với tác-phẩm đen trắng « Ông Châu »

Cuộc triển-lãm này khai mạc tại thành phố Santiago Chí-Lợi từ 15-12-71 đặt dưới sự chủ tọa của ông Chủ tịch Hội Nhiếp-ảnh Hoa-kỳ và bế mạc vào ngày 27-12.

#### MỘT ÔNG GIA Ở LONG-AN ĐƯỢC CHỌN LÀM

« NGƯỜI NHIẾP ẢNH VIỆT-NAM 1971 ».

Một số nhiếp ảnh gia nổi tiếng của Việt-Nam trong nhóm nghiên-cứu và phát-huy Nhiếp-ảnh Việt-Nam, đã chọn ông Võ-văn-Mười làm « Người Nhiếp-Ảnh Việt-Nam 1971 ».

Ông Mười 60 tuổi ở Long-An được chọn vì đức độ, lòng hăng say phục-vụ và phát-huy nghệ-thuật nhiếp-ảnh ở Việt-Nam, mặc dù mới chỉ cầm máy từ 1969.

Danh hiệu trên sẽ được Hội Nhiếp-ảnh gia Việt-Nam trao tặng mỗi năm cho các nhiếp ảnh gia nghệ-thuật đóng góp tích cực nhất vào việc phổ biến phong trào nhiếp ảnh nước nhà.

#### NHA VĂN NGUYỄN-VỸ BỊ TỬ NẠN LƯU-THÔNG

Ông Nguyễn-Vỹ, Chủ-nhiệm nhật báo « Dân Ta » đã bị tử nạn hồi sáng hồi 14-12-71 trong một tai nạn lưu thông trên đường Mỹ-Tho Saigon.

Ông Nguyễn-Vỹ sinh năm 1910 tại làng Tân-Phong Quận Đức-Phổ, Tỉnh Quảng-Ngãi là một nhà văn, nhà thơ kiêm nhà báo kỳ cựu ở miền Nam Việt-Nam. Hiện nay ông chủ-nhiệm nhật báo *Dân Ta*, và các tập-san *Phở Thông*, *Thăng Bờm* và *Tân Phong*.

Trên tuần báo *Phổ-Thông*, ông Nguyễn-Vỹ thường ký tên dưới bút hiệu *Diệu-Huyền*, viết những bài nghiên cứu tìm hiểu với một giọng dí dỏm.

Ông Nguyễn-Vỹ đã từng cộng tác với các tạp-chí *L'ami du Peuple*, *Le Cygne*, *Văn-học tạp-chí* (1935) *Hà-Nội* báo chí và *Phụ-nữ*.

#### NỮ NGHỆ-SĨ KIM-CƯƠNG ĐOẠT GIẢI THƯỞNG VĂN-BÚT 1971

Vở kịch « Bức tranh lửa thề » của nữ nghệ sĩ Kim Cương đã chiếm giải thưởng 1971 là 100.000đ của Trung-tâm Văn-bút trao tặng về bộ môn sân khấu. Đây là giải thưởng duy nhất của Trung-tâm Văn-bút Việt dành cho năm nay. Nữ nghệ-sĩ Kim Cương mang biệt hiệu *Kim Chi* khi dự cuộc thi này.

Hội đồng tuyển trạch Giải thưởng Văn bút 1971 (dành cho các loại thơ văn thuộc bộ môn sân khấu) gồm có năm vị sau đây : nhà soạn kịch *Vị Huyền Đắc*, nhà văn *Tam-Lang Vũ-Đình-Chí*, thi-sĩ *Vũ-Hoàng-Chương*, tiểu thuyết kiêm phê-bình gia *Vũ Hạnh*, thi-sĩ kiêm soạn-giả *Kiên-Giang Hà-Huy-Hà*.

#### KHAI MẠC TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH QUỐC TẾ TẠI PHÁP-VĂN ĐÔNG-MINH HỘI

Ngoại trưởng Trần-văn-Lãm chiều 27-12 đã đến khai mạc phòng triển lãm nhiếp-ảnh quốc-tế và cấp phát huy chương cho các nhiếp ảnh gia trúng giải cuộc thi ảnh quốc tế do Hội nhiếp ảnh KBC tổ chức tại trụ sở Pháp Văn Đông Minh Hội, đường Gia-Long Saigon.

Ngỏ lời trước quan khách và các nhiếp ảnh gia, Ngoại-trưởng Trần-văn-Lãm cho rằng Hội ảnh KBC đã đem lại vinh dự cho xứ-sở khi tổ chức một cuộc thi ảnh quốc-tế tại Việt-Nam.

Sau đó, Ngoại-trưởng Trần-văn-Lãm đã được mời lên trao tặng huy

chương cho đại diện các quốc-gia có tác-phần xứng giải và các nhiếp ảnh gia Việt-Nam đoạt giải quốc nội.

Đại tá Đỗ-Kiến-Nhiều, Đô-Trưởng Saigon đã được mời trao chìa khóa vàng cho Hội ảnh Bayer Leverkusen của Tây-Đức là Hội ảnh có nhiều nhiếp ảnh gia có tác-phần được tuyên chọn nhất.

Theo lời tường trình của ông Lê-văn-Khoa, Tổng thư-ký Hội-Đồng chấm giải, Hoa-kỳ là Quốc-gia đoạt nhiều huy-chương nhất gồm 1 tượng vàng KBC, một huy-chương vàng F-I-A-P, một huy-chương vàng KBC, hai huy-chương bạc, và ba bằng tưởng lệ.

Quốc-gia đứng hàng thứ nhì là Tây Đức. Các quốc gia đoạt giải kể tiếp là Hồng-Kông, Việt-Nam Cộng-Hòa, Ý-Đại-Lợi, Ba-Tây, Phần-Lan, Á-Cần-Đinh, Úc-Đại-Lợi, Bỉ, Tân-Tây-Lan và Tân-Gia-Ba.

Cuộc thi nhiếp-ảnh quốc-tế tại Saigon do hội KBC tổ chức quy tụ 3.374 tác-phần trắng đen, màu và Slides do 870 nhiếp ảnh gia thuộc 43 quốc-gia trên thế giới gửi đến tham dự.

#### TỔNG-THÔNG KHÁNH THÀNH THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Tổng-Thông Nguyễn-Văn-Thiệu sáng 23-12 đã đến cắt băng khánh thành Thư-Viện Quốc-Gia tọa lạc tại đường Gia-Long.

Thư-Viện này là một tòa nhà dài 71 thước, ngang 23 thước gồm một tầng hầm, một tầng trệt và một tầng lầu, với một kiến trúc 14 tầng cao tổng cộng 43 thước, xây cất trên một diện-tích 7.070 thước vuông với kinh phí 177 triệu đồng.

Khoi công xây cất từ năm 1961, Thư-viện Quốc-gia hiện chứa 90.000 quyển sách đủ loại, gồm có các phòng đọc sách, phòng triển-lãm, phòng nghiên-cứu, phòng thư-mục, phòng vi-phim, kho báo-chí và quán giải-khát với đầy đủ tiện nghi của một Thư-viện Quốc-tế.

Sau khi cắt băng khánh thành Tổng-Thông đã đi thăm viếng tất cả các phòng ốc trong cơ sở này.

Tháp tùng Tổng-Thông còn có Phó Tổng-Thông Trần-văn-Hương, các vị Chủ-tịch Thượng, Hạ Viện, Tối-Cao Pháp-Viện, Giám-Sát-Viện, Thủ-Tướng Chánh-phủ một số Tổng Bộ-trưởng trong Nội-các, Ngoại-giao-đoàn, Dân-biểu Nghị-sĩ cùng một số nhân vật trong giới Văn-hóa Giáo-dục.

#### HAI NHIỆP ẢNH GIA VN LÃNH GIẢI THƯỞNG TRIỂN LÃM NHIỆP ẢNH Ý-ĐẠI-LỢI

Buổi lễ trao tặng giải thưởng triển lãm nhiếp ảnh Ý-Đại-Lợi cho hai nhiếp ảnh gia Khru-Từ-Chấn và Nguyễn-ngọc-Hạnh đã được tổ chức chiều 6-12 tại Tòa Đại-sứ Ý tại Saigon, dưới sự chủ tọa của ông Piere Biancoli Busdroghi, Đệ nhất Tham-vụ Tòa Đại-sứ Ý tại V.N.

Đây là lần đầu tiên Việt-Nam đã chiếm hầu hết các huy-chương của Ý, trong cuộc triển-lãm nhiếp ảnh lần 11 tại Toronto ngày 15-4-71.

Giải toàn đội xuất sắc nhất, một cúp bạc, được trao cho nhóm ảnh Khru-Từ-Chấn.

Về phần giải cá-nhân, nhiếp ảnh-gia quân đội Nguyễn-ngọc-Hạnh đã đoạt liên tiếp bốn giải, một giải nhất, huy-chương vàng, hai giải nhì, hai tượng bạc và một giải ba, một huy-chương đồng.

Được biết, có hơn 40 quốc-gia trên thế-giới đã hưởng ứng cuộc triển-lãm này, với 721 nhiếp ảnh gia tham dự gồm 2535 tác-phần đen trắng, và 2341 tác-phần màu và Việt-Nam đã đoạt được thành tích vẻ vang như trên.

#### QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA LƯU Ý CÁC CHÁNH-QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN CỔ TÍCH

Văn-phòng Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa vừa gửi một thông tư đến các Tòa Hành-chánh địa-phương yêu cầu quan tâm về vấn-đề bảo tồn cổ-tích và bảo vệ các sản-phẩm Văn-hóa Quốc-gia.

Thông tư cho biết qua các phúc trình gần đây của Viện Khảo-cổ, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa nhận thấy tại một vài địa phương, luật lệ hiện hành về bảo-tồn cổ-tích và bảo-vệ sản-phẩm văn-hóa quốc-gia chưa được dân chúng cũng như cơ quan quản trị cổ vật, cổ tích thấu triệt và áp dụng đúng mức nên đã xảy ra nhiều vi-phạm tai hại. Tỷ dụ như : « Có nơi để tư nhân xây cất nhà cửa lấn cả vào khu cổ-tích, có nơi tự ý tu sửa cổ-tích không tôn trọng giữ lại những nét kiến trúc cổ kính xưa, nơi khác đào thấy cổ vật, không thông báo cho Chính-quyền sở tại hoặc Viện Khảo-cổ biết để, nếu xét đáng lưu lại, tiếp thu cổ vật vào Bảo-tàng-viện v.v... ».

Vi vậy, để sự việc như trên khỏi tái diễn, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa yêu cầu các Tòa Hành-chánh địa-phương chỉ thị cho cấp Quận và Xã đặc biệt lưu tâm đến vấn-đề bảo vệ cổ-tích, cổ vật, tránh mọi sự phá hại vì vô tình hay hữu ý, ngõ hầu bảo vệ hữu hiệu tài-sản văn-hóa vô cùng quý giá của nước nhà.

### BỎ CHÍNH

Mục « Giới thiệu sách », bài SƠ-THẢO NGŨ-PHÁP VIỆT-NAM in trong V.H.T.S. số 2 và 3 năm 1969, trang 43 là của Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa. Vạy xin bỏ lúc cho đầy đủ. Kính cáo lỗi cùng tác-giả và quý vị độc-giả.

phụ trương

TRẦN-CỬU-CHÂN

*Docteur ès lettres*

*Professeur à l'Université Van-Hanh*

## le taoïsme dans le luc-van-tien

La littérature porte généralement l'empreinte des goûts d'une époque ou des courants d'idées politiques ou religieuses qui traversent la société humaine en surface ou en profondeur.

Un auteur de talent ne peut se défendre d'exprimer dans ses écrits ce que son siècle a de saillant : il vibre pour ainsi dire à l'unisson de l'âme de ses contemporains dont son langage ou son style reflète les nuances les plus cachées.

Il n'est pas étonnant de retrouver dans les oeuvres littéraires la marque profonde de telle ou telle croyance qui a pénétré dans le peuple avec l'ensemble de ses rites et de son éthique, de ses préjugés et de ses superstitions.

Plus que tous les autres « truyen » ou romans versifiés de longue haleine, le « Luc-Vân-Tiên » présente les traces d'une doctrine fort ancienne, dont il est intéressant de signaler l'origine et d'étudier l'influence sur une population crédule à l'excès.

Je veux parler ici du taoïsme avec tout le renfort de ses pratiques de magie et de sorcellerie, aussi puériles qu'étranges.

★

Que voit-on dans le taoïsme ?

Voici, à titre de simple rappel, une religion entourée d'obscurités et de mystères, qu'il est vain de chercher à élucider.

Il importe avant tout d'être fixé sur le sens du mot « Tào » qui constitue l'essence même de cette doctrine.

« Tào » veut dire tour à tour la Voie qui conduit à la vérité, la Loi qui régit le monde, la Raison qui éclaire l'humanité, l'Auteur de toutes choses, la Nature, le Créateur.

Pris comme tel, « Tào » suppose la puissance créatrice qui engendre et transforme les êtres, dans la rotation perpétuelle des deux principes *âm* (yin) ou élément négatif et *ương* (yan) ou élément positif, qui interviennent dans l'univers comme le jour et la nuit, la lumière et les ténèbres, le bien et le mal, la vie et la mort.

Par sa morale, le taoïsme ne diffère pas beaucoup du bouddhisme et du stoïcisme : il préconise l'amour de la vertu, c'est-à-dire l'abnégation à tous les degrés.

Le désir est selon lui causé par l'instruction ; il soumet l'homme aux caprices de la nature. Or la souffrance résulte du savoir ; seule l'ignorance peut délivrer le genre humain du mal et lui procurer le bien-être sans mélange.

Il faut proscrire l'étude et les recherches scientifiques qui provoquent l'effort de l'esprit et les inquiétudes de l'âme, affranchir l'homme de la servitude du travail, mener une vie modeste et retirée, tuer les sens en les empêchant de se satisfaire et pratiquer l'oisiveté systématique.

Pour annihiler les passions et atteindre la passivité, on doit condamner la violence, répondre à l'injure par la bienveillance, se résigner à son sort et bannir la guerre sous toutes ses formes.

La science suprême s'acquiert par l'amour de la solitude, la vie contemplative, l'observation de l'abstinence, le goût de l'humilité, le mépris de la gloire, le renoncement à la richesse et aux biens de la terre.

Comme on le voit, c'est la doctrine du non-agir caractérisée par l'inaction, la non-intervention, le quiétisme. C'est le retour à la bonté naturelle de l'enfant, à la simplicité primitive.

Un nuage de mystère plane sur Lăo-Tử (Lao-Tseu), fondateur de cette métaphysique subtile ; son existence a été mise en doute par une foule de légendes contradictoires qui entourent la naissance du philosophe.

La théorie taoïste est contenue en substance dans le « Đạo Đức Kinh », (Tao-Te-King) ou la Voie et la Vertu, dont l'authenticité demeure fort contestable ; du moins c'est le bréviaire des sectateurs qui y puisent des thèmes de méditation.

Elle est reprise par le philosophe Trang-Tử (Tchouang-Tseu) qui est regardé comme l'interprète officiel de la doctrine, tout comme chez les Grecs Platon fut le continuateur de Socrate.

En réalité le taoïsme, par sa mystique transcendante, dépasse l'intelligence de l'homme du peuple, assujéti à ses nombreux besoins physiques. Dans la suite, il descend de ses hauteurs inaccessibles et dégénère en une multitude de croyances bizarres propres à la sorcellerie.

Déjà Trang-Tử, servi par une imagination luxuriante, ajoute aux enseignements du maître des descriptions voisines du merveilleux. Ainsi il fait allusion à ces hommes qui traversent le feu sans subir la moindre brûlure, plongent sains et saufs dans les profonds précipices, passent au travers des murailles de pierre, voyagent dans l'espace assis sur les nuages, etc.

Ces allégories sont prises au sérieux par des disciples convaincus, désignés sous les divers noms de médiums, pythonisses, devins, sorciers, géomanciers, etc.

Consulter les sorts, chasser les démons malfaisants, libérer les âmes emprisonnées dans les Enfers, interroger les dieux, débarrasser une maison

des esprits et des revenants, exorciser les possédés, délivrer une contrée du choléra, lancer les malélices sur les voleurs, faire des incantations pour attirer la pluie, etc., tel est leur très lucratif gagne-pain que par moquerie les lettrés confucianistes qualifient volontiers de charlatanisme.

La foi au taoïsme va très loin : poussée à l'extrême, elle conduit à des interprétations les plus extravagantes.

« Tào » devient alors Ngọc-Hoàng, l'Empereur de Jade, Souverain Seigneur de l'univers, Maître suprême du soleil, de la lune, des étoiles, du vent, des nuages, de la pluie et de la foudre.

Représenté sous la figure d'un énorme oiseau, au plumage rouge, planant sur l'abîme, il est flanqué de deux chérubins préposés l'un aux naissances humaines et l'autre aux décès.

Bientôt la magie intervient avec son étalage de pratiques déconcertantes. Ainsi les adeptes hallucinés passent à travers les flammes, marchent sur des lames de sabre, s'asseyent sur des couteaux acérés, se transpercent les joues avec de longues aiguilles, etc... à l'exemple des fakirs de l'Inde.

N'a-t-on pas vu les initiés des sociétés secrètes comme en Chine le Nghĩa Hòa-Đoàn (Les Boxers) et le Bạch-Liên-Giáo (Le Nénuphar blanc) et en Cochinchine le Thiên-Địa-Hội (Le Ciel et la Terre), entraînés par les charmes mystérieux, offrir sans broncher leurs poitrines nues aux baïonnettes et aux balles des mousquetons ? Đè-Thám, chef d'une organisation insurrectionnelle au Tonkin (1906-1913) contre la France, a été, assurait-on, doué d'invulnérabilité et même du don d'ubiquité.

Le roman « Tây Du Ký » (Relation d'un voyage en Occident), inspiré de la mythologie, est un exemple frappant du taoïsme altéré par le bric-à-brac de la magie la plus ébouriffante.

Il raconte les aventures fantastiques du bonze Huyèn-Trang chargé par un empereur des T'ang de se rendre aux Indes pour ramener en Chine

les trois canons bouddhiques, d'où le surnom de Tam-Tạng donné au pieux messager. Dans ses pérégrinations, celui-ci est accompagné de trois serviteurs étrangement accoutrés, dont le plus célèbre est Tôn-Ngộ-Không alias Tôn-Hành-Giả, le génie au masque de singe, encore appelé Tê Thiên ĐạI Thánh (le grand saint égal du Ciel), commandant à volonté aux esprits et aux mystères du monde. N'y voit-on pas les personnages marcher au fond de la mer, s'élever dans les airs, voyager sur les nuages, subir les métamorphoses les plus invraisemblables, d'un seul souffle disperser des légions de guerriers, provoquer le vent et la pluie, déjouer les embûches des diables, etc. ?

Le taoïsme actuel tombe au rang d'un vulgaire panthéisme, peuplé de génies, de déesses, de lutins, de démons, de divinités personnifiant les forces aveugles de la nature.

Dans les « truyện » ou romans versifiés n'a-t-il point inspiré les épisodes tantôt tragiques, tantôt romanesques, tels que l'apparition de l'ombre funèbre de la chanteuse Đạm-Tiên dans le « Kim-Vân-Kiều », les aventures de la fée Giáng-Kiều dans le « Bích Câu Kỳ Ngộ », la jeune Hạnh-Nguyễn sauvée par un génie dans le « Nhị Độ Mai » ?

✱

Malgré son ton quelque peu satirique, le poème « Lục-Vân-Tiên » apparait comme une pittoresque illustration du taoïsme avec ses partisans sincères et ses exploiters grimaçants.

Ce génie-dragon qui retire le jeune Lục-Vân-Tiên précipité dans la rivière par le vindicatif Trịnh-Hâm (1), cet autre génie errant qui transporte le héros malheureux hors de la grotte des Pins Verts (2), cet Immortel qui dans un songe fait

(1) « Lục-Vân-Tiên », vers 946 et suivants.

(2) id. , vers 1077 et suivants.

recouvrer la vue au jeune aveugle (1), ce tigre qui détache le brave serviteur ligoté à un arbre de la forêt (2), la déesse Quan-Âm qui recueille l'intrépide Nguyêt-Nga se jetant à la mer pour la déposer dans un jardin (3), tous ces personnages appartiennent à la mythologie taoïste, d'où sort une kyrielle d'êtres surnaturels qui interviennent dans l'existence des mortels en bien comme en mal.

Voici maintenant les bons croyants, c'est-à-dire ceux qui pratiquent en toute droiture les dogmes du philosophe Lăo-Tử et y trouvent à la longue le secret de leur contentement sur la terre.

C'est le cas de cet aubergiste désenchanté qui, loin du luxe et des honneurs du monde trompeur, se réfugie dans le silence de la campasne (4) ; de ce pêcheur qui, sur sa barque en bambou tressé, erre sans aucun souci du lendemain sur la surface des eaux, passant ses loisirs à fêter son filet et étendre ses palangres dans la fraîcheur du vent et sous le clair de lune (5) ; de ce bûcheron qui, méprisant la renommée éphémère, vit en compagnie des cerfs et des chevreuils et tire sa subsistance des productions de la forêt (6).

Ces trois personnages sont les fidèles disciples de ces anachorètes vivant à l'écart de la société, dans la brousse ou sur la montagne.

Solitude de la nature, liberté de l'esprit, paix du cœur, insouciance totale, tel est le véritable bonheur que l'Évangile taoïste promet aux âmes simples.

Si le taoïsme, grâce à sa mystique élevée, séduit les hommes au cœur loyal, soucieux de leur perfectionnement moral, en revanche il devient, entre

(1) \* *Lục-Vân-Tiên* », vers 1666 et suivants.

(2) *id.* », vers 897 et suivants.

(3) *id.* », vers 1523 et suivants.

(4) *id.* », vers 614 et suivants.

(5) *id.* », vers 963 et suivants.

(6) *id.* », vers 1140 et suivants.

les mains des imposteurs, un moyen facile pour répandre les superstitions et leurrer le peuple naïf.

Ce sont ces exploiters effrontés, qui cherchent à tirer profit même des choses dignes de vénération et s'en servent comme d'un instrument criminel de domination ou d'une source de trafic impuni.

Commençons par le devin du village, passé maître dans l'art de prédire l'avenir, c'est-à-dire d'interpréter les 384 combinaisons des éléments qui composent le *bát-quái* (huit trigrammes) ou la fameuse clé de Phục-Hi, nom de ce légendaire Empereur doué d'une puissance miraculeuse, lui-même père de la civilisation chinoise (1).

Voyez-le jongler avec les dix *can* (trunks célestes) et les douze *chi* (rameaux terrestres) (2), combiner les réponses de la tortue et de l'herbe *thi* (3), manier avec dextérité les sapèques divinatoires (4), tirer des déductions sur le deuil et la maladie en vertu des *lục xung* (six contraires) (5).

Cette science occulte, émaillée de jactance, ne vise qu'à soutirer l'argent d'une clientèle ignorante : un *tiên* (60 sapèques), une ligature ou 600 sapèques et 40 autres sapèques, en tout 700 sapèques bien sonnantes, plus un plateau de bétel et de l'alcool de bonne qualité, tel est le prix exorbitant d'une simple consultation (6).

Voici le tour du sorcier. Oyez-le faire étalage de son pouvoir merveilleux : houper le vent, appeler la pluie, commander à un oiseau ou un gibbon, chasser l'âne sauvage, terrasser le buffle, enfermer toutes les créatures dans une gourde, changer les haricots en soldats, transformer un mannequin en un foudre de guerre, marcher sur le charbon ardent, pénétrer dans l'eau

(1) \* *Lục-Vân-Tiên* », vers 718.

(2) *id.* », vers 721.

(3) *id.* », vers 721.

(4) *id.* », vers 739 et suivant.

(5) *id.* », vers 741.

(6) *id.* », vers 723 et suivant.

bouillante, s'asseoir sur le tranchant d'un sabre, se tenir debout sur la pointe d'une lance, s'élever dans le firmament (1), guérir un malade à distance (2), délivrer des amulettes magiques (3)...

Pour se donner plus de cran et de crédit, il lance un vibrant appel aux génies de tous grades : Bàu-Cổ, Tề-Thiên Đại-Thánh, Võ-Hậu, Nguyễn-Soái, Vương-Mẫu, Bouddha Amitaba, tous les autres bouddhas la princesse Ngũ-Long, les cinq Tigres pacificateurs, mille généraux et mille armées, les hôtes des palais de Động-Đình et de Xích-Lân (4)...

Cette autorité, ces incantations, ces talismans sont l'artifice coutumier de l'homme de métier, qui veut convaincre la galerie par une grandiloquence tapageuse et s'imposer à la crédulité populaire.

Reste une scène de pure sorcellerie dans laquelle le Cốt-Đột, général en chef doublé d'un redoutable magicien, fait apparaître des cohortes de démons pour combattre Lục-Vân-Tiên ; mais ces esprits malfaisants s'évanouissent dans l'air, à la vue des lances frottées du sang de chien, remède efficace contre les sortilèges, paraît-il (5).

Ces maléfices, qui ont pour but de nuire de près ou de loin, ne sont qu'une des manifestations de cette influence ténébreuse que confère à l'homme la communication mystique avec les génies taoïstes.

Ici il faut excepter ces taoïstes convaincus qui ne recourent aux procédés surnaturels que pour venir en aide aux victimes de l'infortune, tel ce vénérable précepteur qui remet à son disciple deux amulettes capables de préserver celui-ci de tout péril (6) et qui dévoile les mystères indéchiffrables de la destinée (7).

- (1) « Lục-Vân-Tiên », vers 767 et suivants.  
 (2) id. , vers 793 et suivants.  
 (3) id. , vers 811 et suivants.  
 (4) id. , vers 798 et suivants.  
 (5) id. , vers 1779 et suivants.  
 (6) id. , vers 31 et suivants.  
 (7) id. , vers 65 et suivants.

comme aussi cet aubergiste secourable qui offre au malheureux Lục-Vân-Tiên trois pilules merveilleuses qui apaiseront instantanément les tortures de la faim (1).

C'est pourquoi, dans les éditions en chữ nôm (écriture démotique), Trần-Vĩnh-Quang, Nguyễn-Kim-Đình, Nghiêm-Liễn et Quảng-Thịnh, les auteurs ne reculent pas devant la pieuse hypothèse d'après laquelle l'aubergiste ne serait autre que le précepteur déguisé pour couvrir son disciple de sa protection ; pour mieux dire, ce n'est autre qu'un adepte ayant atteint le degré suprême de la pratique taoïste qui lui permet d'agir comme un thaumaturge pourvu du don de se rendre comme un éclair d'un lieu à un autre, de faire surgir de terre une auberge isolée sur le bord de la route, de prendre la forme d'un hôtelier discourant avec une belle assurance sur les vieilles annales et apportant à Lục-Vân-Tiên des médicaments magiques.

\*

Les peuples d'Asie ont l'âme foncièrement religieuse. Le besoin d'une croyance les place dans une attitude d'adoration devant les divinités ; mais l'ignorance et la bonne foi enfantent une foule d'erreurs et de superstitions sur lesquelles spéculent les aventuriers de tout acabit pour duper le vulgaire.

Le poème « Lục-Vân-Tiên » établit une judicieuse discrimination parmi les dogmes du philosophe Lão-Tử, en démasquant sans pitié les coquins qui s'engraissent au préjudice des gens incultes et trop confiant.

Il faut reconnaître que le taoïsme, par son outrance ascétique et spiritualiste, favorise les chimères de l'imagination et le culte des mythes. De plus, en prétendant que l'union avec un « Tào » indiscernable par le moyen de l'extase produit un accroissement illimité de la propre personnalité, il ouvre la porte à toutes les singularités de la magie.



(1) « Lục-Vân-Tiên », vers 607 et suivants.



## VĂN - HÓA TÙNG - THU

do NHA VĂN-HÓA, PHỤ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
xuất - bản

### 1. SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

Tuần-Lý Huỳnh-khắc-Dung biên-soạn  
(246 trang) . . . . . 25\$

### 2-3. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng (152 trang) . . . . . 20\$  
Tập hạ (132 trang) . . . . . 15\$

### 4-5. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

A-Nam Trần-Tuấn-Khải phiên dịch  
Tỉnh Thanh-Hóa Tập thượng (122 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (174 trang) . . . . . 15\$

### 6. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Kinh Sư (96 trang) . . . . . 15\$

### 7-8. CỐ-ĐỒ HUẾ : Lịch-sử, Cỗ-tịch, Thắng-cảnh và Thi-ca

Thái-Văn-Kiểm biên-soạn  
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản đồ) . . . . . 70\$

### 9-12. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) . . . . . 20\$  
Thừa-Thiên Phủ Tập thượng (144 trang) . . . . . 15\$  
Tập trung (152 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (134 trang) . . . . . 15\$

### 13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỊNG-BIÊN

Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên soạn  
(190 trang) . . . . . 55\$

### 15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM

(Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng-Hòa)  
'VIETNAM CULTURE SERIES' No. 6  
Nguyễn-Đình-Hòa biên soạn (31 trang) . . . . . 12\$

### 16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE

(Văn-chương Việt-Nam)  
'ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM' No. 7  
Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn (26 trang) . . . . . 12\$

### 17. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY

(Khái-luận về Thi-ca Việt-Nam)  
'VIETNAM CULTURE SERIES', No. 9  
Lý-Chánh-Trung biên soạn (12 trang) . . . . . 12\$

### 18. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY

(Nền dân-chủ trong xã-hội cổ-truyền Việt-Nam)  
'VIETNAM CULTURE SERIES', No. 4  
Nguyễn-Đặng-Thục biên soạn (12 trang) . . . . . 12\$

### 19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE

(Khái-luận về Văn-hóa Việt-Nam)  
'VIETNAM CULTURE SERIES', No. 1  
Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn (28 trang) . . . . . 12\$

### 20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tỉnh Bình-Dịnh (196 trang) . . . . . 38\$

### 21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Quảng-Nam (282 trang) . . . . . 25\$

### 22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tỉnh Quảng-Ngai (212 trang) . . . . . 25\$

23. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Phú-Yên và Khánh-Hòa (298 trang) . . . . . 25\$
24. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Bình-Thuận (cả bản chữ Hán 206 trang) . . . . . 25\$
25. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Đông-Minh Đặng Chu-Kính phiên-dịch  
Tỉnh Nghệ-An (cả bản chữ Hán, 308 trang) . . . . . 38\$
26. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Đông Minh Đặng-Chu-Kính phiên-dịch  
Tỉnh Hà-Tĩnh (cả bản chữ Hán, 206 trang) . . . . . 25\$
27. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kính phiên-dịch  
Tỉnh Hà-Nội (cả bản chữ Hán, 250 trang) . . . . . 25\$
28. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
Tỉnh Bắc-Ninh (cả bản chữ Hán, 206 trang) . . . . . 25\$
29. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Sơn-Tây (cả bản chữ Hán, 354 trang) . . . . . 50\$
30. **ỨC TRAI DI-TẬP**  
Trần-Tuấn-Khải phiên dịch  
Đur-Địa-Chí (cả bản chữ Hán, 290 trang) . . . . . 80\$
31. **LA PERSONNALITÉ CULTURELLE DU VIETNAM**  
(Cá-tính Văn-hóa Việt-Nam)  
"ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM", No 8  
Trịnh-Huy-Tiến biên soạn 56 trang . . . . . 12\$
- 31<sup>B</sup> **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Hưng-Yên (cả bản chữ Hán 90 trang). . . . . 28\$

32. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kính phiên-dịch  
Tỉnh Cao-Bằng (cả bản chữ Hán, 92 trang) . . . . . 28\$
33. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kính phiên dịch  
Tỉnh Hải-Dương (cả bản chữ Hán, 328 trang) . . . . . 180\$
- 34-35. **HẢI-DƯƠNG-PHONG VẬT-CHÍ (THƯỢNG, HẠ)**  
Tả-Nam Nguyễn-Anh-Diệm phiên dịch (cả chữ Hán, 464 trang). 190\$
36. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Cử-Nhân Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Nam-Định (cả bản chữ Hán, 272 trang) . . . . . 120\$
37. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Cử-Nhân Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Ninh-Bình (cả bản chữ Hán, 168 trang) . . . . . 80\$
38. **KHÔNG-ĐẠO TINH HOA**  
Tác giả : Đông Khê Hà Ngọc-Xuyến (120 trang) . . . . . 55\$
- 38.<sup>A B</sup> **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
Cử-Nhân Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Hưng-Hóa (Tập Thượng và Hạ)  
(cả bản chữ Hán, 136 trang) . . . . . 110\$
- 38.<sup>C</sup> **BẮC-THÀNH ĐỊA-DU-CHÍ**  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kính phiên dịch  
(Quyển 1 & 2, cả bản chữ Hán, 252 trang) . . . . . 200\$
- 38.<sup>D</sup> **BẮC-THÀNH ĐỊA-DU-CHÍ**  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kính phiên dịch  
(Quyển 3, cả bản chữ Hán, 144 trang) . . . . . 120\$
- 38.<sup>E</sup> **BẮC-THÀNH ĐỊA-DU-CHÍ**  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kính phiên dịch  
(Quyển 4, cả bản chữ Hán, 118 trang) . . . . . 100\$

39. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo, phiên dịch  
 Tỉnh Lạng-Sơn (cả bản chữ Hán, 100 trang) . . . . 120\$
40. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo, phiên dịch  
 Tỉnh Tuyên-Quang (cả bản chữ Hán, 84 trang). . . . 120\$
41. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch  
 Tỉnh Quảng-Yên (cả bản chữ Hán, 100 trang) . . . . 125\$
42. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch  
 Tỉnh Thái-Nguyên (cả bản chữ Hán, 86 trang) . . . . 115\$
43. **VIETNAMESE STUDIES AND THEIR RELATIONSHIPS  
 TO ASIAN STUDIES**  
 (VIETNAM CULTURE SERIES No 9)  
 Nguyễn - Khắc - Kham biên soạn (47 trang) . . . . 60\$
44. **THE ORIGINS OF THE VIETNAMESE PEOPLE**  
 (VIETNAM CULTURE SERIES No 10)  
 Nguyễn-Đặng-Thục biên soạn (55 trang) . . . . 60\$
- **A SURVEY OF THE HISTORY OF VIETNAM**  
 (VIETNAM CULTURE SERIES No 11)  
 Nguyễn-Thế-Anh biên soạn (42 trang) . . . . 60\$
45. **QUELQUES ASPECTS DE LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE**  
 (ASPECTS CULTURLES DU VIETNAM No 12)  
 Nghiê-m-Toàn biên soạn (57 trang) . . . . 60\$
46. **KIM-VÂN-KIỀU THANH-TÂM-TÀI-TỬ**  
 Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm dịch  
 Tập Thượng (cả bản chữ Hán, 422 trang) . . . . 750\$
47. **KIM-VÂN-KIỀU THANH-TÂM-TÀI-TỬ**  
 Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm dịch  
 Tập Hạ (cả bản chữ Hán, 490 trang) . . . . 880\$

Có bán tại các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các Tỉnh và tại Nha Văn-Hóa  
 8, NGUYỄN-TRUNG-TRỰC — SAIGON

VĂN HÓA TẬP-SAN NĂM  
THỨ XX SỐ 3 & 4 (năm 1971)  
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ  
IN TƯỞNG LẠI, 133 VÕ  
TÁNH, SAIGON GIẤY PHÉP  
XUẤT-BẢN: NGHỊ-ĐỊNH SỐ  
332 CANSQ NGÀY 5.5.1952

## THỂ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA TẬP-SAN

Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 8 Nguyễn-Trung-Truc, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi ( có dành lề ở cả hai bên ), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy ( để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn ).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soan liên-lạc hội-y thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ ( tên tác-giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào ).

Thí dụ : Nguyễn-văn-X. . . Văn - Học Việt - Nam ( Saigon xuất bản-cục. 1960 ), trang . . .

Trần-văn-X. . . « Điền cổ », Văn - Hóa Tập - San Tập . . . Số . . . ( tháng . . . năm . . . ), trang . . .

5. Bao nhiêu chữc chú dất ở cuối trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ ( Anh, Pháp . . . ).
7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V. H. T. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.
8. Tòa soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp dất các loại bài đăng V. H. T. S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn v. v . . . mong các bạn thông cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

VĂN HÓA TẬP-SAN NĂM  
 THỨ XX SỐ 3 & 4 (năm 1971)  
 IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ  
 IN TƯƠNG LAI, 133 VÕ  
 TÁNH, SAIGON GIẤY PHÉP  
 XUẤT-BẢN: NGHỊ-ĐỊNH SỐ  
 332 CANSQ NGÀY 5.5.1972

## THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN - HÓA TẬP - SAN

Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhàn lãn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soan liên-lạc hội-y thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào).  
 Thí dụ: Nguyễn-văn-X... Văn - Học Việt - Nam ( Saigon xuất bản-cục. 1960 ), trang...  
 Trần-văn-X... « Điền cổ », Văn - Hóa Tập - San Tập... Số... ( tháng... năm... ), trang...
5. Bao nhiêu cước chú đặt ở cuối trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ ( Anh, Pháp... ).
7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V. H. T. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.
8. Tòa soạn tùy - nghi lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V. H. T. S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ - thuật, chuyên - môn v. v... mong các bạn thông cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

GIÁ BÁN TOÀN QUỐC .

1 số (tư nhân) . . . . . : 80\$

1 số (công sở) . . . . . 160\$

(ở xa thêm tiền cước phí)